SÁNG TẠO

THÁNG SÁU 1958

KHẢO LUẬN

TRẦN THANH HIỆP . . Chúng ta hình thành văn nghệ mới
NGUYỄN SỸ TẾ . . . . . Bàn về văn học sử Việt Nam
THÁI BẠCH . . . . . Khái luận về đặc tính văn nghệ của miền Nam
NGUYÊN SA . . . . . Kinh nghiệm thi ca
LÊ CAO PHAN . . . . . Sáng tác nhạc thiếu nhi

SÁNG TÁC

DUY THANH . . . . . Thằng Khởi
VÕ PHIẾN . . . . . Kể trong đêm khuya
DOÃN QUỐC SỸ . . . . . Dòng sông định mệnh

THƠ TỰ DO CỦA

PHẠM NGUYÊN VŨ – QUÁCH THOẠI
TIÊU HÀ - VƯƠNG TÂN - LÔI TAM
THẠCH CHƯƠNG - TÔ THÙY YÊN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MẠC SƠN: ĐỌC SÁCH: NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA ĐÔNG NAM Á của ***TẠ VĂN NHO*** – **TRƯỜNG GIANG:** TRIỂN LÃM STÉPHANE MAGNARD – **NGUYỄN TRUNG:** TRIỂN LÃM HÀ HỒNG LIÊN – **THÁI TUẤN:** XEM TRIỂN LÃM HỘI HỌA PHI LUẬT TÂN – **NGUYỄN ĐĂNG:** ĐỌC SÁCH: NHẬN ĐỊNH của ***NGUYỄN VĂN TRUNG*** – TRIỂN LÃM HỘI HỌA CỦA NGHI CAO UYÊN Ở PHI LUẬT TÂN.

CHỦ TRƯƠNG BIÊN TẬP
MAI THẢO
TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

SỐ 21 **80 trang GIÁ : 10$00**

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 21
tháng Sáu 1958

nguyên sa - doãn quốc sỹ - trần thanh hiệp - thái bạch - nguyễn sỹ tế - lê cao phan - tô thùy yên - võ phiến - duy thanh - phạm nguyên vũ - quách thoại - vương tân - tiêu hà - lôi tam - thạch chương - nguyễn trung - nguyễn đăng - mạc sơn

Sáng Tạo số 21
tháng 6 - 1958

bìa: ***Tạp chí Sáng Tạo***
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: ***Internet***

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 21
tháng 6 - 1958

MỤC LỤC

Trang

1. BÀN VỀ VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM 9
NGUYỄN SỸ TẾ
2. CHÚNG TA HÌNH THÀNH VĂN NGHỆ MỚI 32
TRẦN THANH HIỆP
3. ĐÊM 50
QUÁCH THOẠI
4. TÌNH BẰNG HỮU CHIẾN ĐẤU 52
PHẠM NGUYÊN VŨ
5. HẢI ĐĂNG 61
TIÊU HÀ
6. TỘI NGHIỆP - CẢM GIÁC . 63
TÔ THÙY YÊN
7. KỂ TRONG ĐÊM KHUYA 64
VÕ PHIẾN
8. KHÁI LUẬN VỀ ĐẶC TÍNH VĂN NGHỆ CỦA MIỀN NAM 99
THÁI BẠCH
9. THẰNG KHỞI 114
DUY THANH
10. SÁNG TÁC NHẠC THIẾU NHI 131
LÊ CAO PHAN
11. TÔI CÚI ĐẦU ĐI ĐÊM NAY 146
LÔI TAM
12. ĐÒI SỐNG 149
THẠCH CHƯƠNG
13. DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH 153
DOÃN QUỐC SỸ

14. KINH NGHIỆM THI CA 196
NGUYÊN SA
15. BẢN HÀNH CA SỐ MỘT 217
VƯƠNG TÂN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MẠC SƠN: ĐỌC SÁCH: NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA ĐÔNG NAM Á của ***TẠ VĂN NHO*** (trang 223) – **NGUYỄN TRUNG:** TRIỂN LÃM HÀ HỒNG LIÊN (trang 231) – **THÁI TUẤN:** XEM TRIỂN LÃM HỘI HỌA PHI LUẬT TÂN (trang 236) – **TRƯỜNG GIANG:** TRIỂN LÃM STÉPHANE MAGNARD (trang 239) – **NGUYỄN ĐĂNG:** ĐỌC SÁCH: NHẬN ĐỊNH của ***NGUYỄN VĂN TRUNG*** (trang 241) – TRIỂN LÃM HỘI HỌA CỦA NGHI CAO UYÊN Ở PHI LUẬT TÂN (trang 243).

o O o

Thư từ và bài vở gởi cho: MAI THẢO
Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:
133B, đường Ký Con – SAIGON

BÀN VỀ VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN SỸ TẾ

VĂN HỌC sử là một môn học hãy còn mới mẻ ở nước nhà. Xưa kia, trước khi tiếp xúc với Tây phương, sinh hoạt văn học thường chỉ được lược dẫn trong các pho sử ký, truyện ký hoặc trong mấy bộ bách khoa hãn hữu như Thiên Nam dư hạ tập đời Lê Thánh Tôn, các sách biên khảo của Lê Quý Đôn, Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú...

Sau này, với tinh thần học tập Tây phương, nền văn học cũ được trình bày thành những thiên khảo luận biệt lập đăng trong các cơ quan

văn học như Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí, Văn học tạp chí và trong những tập kỷ yếu của các hội đoàn công hay tư như Trường Viễn đông bác cổ, hội Khai trí tiến đức, hội Thân hữu kinh thành Huế. Đồng thời những sách tiểu luận, phê bình, cảo luận văn học cũng bắt đầu xuất hiện.

Những yếu tố và điều kiện đầu của môn Văn học sử Việt Nam đã có. Nhưng rồi tác phẩm đầu tiên trong loại chỉ là cuốn Việt Nam Văn học sử yếu của ông Dương Quảng Hàm viết cách đây không lâu, chưa đầy hai mươi năm. Từ đó những cố gắng của các nhà quan tâm đến văn học nước nhà để hệ thống hóa những tài liệu cũ, để sưu tầm thêm những tài liệu mới kể cũng đã nhiều, song kết quả vẫn chưa được như mong muốn. Nhiều vấn đề vẫn cần phải đặt ra, kể cả vấn đề tiên quyết là đối tượng của môn học. Trạng thái phức dị của những ý kiến, những giải pháp đưa ra chưa phải là chuẩn nhận giai đoạn quá độ trưởng thành của môn học, mà trái lại. Sở dĩ thế cũng vì môn học còn

trong thời kỳ phôi thai lại gặp một trở lực căn bản, trở lực tài liệu.

Ở Tây phương, văn học sử là môn học đã có một lịch sử tiến hóa lâu dài, có đối tượng và phương pháp tương đối đã vững, đứng. Tất nhiên chúng ta nhờ vả ở môn học của họ khá nhiều, song không phải là có thể chuyển dịch đơn thuần sang môn học của chúng ta vì đặc tính của văn học của nước nhà cũng có, mà vì những điều kiện dành cho người nghiên cứu cũng có.

Bài này chỉ có tham vọng kiểm điểm và hệ thống hóa sự việc, thử tim xác định đại cương đối tượng của môn học và lưu ý các nhà viết sách về một số vấn đề về phương pháp dài dòng cần phải giải quyết ngay khi nhập môn Văn học sử Việt Nam,

I. ĐỐI TƯỢNG

Một môn học bao giờ cũng được xác định

rõ rệt trong đối tượng của nó. Đây là một vấn đề trọng đại quyết định cả cái phương pháp của môn học. Và cũng là dựa vào đối tượng đã xác định mà người ta có thể đưa ra định nghĩa này hay định nghĩa khác về môn học.

Thực ra danh từ đối tượng chính nó cũng có một định nghĩa co dãn. Trong một nghĩa rộng người ta đồng hóa danh từ với mục đích hay vai trò. Trong một nghĩa hẹp, đối tượng của môn học chính là "vật liệu" (la matière), là nội dung là cái "chứa đựng" của môn học đó. Tất nhiên hai nghĩa đó cũng chỉ là hai khía cạnh tương thông, liên kết của một quan niệm, tương ứng với hai câu hỏi giản dị đi liền nhau: Học cái gì (hẹp)?... Và học để làm gì (rộng)? Khi trả lời câu hỏi thứ nhất, người ta thường đứng vào phương diện nhà khoa học, dòm ngó tới cả tình trạng của những môn học chung quanh. Trả lời câu hỏi thứ hai, người ta thường đứng vào phương diện của nhà giáo dục, nhà đạo lý. Hiểu như thế ta thường thấy một số ngành học chỉ xác định trong "sức chứa đựng" của nó, còn

thì để lại cái công dụng cái mục đích để người nghiên cứu suy ngẫm lấy, – điều mà nhiều khi có ép trước cũng không được.

Một nhận xét thứ hai về đối tượng của môn học là: đối tượng hiểu theo nghĩa "sức đựng" của một môn học cũng được thu hẹp hay nới rộng tùy theo trình độ tiến hóa của nó. Chẳng hạn, xã hội học ban đầu là thành phần đối tượng của triết học, cũng như thống kê học đối với kinh tế học. Dầu sao thì đối tượng hiểu theo nghĩa hẹp, cũng giống như nghĩa đen của một danh từ, có thay đổi cũng chỉ chậm và ít mà thôi; trái lại, mục đích của môn học chỉ là một cái trò chơi trong tay các lý thuyết gia của những môn phái cũng như của người đọc nếu muốn.

Thật thế người ta có thể cùng học một thứ mà vẫn có những chủ trương khác nhau. Sau rốt, sẽ thừa chăng khi tôi nói rằng giữa hai nghĩa hẹp và rộng của đối tượng còn có những màu sắc nghĩa nửa chừng, có khi phải vận dụng

tới cả ý niệm về phương pháp?

Xin trở lại môn Văn học sử Việt Nam, đối tượng của bài viết này.

A. Chỉ xin bàn sơ qua về đối tượng hiểu theo nghĩa mục đích, vai trò vì lẽ đã trình bầy trên kia. Bỏ ngoài chủ trương cực đoan với những nhằm ngắm một chiều, vĩnh viễn hay nhất thời, đại để các ý kiến cũng là xác đáng, không va chạm nhau nhiều, có thể tổng hợp lại được, vì thực sự ra thì mục đích của một việc làm trọng đại thường không mấy khi có tính cách đơn thuần.

– Nhằm điều ích lợi thực tiễn gần kề, người ta có thể nói: Học Văn học sử để được trang bị về nghệ thuật cũng như về kỹ thuật ngõ hầu có thể đưa ra một lời phê phán xác đáng và thông thái về giá trị của một văn phẩm phải cứu xét. Tất nhiên nhận định đó hẹp hòi vì không phải người ta chỉ học văn học vì cái thú văn chương hay vì cái lợi tức thì của việc làm.

Cho nên những nhận định về đối tượng của Văn học sử thường rộng rãi hơn thế, thiên về ý nghĩa luân lý của môn học:

– Nhằm một hướng cao hơn, người ta gán cho văn học sử một mục đích gây dựng tinh thần và tình cảm của con người, tức nói đến giá trị nhân văn của môn học. Theo chủ trương này, G. Lanson, một nhà văn học sử Pháp, nhận ở văn học sử "một lợi khí để trau dồi học vấn", "một lợi khí để mưu cầu sự gây dựng văn hóa nội tại của con người" (instrument de culture intérieure).

Theo hướng chiều kết chặt vào dân tộc và phương diện đông của vấn đề (vì là môn sử học), người ta gán cho Văn học sử Việt Nam mục đích tìm hiểu nếp sống tinh thần và tình cảm của dân tộc qua các thời đại.

Những nhận định sau đây của ông Lê Văn Siêu trong cuốn Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam làm sáng tỏ ý trên: "Văn học chẳng phải chỉ là

những gì viết ra trên giấy trắng mực đen. Nó là phần tinh thần của dân tộc, mượn giấy trắng mực đen để phát huy, cũng như đã mượn tiếng nói, mượn cử chỉ, mượn dáng điệu để tự thể hiện" — "Phải lột trần được sự tiếp diễn tràng kỳ của cuộc sống tinh thần ấy của dân tộc qua những tác phẩm..." — "Phải cảm thông được với cả phần ý thức lẫn phần tiềm thức của dân tộc để nhận định được những hằng tích lịch sử trong những hồi trồi lên, trụt xuống của nó". Rồi nhận định của ông thiên rõ về văn hóa: "Tất cả những tác phẩm văn nghệ, học thuật của một dân tộc không những tiêu biểu cho tinh thần thích ứng với hoàn cảnh thiên nhiên và xã hội để tồn tại, mà còn tiêu biểu cho ý muốn vươn tới điều cao cả.

Cũng trong khuôn khổ của chủ trương trên, ông Nghiêm Toản trong sách Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu nhận định: "Mượn văn Chương truyền khẩu hay bằng chữ viết làm một con đường đi vào ý thức tư tưởng công cộng của dân Việt và để nhận xét một phần sự

tiến triển các ý thức tư tưởng ấy qua các thời đại, đó chính là đối tượng văn học sử".

Như vậy hai chủ trương trên, một để gây dựng con người bên trong, một để tìm hiểu sự tiến hóa của tinh thần dân tộc, cũng là bổ trợ cho nhau và tạm đủ về mục đích của môn học. Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý rằng mục đích đó cũng là chung cho nhiều môn học khác: sử học, ngữ học, lịch sử triết học, lịch sử luật học, lịch sử văn hóa... Các môn học này có khác nhau lại vẫn là ở phương tiện sử dụng, ở đối tượng hiểu theo nghĩa hẹp, ở điều những môn học đó học "những cái gì". Cho hay về nghĩa mục đích thì đối tượng nên để co dãn, mà về nghĩa nội dung thì cần phải xác định vậy. Có lẽ cũng vì thế mà ông Dương Quảng Hàm không đả động tới đối tượng của môn học trong sách của ông.

Xuống thấp một bực khỏi những mục đích có tính cách luân lý kể trên (mà nếu thắc mắc ra, người ta vẫn cần phải xác định cái nhân

bản theo đuổi, cái tinh thần vị dân tộc nên có), chúng ta tiến tới những chủ trương thiên về mục đích khoa học, khả năng, phương pháp của môn học:

— Trước hết, có thể gán cho văn học sử đối tượng làm nổi rõ những tương quan gắn liền một tác phẩm với tác giả, với hoàn cảnh lịch sử và xã hội...

— Đi mạnh vào con đường khoa học hóa môn văn học sử, có người nuôi cái tham vọng khám phá ra những định luật văn học tương tự như những định luật kinh tế, ấy là chưa kể rằng còn muốn ràng buộc những định luật này với những định luật kia. Văn học tất nhiên không thể khoa học hóa triệt để được!

— Gustave Lanson khiêm nhường hơn nói: "Văn học sử có đối tượng (objet) là miêu tả những cá tính". Nhà văn học sử, trong trường hợp ấy, quá đề cao tác giả đối dựng trước nhóm đoàn xã hội. Hơn nữa, chủ trương của ông, hay

nói cho đúng, điều chú ý của ông, với tính cách đơn thuần của nó ngược với chủ trương trên kia, giảm bớt tính cách khoa học của môn học, vì ông tiếp: "Văn học sử có nền tảng là những trực giác cá nhân" (tức của người viết văn học sử).

B. Chúng ta vừa kiểm điểm đối tượng của văn học sử hiểu theo nghĩa thiên về mục đích. Về đối tượng hiểu theo nghĩa hẹp là nội dung, vẫn có những ý kiến bất đồng, nhất là trong Văn học sử Việt Nam.

Muốn tìm đối tượng của văn học sử, tất phải tìm hiểu văn học là gì.

Riêng ông Hồ Hữu Tường trong cuốn "Lịch sử văn chương Việt Nam" không ngại ngần gạt bỏ những tác phẩm bằng chữ Hán, mặc dầu những tác phẩm đó do người Việt Nam viết. Ông có cái lập luận riêng của ông. Lập luận đó thích ứng với môn lịch sử văn chương, nhưng không thích ứng với môn lịch sử văn học, vì

văn học là một cái gì rộng rãi hơn văn chương mà hẹp hơn văn hóa.

Văn hóa > Văn học > Văn chương. Đó là một chân lý thủ đắc. Vì một lý chung: Văn học sử các nước Tây phương, mặc dầu chú trọng tới những tác phẩm văn chương, vẫn không quên nói đến tình trạng tổng quát của các bộ môn khác: triết học, sử học, khoa học, nghệ thuật...

Vì một lý lẽ riêng ở nước ta, "Những tác phẩm về triết học đã hiếm, lại phần nhiều là những sách chú giải, phụ diễn, chứ không có sách nào là cái kết quả của sự tư tưởng độc lập, của công sáng tạo đặc sắc cả" (Dương Quảng Hàm), tất văn học phải gánh cái phần đi sâu vào diễn biến tư tưởng của dân tộc qua các loại sách, dầu viết bằng tiếng này hay tiếng khác, nhất là xưa kia trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt nước nhà thì những tác phẩm bằng chữ Hán lại chứa đựng tư tưởng nhiều hơn tác phẩm nào hết.

Khi ông Etiemble, trong Histoire des Littérature 1 (Eucyclopédie de la Pléiade) viết: "Văn học trở thành cuốn sách, tất cả cuốn sách, chỉ riêng cuốn sách thôi", hay ông Durand, cũng trong sách đó, hiểu "văn học là tất cả những tác phẩm sản xuất được", hay ông Thanh Lãng trong cuốn Văn chương chữ nôm định nghĩa: "Văn học là bộ môn gồm tất cả những công trình sáng tác về vận văn hay tản văn" đã chỉ nói đúng một vài khía cạnh của sự vật, đưa ra những nhận định thiên về hình thức, thiên về cái "vỏ chứa đựng" hơn là về tinh thần, về nội dung của sự vật. Chúng ta đã nói quyển sách hay tác phẩm không thể tách rời khỏi tác giả, cũng như tác giả khỏi hoàn cảnh lịch sử và xã hội.

Tiếp sau cái định nghĩa vắn tắt về văn học trên, ông Thanh Lãng có xác định rõ hơn: "Văn học sử là một khoa nghiên cứu về cuộc đời, về khuynh hướng, về sự nghiệp, về ảnh hưởng và địa vị của các nhà văn trong lãnh vực văn chương". Định nghĩa này tuy có bao gồm cả

mục đích lẫn nội dung song hơi hẹp vì hai lẽ: Thiên về văn chương và thiên về tác giả. Thiên về văn chương tức thu hẹp văn học lại như chúng ta vừa nhận xét trên đây. Thiên về tác giả tức coi nhẹ yếu tố dân tộc, sao lãng mục đích của văn học đã xét trên kia.

Cho nên ông Dương Quảng Hàm, tuy không minh thị định nghĩa văn học, hay xác định đối tượng của môn học, song đi sâu vào nội dụng cuốn sách của ông, chúng ta thấy rằng ông cũng đã quan niệm một cách khá chỉnh bị về những gì phải xét tới: nào học thuật, tư tưởng, văn chương, nào ảnh hưởng Đông Tây, nào việc học, việc thi, nào các loại tác phẩm Hán cũng như Việt qua các thời đại.

Như vậy, đối tượng của văn học sử cần phải được phân định ranh giới khỏi các môn học xung quanh như sử học, triết học, văn hóa, ngôn ngữ....; và đối tượng của Văn học sử Việt Nam mong được xác định rõ sao cho đầy đủ phối hợp mục đích với dung tích và lưu ý tới

tình trạng của môn học tại nước nhà cũng như tới những điều kiện vật chất dành cho người nghiên cứu.

II. PHƯƠNG PHÁP

Chúng ta vừa đặt ra vấn đề mục đích và đối tượng của môn văn học sử Việt Nam. Kể ra còn nhiều vấn đề phải giải quyết ngay từ bước đầu nữa. Tất cả những vấn đề này nên tập trung lại thành một phần, nếu không là một quyển gọi là nhập môn.

Tôi nhớ tới pho sách Dân luật của Pháp. Trong bộ I (tome I) bất luận một tác giả nào, – và đây là điều đã thành cố định, đều dành một phần cực kỳ quan trọng để nói các điều khái quát của môn học. Xin kể sơ qua: nào mục đích, đối tượng, phương pháp của Luật học; nào ranh giới giữa Luật học và Luân lý học, Xã hội học, Kinh tế học; nào nguồn gốc của Luật pháp (điều luật, đạo dụ, tập tục, án lệ, học lý...); nào những lý thuyết chính yếu trong dân luật

cùng mấy nét đại cương trong sự tiến hóa của môn học... ấy là chưa kể rằng người làm sách còn báo trước và giải thích cặn kẽ cái bố cục mà họ theo đuổi trong pho sách.

Trong tình trạng phôi thai của môn học sử tại nước nhà, tôi thiết nghĩ nên đem ứng dụng lối viết sách đó, vừa để cho người soạn sách minh thị nhất trí đối với mình, vừa để cho mọi người thỏa thuận lần lần với nhau về cùng một việc làm.

Sau đây xin kiểm điểm những vấn đề thiết yếu xét ra liên hệ ít nhiều tới phương pháp của môn học.

A. Trước hết là những điều kiện ngoại tại, hay nói cho đúng hơn, những điều kiện dành cho người nghiên cứu văn học sử nước nhà. Đây là vấn đề thư tịch, vấn đề tài liệu và giá trị của những tài liệu đó. Vấn đề đã quá rõ, tôi xin lướt qua. Chúng ta hẳn biết rằng tài liệu văn học Việt Nam hãy còn nghèo nàn, hỗn độn

lắm. Đó là một trở lực lớn lao, đòi hỏi mọi thận trọng của người soạn sách. Tài liệu chung về văn học trong nước, về thân thế sự nghiệp các tác giả vốn hiếm, mà ngay đến những tác phẩm văn chương của tác giả còn lưu lại cũng ít ỏi và tam sao thất bản.

Một vài thí dụ. Nhà Nguyễn lên ngôi đã cố tình gây một lỗ thủng trong lịch sử, trong ký ức quốc dân, chôn vùi nhà Tây Sơn, để đến nỗi người ta quen gọi buổi giao thời hồi đầu thế kỷ XIX là buổi giao thời Lê mạt – Nguyễn sơ. Chúng ta được đọc những gì của Cao Bá Quát, ngoại trừ một số thi phẩm nôm có tính cách sầu thế, một bài phú nôm, mấy câu đối, mấy bài thơ chữ Hán, để có thể phê phán tư tưởng của tác giả, để có thể vỡ lẽ "văn, chứ không thi,... như Siêu, Quát"? Đã lâu người ta đưa những giả thuyết mới đánh đổ những giả thuyết cũ về bài văn tế cả sấu của Hàn Thuyên, về Chinh phụ ngâm, về Hạnh thục ca... Đâu là chân lý? Những tài liệu hiện lưu hành chính xác tới mực nào? Tôi còn nhớ có một học giả

muốn nghiên cứu Văn học sử Việt Nam theo phương pháp khoa học Âu Tây được một nhà giáo cảnh cáo đại khái rằng: "Khoa học! Được lắm! Nhưng xin lưu ý anh rằng những bi ký mà anh cất công lăn lộn sưu tầm đó rất có thể là giả, rất có thể là do những người sau không chứng kiến sự vật cũng hứng chí mà làm nên!" Cho hay phải có sự tiến bộ của các môn học liên hệ thì Văn học sử Việt Nam mới tiến bộ theo được. Hà tất phải nói thêm rằng vấn đề tài liệu không phải chỉ là một vấn đề sử dụng, mà còn là một vấn đề sưu tầm và phổ biến.

B. Kế đến là những điều kiện nội tại, hay nói khác đi, những điều kiện tác thành Văn học sử Việt Nam. Đây cũng là vấn đề xác định tính chất đại cương và cá biệt của văn học nước nhà. Chúng ta có thể dùng kỹ thuật của Tây Phương, tất nhiên theo tinh thần riêng. Sau đây là những điều kiện, những yếu tố chính, ngoài "cá tính" của từng tác giả cũng như những tác phẩm còn để lại:

a) Yếu tố dân tộc.– Vấn đề nguồn gốc của dân tộc cần phải được giải quyết rõ ràng, xác đáng hơn (đã có nhiều sách và nhiều thuyết mới về vấn đề này). Đặc tính của dân tộc cũng cần được suy nghiệm vô tư và khách quan. Ít lâu nay người ta nói nhiều tới dân tộc tính Việt Nam. Trong Sáng Tạo số 4, tôi có đề cập tới và cố gắng giải thích cái thần trí và hồn tính điều hòa, vững vàng của dân tộc. "Hai cái thói hư trội nhất của người Việt Nam là bông đùa và diễu cợt" mà ông Thanh Lãng nhắc nhở trong cuốn Văn chương chữ nôm nên phải hiểu trong khuôn khổ của cái hồn tính phức tạp của người Việt.

b) Yếu tố lịch sử mà nhận xét chung, căn bản là: lịch sử của dân tộc một tiểu nhược quốc luôn luôn bị đe dọa trong nền độc lập và thống nhất của nó, lịch sử của một dân tộc khi đấu tranh sôi nổi, khi xây dựng hiền hòa để tồn tại — Cho hay lấy chính trị giai cấp đấu tranh như sự bành trướng quá độ của giai cấp trưởng giả và sự suy vong của sĩ phu để cắt nghĩa ý thức

siêu nhân trong thơ văn Nguyễn Công Trứ là giả tạo biết bao! (xem Sáng Tạo số 6)

c) Yếu tố địa chí (bao gồm cả kinh tế): đất hẹp, dân đông, nhiều nơi chưa khai thác; kinh tế nông nghiệp thô sơ dựa trên những phương pháp cổ truyền còn tồn tại cho mãi tới ngày nay một phần nào. (Cho nên ta không lấy làm lạ rằng bộ mặt của thôn nội Việt Nam trong Hồng Đức Quốc Âm thi tập, thế kỷ XV, – cũng không khác chi trong thơ Nguyễn Khuyến, thế kỷ XIX,... và cả trong thơ Bàng Bá Lân, Anh Thơ). Cho hay lấy trạng thái sản xuất kinh tế để cắt nghĩa văn chương, kể cả văn chương truyền khẩu bình dân, thì kết quả có được là bao!

d) Yếu tố ngôn ngữ, văn tự. Đây chúng ta nhờ vả các nhà chuyên khoa. Nhiệm vụ của chúng ta vẫn còn: đúc lọc và diễn dịch. Vấn đề khởi thủy của văn học tùy thuộc ở yếu tố này.

e) Yếu tố khu vực. Sau nữa, Văn Học Việt Nam, để được hiểu thấu đáo, cũng nên đặt

trong khuôn khổ của khu vực văn học của nó. Văn học sử Việt Nam, đã nói nhiều tới Văn học sử Trung Hoa. Mặc dầu mối liên hệ đó có mật thiết tới chừng nào, chúng ta cũng không nên quên những ảnh hưởng và dòm ngó sang văn học các nước láng giềng khác, ấy là chưa kể tới văn học đại đồng, văn học của nhân loại.

Đó là mấy yếu tố chính để xác định đặc tính và đại cương tiến hóa của Văn học Việt Nam. Đó cũng không hẳn là vấn đề phương pháp trọn vẹn mà chỉ là những điểm chính của một phương pháp. Thực ra cũng còn một số vấn đề khác cần phải giải quyết: Vấn đề khởi thủy của văn học Việt Nam; sự tiến hóa của môn Văn học sử tại nước nhà; Vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng Văn học (về vấn đề này, xin xem Sáng Tạo số 8).

* * *

Những vấn đề kiểm điểm trên đây lưu ý chúng ta về những thận trọng và dè đặt, kể cả

những thận trọng, dè dặt đại cương, cần có khi nghiên cứu Văn học sử Việt Nam. Và cho chúng ta thấy: một cuốn Văn học sử mở đầu, một cuốn "Việt Nam Văn học sử nhập môn" là cần thiết.

Đại cương cuốn nhập môn này phải đề cập tới:

I. Định nghĩa. Mục đích. Đối tượng. Phân ranh Văn học sử với các môn học khác.

II. Những vấn đề phương pháp. Điều kiện ngoại tại — tài liệu và giá trị tài liệu. Điều kiện nội tại — những yếu tố tác thành Văn học Việt Nam.

III. Linh tinh: Vấn đề khởi thủy của Văn học Việt Nam (nếu cần, không thì cho xuống dưới). Sự tiến hóa của môn học. Phân chia thời đại và khuynh hướng.

Nhiệm vụ là của cá nhân, của nhiều cá nhân và cũng là của những người có trách vụ phát động và thúc đẩy phong trào Văn học Việt Nam.

NGUYỄN SỸ TẾ

CHÚNG TA HÌNH THÀNH VĂN NGHỆ MỚI

TRẦN THANH HIỆP

CÁCH đây không lâu, Mai Thảo có bàn về một hiện tượng văn nghệ Mai Thảo gọi là một hiện tượng trưởng thành của nghệ thuật. Lần này tôi cũng bàn về hiện tượng đó. Tôi sẽ đồng ý với Mai Thảo về sự hiện hữu của nhiều sự kiện nhưng sẽ khác biệt với Mai Thảo về sự giải thích các sự kiện ấy và cách đặt vấn đề.

Tôi liên tưởng tới một câu thơ của Thanh Tâm Tuyền: "Tôi còn Mai Thảo, yêu vỡ Hà Nội khi về". Lòng yêu rộng lớn ấy Mai Thảo cũng

dùng để nhìn một sự thật. Và còn để tự nói với mình những lời an ủi lấy lại tin tưởng.

Làm văn nghệ trong lúc này, mà không chỉ có những hành động suông, thương vay khóc mướn, thì thật là cực khổ. Một lúc bỗng thấy mình phải tiếp nhận biết bao nhiêu là thảm kịch đau xót đến nghẹn thở. Bởi thế khi đề cập tới vấn đề văn nghệ không thể quan sát với những cặp mắt hết sức lạc quan, dễ dãi.

Tôi không nghĩ như Mai Thảo, rằng nghệ thuật ở đây có biểu thị một hiện tượng trưởng thành qua một ý thức mới về nghệ thuật. Bởi vì nghệ thuật là một thế giới bao gồm cả ý thức lẫn hình thức. Một bài thơ, một bản nhạc, một bức họa nếu chỉ có ở trong trí tưởng tượng thì không thành một nghệ phẩm. Nghệ thuật đòi hỏi sự cộng thông qua một trung gian vật chất là tác phẩm. Đi xa hơn, có thể nói, qua thời gian, tác phẩm có một đời sống riêng biệt, độc lập đối với đời sống của người đã sáng tạo ra nó.

Nghệ thuật ở đây, xét qua các tác phẩm, chưa có gì đáng kể. Khe khắt một chút, lại có thể nói: Nền văn nghệ, tạm gọi là văn nghệ mới, đại diện cho thời đại chúng ta, chưa thành hình.

Nhưng chúng ta vẫn hy vọng, tin tưởng ở sự trưởng thành của nghệ thuật. Vì chúng ta đang đi tới. Tôi gọi: Chúng ta hình thành văn nghệ mới.

* * *

Mai Thảo có nói rằng một tâm trạng thỏa mãn cũ đã mất, đưa tới những băn khoăn, thắc mắc mới. Những băn khoăn thắc mắc của những người trưởng thành thấy mình đã lớn lên. Tôi sợ. Mai Thảo chưa phản ảnh hết tâm trạng của những người sáng tác. Cần phải nói rằng họ đang sống quằn quại trong một cơn khắc khoải.

Thoạt tiên, có thể lầm tưởng rằng tôi muốn

mô tả một thứ "angoisse" (đau khổ) kiểu Sartre, Mai Thảo gọi đó là một căn bệnh trí thức khó chịu của thời đại. Một thứ mặc cảm phi lý. Người ta bị dày vò vì có tất cả sự tự do để lựa chọn. Nói theo Kierkegaard, người ta cảm thấy "sự ngây ngất của tự do" (vertige de la liberté) để lựa chọn. Nhưng lựa chọn mà không có tiêu chuẩn giá trị để giả định sự tự do của mình. Ngược lại tôi thấy đa số những người sáng tác ở đây, trừ những người khuynh hướng hiện sinh, nếu có, đều bị khắc khoải vì không có đủ tất cả tự do để lựa chọn. Trong họ chứa đựng biết bao nhiêu là bất mãn, bất an, lo âu, thương xót.

Tôi thèm sống như thèm chết

Tôi muốn không ai nỡ bình tĩnh mà nhìn mãi lạnh lùng những phút sống dãy dụa ấy.

Hèn nào mà chẳng có những im lặng, khép kín tâm hồn, chịu sức dày vò của khắc khoải. Không phải là gục ngã, là bất động, là thua

trước lần giao tranh thứ nhất. Mà cũng không phải là yên nghỉ trên những vòng hoa chiến thắng.

Làm sao mà tránh khỏi buồn thảm khi nó đang nằm trọn vẹn trong lòng mình. Tại sao phải che giấu? Tìm đến một cuộc sống nguyên vẹn ở nơi nào đó chẳng qua chỉ là để trốn tránh. Vả lại sự đau khổ cũng chứa đựng những sức mạnh, – nhiều khi phi thường – cần trông đợi.

Mai Thảo còn kết tội sự có mặt quá rõ rệt của lý trí, cái ngục tối lý trí, trong các tác phẩm, sợ rằng chúng chỉ là những công trình thông thái thiếu hẳn xúc động. Có lẽ vấn đề không là phải lên án lý trí mà xét xem hình thức phô diễn có che giấu nổi được lý trí hay không. Vì sự thật lý trí không phá hoại tình cảm. Vả lại chỉ theo đuổi thuần rung động là dấn mình vào một cuộc phiêu lưu đưa tới những con dường dốc. Cảm giác có thể cung cấp cho ta những rung động vật chất.

Nghệ thuật là sự sống mà sống thì cơ thể cảm giác, tâm hồn rung động, lý trí suy tưởng. Sống đối với chúng ta phải có nghĩa là một giác ngộ. Nghệ thuật cần có lý trí để con người thăng hoa, vượt khỏi những biên giới của thể chất hữu hạn và cao bay tới siêu việt. Văn nghệ nặng màu sắc lý trí là một thứ văn nghệ tranh đấu, không phải văn nghệ hưởng thụ.

* * *

Tất cả người sẽ hỏi: chúng ta sẽ hình thành văn nghệ mới như thế nào? Đặt câu hỏi như vậy tức là đã lên tiếng khởi luận về một vấn đề căn bản cho văn nghệ chúng ta. Tôi chắc rằng sự giải đáp sẽ không chỉ có một mà sẽ có nhiều. Bởi vì chúng ta thuộc vào khối người bảo vệ và tin tưởng ở tự do văn nghệ.

Chúng ta không muốn ở đây có mặt những "chính trị viên văn nghệ". Tôi không muốn là một nhà đạo đức bàn chuyện "dĩ văn tải đạo". Câu chuyện văn nghệ nên trả về cho những người văn nghệ.

Có nhiều cách phân loại văn nghệ. Riêng tôi thì tôi muốn phân biệt hai loại: Văn nghệ ngoại dân tộc và văn nghệ dân tộc. Như vậy theo tôi lúc này người văn nghệ đang đứng trước một ngã hai: một ngả đưa tới những thế giới văn nghệ xa lạ, một ngả đưa tới thế giới văn nghệ dân tộc. Cách phân loại này, có một phần nào cưỡng ép – tôi thú nhận như vậy – nhưng không bao hàm những sự kết tội.

Nhiều người chủ trì rằng văn nghệ là biệt lập, không chịu sự chi phối của luân lý, của tôn giáo, của chính trị. Và con người là cá thể. Dân tộc chỉ là một mớ tình cảm phi lý không chắc thực sự có hay không. Bởi thế văn nghệ không cần thiết phải mang màu sắc dân tộc. Miễn là đạt tới cái Đẹp, cái đẹp qui định bởi sự diễn tả, dù cho nội dung có phi luân lý, phi chính trị. Tức là cởi bỏ cho văn nghệ mọi ràng buộc.

Tôi không thấy bó buộc phải chỉ trích xu hướng này; con người chúng ta vốn đa dạng. Nhưng tôi cần nhấn mạnh: thứ văn nghệ tuyệt

đối tự do ấy là một thứ khí giới hết sức nguy hiểm. Người sử dụng phải có đủ bản lĩnh. Có thế, tác phẩm mới trở thành chân lý thẩm mỹ. Nếu không chỉ là quái thai, xuất hiện để tăng thêm quái đản cuộc sống.

Tôi có thể lướt qua, không bàn nhiều về thứ văn nghệ giai cấp. Vì rằng những người đề xướng văn nghệ giai cấp là những người gian lận, những người làm trò ảo thuật. Mọi tính tự "tùy viên": tiến bộ, xã hội, khoa học, hiện thực v. v... chỉ là những thế bạc.

Cho nên tôi vẫn luôn luôn nghĩ rằng chúng ta hình thành văn nghệ mới tức là chọn con đường văn nghệ dân tộc.

Tôi nhớ có một lần Vũ Khắc Khoan đã nêu lên câu hỏi:

– Văn nghệ dân tộc là do ở nội dung hay ở hình thức?

Tôi tưởng không nhất thiết phải riêng biệt nội dung hay ở hình thức. Việc xây dựng văn nghệ dân tộc mang một ý nghĩa, một giá trị như một sự "trở về". Khi đã bắt được nguồn thì nội dung và hình thức sẽ hợp nhất. Vấn đề văn nghệ không nên giới hạn là một vấn đề kỹ thuật.

Nhưng có gì mới lạ ở trong cái chủ đề văn nghệ dân tộc ở đây không? Người ta đã chẳng luôn luôn nói đến văn nghệ dân tộc sao? Hà tất còn phải nhắc đi nhắc lại cho mất thì giờ. Lời chỉ trích ấy sẽ đúng nếu chỉ bàn luận trên danh từ suông.

Thời đại chúng ta được chứng kiến những biến đổi hết sức lớn lao. Nhân loại tưởng chừng như vừa rời bỏ một đời sống tối tăm để chào đón ánh sáng, như vừa qua một cơn đột biến thoát xác. Tất cả đều chìm ngập trong một thứ ngờm ngợp của biến động. Chúng ta như những con sông đã chảy ra biển cả. Hương vị mặn nồng pha loãng chất ngọt của đồng bằng,

sông tưởng mình là đại dương. Ngược dòng nhớ đến đất phù sa, núi đồi và rừng cây chỉ còn là vương vấn một vài kỷ niệm xa xôi. Bèo trôi lênh đênh, lạc lõng chẳng còn nhớ minh rời từ bến nào.

Tâm trạng ấy, tôi tưởng không thể làm nền tảng cho văn nghệ mới.

Lịch sử đã kết hợp một khối người trong một dòng sống dù thăng trầm, nhưng liên tục hàng nghìn năm. Cái quá khứ xa dài ấy khiến mọi người trong khối cộng hữu một số phận chung.

Họ cùng thực hiện những sự nghiệp chung, cùng chống đối những kẻ thù chung, cùng lo âu, cùng hy vọng. Do đó họ có những nếp suy tư, nếp rung cảm tương đồng. Bằng ký hiệu âm thanh, màu sắc, văn tự, đường nét họ tìm sự cộng thông. Văn nghệ dân tộc hình thành trong những điều kiện ấy.

Nhưng văn nghệ không bất biến bởi vì đời sống luôn luôn biến đổi. Nói rằng người văn nghệ trở về với dân tộc không có nghĩa là bắt buộc người văn nghệ phải tôn sùng tất cả những hình thức văn nghệ dân tộc đã có, tự giam mình trong đó. Lịch sử của chúng ta không phải chỉ mới viết trong một vài ngày. Nó rất phong phú về các biến cố dao động đưa tới những biến thể của xã hội chúng ta. Trong cuộc dao động ấy đã có những thứ bị phá hủy. Nhiều khi sự bất lực thường mang lại cho chúng ta thiên kiến tin tưởng ở một ngẫu nhiên. Ta đập vỡ một chiếc bình thủy tinh. Nhìn những mảnh vụn bắn tung tóe, ta ngỡ rằng sự đổ vỡ ấy xảy ra một cách ngẫu nhiên. Có biết đâu nó tùy thuộc ở cái sức mạnh đã chuyển động chiếc bình cùng cái cơ cấu của thủy tinh. Sự phát hiện hay sự mai một của những hiện tượng văn hóa không phải là ngẫu nhiên mà theo những qui luật.

Một nền văn hóa và hẹp hơn một nền văn nghệ là một toàn thể tương quan phức tạp bao gồm những thành tố xếp đặt theo một trật tự

và lệ thuộc nhau. Mọi biến đổi xảy đến không phải là những trừ khử mà chỉ là những tái tạo được tổ chức trên những nền tảng bất biến. Trong văn nghệ, tôi gọi những nền tảng ấy là những truyền thống văn nghệ.

Công việc mà tôi cho là quan trọng nhất của người văn nghệ lúc này chính là việc phải tiếp nối được với những truyền thống văn nghệ của dân tộc. Phải đắm mình vào trong những tác phẩm văn nghệ dân tộc, phải tự nuôi dưỡng bằng một thành tâm với dân tộc, nối liền thân mình với những thế hệ đã qua và ưu tư cho những thế hệ sắp tới. Như những thân cây cắm rễ xuống đất màu dinh dưỡng. Những bông hoa nở sẽ là một thứ gì của đất. Dĩ nhiên công việc hết sức, cực nhọc. Chúng ta khám phá. Chúng ta đi săn bắt linh hồn của chính mình. Nhưng chúng ta cũng không thấy những lý do nào thật xác đáng để chê trách sự trở về nguồn ấy. Trừ phi chúng ta tự đánh giá nó là một công việc phi lý. Và chối từ một cách tiên thiên. Sự chối từ ấy tôi nghĩ không có giá trị gì.

Ngoài bản ngã dân tộc, người văn nghệ còn sống tham dự vào bản ngã phổ biến. Tiếp nối truyền thống văn nghệ dân tộc không thôi chưa đủ. Còn phải tiếp nhận cái diễn tiến của văn nghệ ngoại dân tộc, trong trường hợp này tôi muốn chỉ nói riêng đến văn nghệ Tây phương. Nhờ sự tiếp nhận này, người văn nghệ phóng mình ra nhiều chân trời mới lạ. Văn nghệ Tây phương phong phú về thể nghiệm, về biến thái. Con người ở trong đó được trình bày qua khắp các khía cạnh. Mãi tận tầng đáy sâu thẳm các tín ngưỡng. Tới khắp những ngõ ngách của tình cảm. Nhưng có lẽ bổ ích nhất cho chúng ta là sự bổ túc của văn nghệ Tây phương hiện kim, đánh dấu một chuyển hướng lớn.

Con người không phải chỉ được quan sát, mô tả như trước, con người đã sống thực sự qua các tác phẩm. Nó đòi hỏi một cuộc phiêu lưu để thể nghiệm ý nghĩa của sự sống, để đo lường những khả năng của mình. Nó không đóng kịch, nó quyết lăn minh vào chấp nhận sự sống. Tôi mượn tiếng của Thanh Tâm Tuyền:

"Chúng ta chấp nhận và sống hết mình".

Bởi thế con người tự nhận thức mình bất lực nên quằn quại và thất vọng. Ý nghĩa phi lý được gán cho sự sống. Tất cả, cốt để duyệt lại thân phận con người. Giữa những khát vọng của con người và thân phận nó được sống có một sự cách biệt hết sức rõ rệt làm hiển hiện vấn đề Định Mệnh. Con người khao khát sự duy nhất nhưng chẳng thể được. Thấu hiểu như vậy, không phải để bi quan, yếm thế mà chính là để trực cảm được Tự Do và đã đo lường được số mệnh. Con người sẽ tự chịu trách nhiệm về những hành động của mình, là một kẻ chính phục. Giải thưởng Nobel vừa được trao tặng cho A. Camus chứng tỏ những vấn đề kể trên là những vấn đề của thời đại.

Tiếp nhận văn nghệ ngoại dân tộc không có nghĩa là chạy theo bắt chước một cách nô lệ. Nhưng là để nhìn con người cho gần và cho khắp. Đồng thời còn để thâu lượm kỹ thuật kiến trúc văn nghệ.

Văn nghệ ngoại dân tộc không trấn áp, đào thải mà bổ sung văn nghệ dân tộc. Chúng ta không mặc cảm tự tôn hay tự ti. Với hai yếu tố cấu thành này, chúng ta đủ chất liệu hình thành văn nghệ mới.

* * *

Malraux cho rằng nghệ thuật là để phản kháng định mệnh (L'art est un anti-destin). Sự chiến đấu ấy, đối với Malraux không khởi diễn trên bình diện cá thể hay tập thể mà trên bình diện con người.

Đối với chúng ta, nó phải khởi diễn trên bình diện tập thể. Có những vấn đề được đặt ra trầm trọng đối với chúng ta hơn là đối với những ai khác: vấn đề dân tộc. Vì rằng đó là vấn đề tiên quyết. Khi có một thứ gì càng bị đe dọa bị tiêu tan, sự hiện diện của nó càng được cảm thấy rõ rệt. Thân phận chúng ta trước hết được quyết định bởi dân tộc.

Dân tộc hóa văn nghệ, xin đừng nghĩ là ôm lấy một hư danh hay là đuổi bắt một không tưởng. Chính là bắt vào một nguồn sống sâu đậm, tế nhị, lịch duyệt, sống một đời sống hết sức bình thường. Từ một nền tảng sinh lý, tự chiếu rọi hình bóng mình hướng thượng mà vươn lên siêu việt, thăng hoa.

Malraux còn nói rằng nghệ thuật là những dự tính to lớn nhất của con người để trường tồn, để đòi hỏi được chấp nhận. Nghệ thuật biểu thị sự hữu diện thường trực của con người. Tôi muốn nói rõ hơn (trong trường hợp của chúng ta), sự hữu diện thường trực của dân tộc Việt, không ngừng bị áp bức, khinh rẻ.

* * *

Nếu để kết luận bài này tôi lại bày tỏ sự tin tưởng của tôi vào sự trưởng thành của nền văn nghệ mới thì hình như đã tự mâu thuẫn. Vì chính tôi đã nói nó chưa thành hình. Nhưng sự thật tôi đã hết sức chân thành.

Trong những ngày vừa qua có những người làm văn nghệ không chu đáo. Chẳng qua cũng là để trả lời cho những nhu cầu cấp bách của tình thế. Tôi muốn nói cái cách làm văn nghệ bằng phản ứng. Nhiều khi lại còn chỉ bám lấy một vài công thức chính trị, như những người mang những biển quảng cáo. Xin đừng nhầm là tôi vừa đặt vấn đề "nghệ thuật không tuyên truyền"; tôi chỉ muốn nhấn mạnh ở tính chất giả tạo của những tác phẩm theo đuổi những mục tiêu tư lợi phi nghệ thuật. Đã đến lúc những gian ý đó không còn được tha thứ nữa. Nhận xét tổng quát, chúng ta có thể khả quyết rằng cho tới ngày hôm nay, văn nghệ chúng ta không phản ảnh được thực tại xã hội chúng ta. Vì những nguyên do nào, đó lại là một vấn đề khác. Chỉ biết rằng sự thật ấy khó bề chối cãi.

Cho nên tôi mới nói rằng chúng ta hình thành văn nghệ mới. Nghĩa là phải đuổi kịp thời đại. Đứng cho vững chắc ở hiện tại để quay trở lại lý giải dĩ vãng mà dự ước tương lai. Chúng ta đã có một di sản văn nghệ phong

phú. Từ mỗi nhịp thở cho đến đường gươm, từ nụ cười cho đến dòng nước mắt. Chúng ta lại thâu lượm ngoại viện. Và nhất là chúng ta đã đau khổ, đã sống đến tận những giới hạn cuối cùng. Tất cả như định trước sự thành công rực rỡ cho chúng ta.

Chỉ còn đợi trách nhiệm và tài năng.

Văn nghệ mới sẽ phản ảnh được sự nghiệp của mỗi người và của một khối người tự giải phóng, tự quy định một số phận mới. Nếu sự nghiệp đỏ không lớn lao thì ít nhất văn nghệ mới cũng ghi lại với lịch sử một dạng thức của dân tộc, qua một giai đoạn đầy biến động thử thách.

Tôi tin tưởng từ phút này, như Mai Thảo đã tin tưởng.

TRẦN THANH HIỆP

ĐÊM

Lòng ta sầu tê tái

Hoàng hôn về trên đường

Ta ngồi bên song cửa

Lặng nhìn em bên tường

Gió chiều nhè nhẹ thôi

Tóc mây em vờn bay

Cả hồn ta bối rối

Chạy lạc trên đôi mày

Ta bay vào rừng tóc

Ngây dại thở kỳ hương

Lòng ta nức nở khóc

Lệ nhỏ ướt môi hương

Ta nằm trên đồi vú

Thổn thức cùng tiếng đêm

Nghe tình em chớm nụ

Trong da thịt im lìm

Ôi ảo mờ mắt đẹp

Ta chìm giữa hồ em

Mi bờ em vừa khép

Ta lặng chết êm đềm

Vũ trụ vừa đóng cửa

Trời Đất đi vào đêm

QUÁCH THOẠI

TÌNH BẰNG HỮU CHIẾN ĐẤU

THÁNG SÁU

Anh chết thật rồi ư

Bốn bề quanh thung lũng

Chúng nó đến từng hàng đông chặt bủa vây

Kêu la hò thét

Nhưng giữa trời xanh ngon

Anh ngủ giấc huy hoàng

Chúng tôi đứng trên triền núi cao

Ngó xuống cánh đồng tháng sáu

Bây giờ những chùm hoa sim hoa dại

Vàng tím sau đồi

Vì sao bát cơm trắng giếng nước trong

Đưa chúng tôi đi tới đây

Đầy đường nát thân bằng hữu

Cỏ mọc cuốn bàn chân

Đến mỗi nơi hò hẹn

Ô căn nhà còn đau tiếng liên thanh

Tường rêu gạch vụn

Cũng chẳng còn lại gì

Khi mùa xuân đã qua trên chiến trường

Tổ quốc đau tàn phá

Mỗi khoảng đồi mỗi làng mỗi thôn

Mỗi dòng sông bến đò và chợ

Không thiếu vết đạn giặc bay vào

Thì những con đường ta đã đi qua

Bây giờ hôm nay trở lại

Tháng sáu những cơn mưa đầu mùa

Lại sống những giờ vinh hiển

Anh chết thật rồi ư

Này tiếng ve vừa dậy lời chào đón

Hoa vừa bắt đầu đơm nụ

Lúa lại bắt đầu xanh

Trên một đôi mắt buồn

Ngó nhìn theo tôi đó

Hãy chết giữa trời xanh ngon

Như ngủ giấc dài trong phòng nhỏ

Như ngoài những đường hầm xe lửa tối tăm qua

Khi chúng tôi ngoảnh lại

Còn thấy thung lũng xanh và cỏ âm thầm

Kêu gọi hồn tôi nỗi nhớ nhung

Nhưng linh hồn chúng tôi buồn mãi mãi

THẢO MỘC

Ngủ dưới thềm đất đen

Những giấc buồn dịu dàng

Còn tuổi dại

Em đã đi dâu Lê Thy Kim

Trời mưa xuống thành phố

Hôm qua còn băng đường quốc lộ

Chân dầm trên cỏ khô

Cho đến chết

Hay trong trời hôm nay

Em đã đi đâu Lê Thy Kim?

QUÊN

Mùa xuân đó tôi ở miền đông

Sống với ngày rét xuống bụi rừng đi ngủ

Bằng giờ chuyến xe ngựa đi qua

Những hàng xe đậu thành dẫy bên đường

Nhớ từng phút nhớ từng đêm

Truyện một người đến quán trọ một lần

Tôi từ biệt em hôm nào

Như nỗi đau sót còn ướt lệ trên tay

Khi tôi trở về ngày chiến tranh chấm dứt

Than ôi cỏ này còn nơi bãi thao trường

Hồn cách vời lưu luyến mỗi ngày xanh

Đã ghi tên tôi trên màu mắt xám

Của em rất hoang đường hay thơ đại

TÌNH BẰNG HỮU CHIẾN ĐẤU

Tình bằng hữu chiến đấu buộc vào tôi

Như đêm nhìn sao Bắc đẩu thở trên trời

Như những ngày nhớ một người

Kẻ nô lệ vừa lớn lên gỡ cánh tay xiềng xích

Ngó mặt trời non kia vẫy gọi

Tôi lỡ đi qua đời tôi buổi xuân thì

Vì buộc dĩ vãng vào giấc mơ tối tăm

Lỡ để tiếng thất thanh chết trong cổ họng

Ai biết một tiếng võng tình cờ

Nếu còn trên cánh đồng đường thiết lộ

Những nơi chúng ta vừa bỏ đi hay tàn phá

Tình bằng hữu chiến đấu buộc chúng ta vào

Như thịt liền da cùng giấc máu

Vì máu cùng lưu thông thịt da không chia cắt

Tôi đau vì tiếng khóc đồng bào

Ngôn ngữ một người lên tiếng cho đám đông

Lệ rỏ xuống hai bàn tay mỗi đêm mỗi ngày

Như ngọn hải đăng soi vào mặt biển

Tình bằng hữu chiến đấu gợi niềm ta nhớ nhung

Những kỷ niệm cùng người yêu cùng căn nhà

Cùng rất nhiều bạn bè đồng chí

Nếu giản dị tôi sống làm kẻ ngây thơ

Rên xiết giữa rừng lẻ loi cô độc

Tình bằng hữu chiến đấu đúc hun tin tưởng

Tôi đem hy vọng choàng riết hai bàn chân

Tìm gõ cửa nhà ai ấm cúng

Trong chuyện trò hay giấc sớm ban mai

Tôi khóc mỗi người chia tay không trở lại

Vì thầm lén tương tư mỗi lần tôi tự hỏi

Sao tương lai tôi tin sẽ sống huy hoàng

Sao dĩ vãng tôi là giấc ngủ tối tăm

Vì hiện tại tôi nép vào bạn bè chung hơi thở

Tình bằng hữu là sắt là gang

Khi chúng nó bắn vào ta đạn lửa trên đầu

Hay trên mỗi ngã tư các họng liên thanh chờ đợi

Nhưng tôi sẽ lên đường giữa lời kêu gọi

Linh hồn tôi theo dưới bóng cờ

Khi tôi đi qua nơi mộ địa tha ma

Hay những cảnh mùa thu héo úa

Tôi nhớ những con đường hoa cỏ này

Bạn bè tôi ngã còn hơi ấm áp thân yêu

Và những bước tôi đi dù đầu rừng cuối bể

Mắt bạn bè còn theo rõi không thôi

PHẠM NGUYÊN VŨ

HẢI ĐĂNG

Sóng gầm mặc sóng,

Gió phủ chẳng sờn,

Ngọn Hải đăng, trợ như đá, vững như đồng,

Mang ánh sáng soi cho âm u dầy đặc,

Trời lánh mình,

Trăng che mặt,

Mặc cho sức nước tung hoành,

Mặc cho mênh mông nuốt con người nhỏ bé.

Ngọn hải đăng còn đó,

Ngọn hải đăng sáng tỏ,

Thì bao nhiêu trở ngại vô biên,

Những đá nhô, đảo chìm ghê sợ,

Con người sẽ tránh khỏi,

Con người sẽ vượt qua!

Và con Tạo vô tình,

Rực rỡ mỉm cười khi con người qua tai vạ.

Hải đăng đã tỏ

Ai biết soi cùng.

Cùng nhau tránh họa.

TIÊU HÀ

TỘI NGHIỆP

Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng mị

Giờ tắt thở. nằm trên bãi hư vô

Bầy ngựa chứng hàng thùy dương vó bão

Biển đưa trăng lăn vào đá tiếng ru.

CẢM GIÁC

Cây mạnh như vòi nước khổng lồ

Cánh rừng chiều hạ hương chiêm bao

Một mình tôi đi về đêm đặc

Chẳng nghĩ gì và muốn quên, quên...

TÔ THÙY YÊN

KỂ TRONG ĐÊM KHUYA

VÕ PHIẾN

II

THIỆN ngừng lại. Anh ta hơi cúi đầu xuống, đưa bàn tay mặt với những ngón rất dài xoè ra ôm mái đầu. Rồi anh ta run run vuốt nhẹ mái tóc nhiều lần. Lúc cất tiếng nói trở lại, thì đột nhiên như câu truyện đứt mất mạch lạc:

– C. Mồ côi cha. Má của C. giao thiệp rộng, có nhiều quen biết trong giới tai mắt của thành phố. Bà ta đã gặp bà N.D.Đ. trong một bữa tiệc nào đó. Hai bên quen nhau. Đôi ba lần, vào khoảng nửa buổi mai, bà ta sang nhà chúng tôi để truyện trò với bà N.D.Đ. Lần nào cũng có

hai đứa con trai, một đứa lên năm, một đứa chín tuổi đi theo để nhập bọn với lũ con bà N.D.Đ la giỡn. Chưa có bao giờ C. đi theo bà.

Sáng chủ nhật hôm đó, ông N.D.Đ đem cả gia đình đi thăm viện Hải Học. Tôi cũng cùng đi. Ra khỏi nhà độ hơn một cây số thì đứa con gái bé nhất của ông N.D.Đ. kêu buồn mửa. Chiếc xe ngựa chở chúng tôi dừng lại. Con bé mửa xong, xem có vẻ mệt, bà N.D.Đ, lo lắng, có ý không muốn cho nó tiếp tục đi chơi xa. Tôi thì sau một lúc bị ghép ngồi sát bên cạnh ông N.D.Đ, và ông T.V.G., tôi thấy bực bội, tù túng, khó chịu. Thấy nhất định cuộc đi chơi này không thể nào có hứng thú về phần tôi, nên thừa dịp này tôi đề nghị tự mình đưa em bé đó về nhà. Bà N.D.Đ. cảm ơn tôi và ép con bé phải trở về. Tôi gọi một chiếc xích lô.

Khi con bé đã chịu nằm yên trong phòng để nghỉ, tôi trở ra bàn học ngồi nghĩ vẩn vơ. Từ cái đêm C. mở cánh cửa sổ nhìn qua phòng tôi, nhiều lần tôi lặng lẽ tưởng tượng những cuộc

gặp gỡ với cô ta. Mỗi đêm trước khi ngủ tôi thức hàng giờ để theo dõi một cảnh tình tự. Có khi tôi tưởng tượng tôi và C. giữa một khung cảnh núi rừng, có khi trên một bờ ruộng giữa đêm trăng, có khi trên bờ sông... Nhưng có điều lạ lùng là chưa lần nào tôi đặt cảnh tình tự ấy vào một nơi nào ở Nha Trang hay xung quanh Nha Trang. Tôi chỉ mơ ước viễn vông, mà không thể có một mưu tính kế hoạch gì thiết thực, cụ thể, để bố trí một cuộc gặp gỡ.

Sáng hôm đó ngồi một mình trước bàn học, tôi cũng đang để trí đuổi theo một cảnh tưởng tượng như thế. Tôi nghĩ những lời nói của tối, và những câu âu yếm của C. Tôi xúc động, sung sướng đến nỗi miệng tôi bắt đầu hát lên se sẽ lúc nào tôi không hay biết.

Tôi quên nói với anh rằng sau khi đến ở trong gia đình ông N.D. Đ. Ít lâu tôi có cái thói quen kỳ quái ấy, là thường hay hát xướng, hay ngâm nga bằng một giọng uốn éo trong chỗ vắng vẻ. Có lẽ đó là sự trả thù của những cảm

xúc bị dồn ép, tù hãm, trong một cuộc sống khép nép, gò bó. Tôi quen sống ở làng quê rộng rãi, giữa những người mộc mạc chất phác, sự giao thiệp dễ dàng tự nhiên, rồi tôi lại quen sống với những bạn bè học sinh, cười lớn nói lớn, cặp kè tâm sự huyên thiên...

Bỗng tôi mất hết bạn, xung quanh không có một người nào cùng lứa tuổi, tôi lạc lõng, đạo mạo, hạn chế từng lời nói và cử chỉ. Vì thế những khi một mình ở chỗ vắng tôi tưởng tượng những cảnh sống tự do vui khoái, chân tay tôi chấp chới như muốn múa may, cuối cùng tôi chỉ có thể nghêu ngao ngâm nga. Nhưng hát theo nhịp điệu bình thường không thỏa mãn, phát tiết hết những bồng bột rạo rực. Càng uốn éo cái giọng cho quái gở khác thường chừng nào tôi càng có cái cảm tưởng thích thú thấy mình được tự do chừng ấy.

Tôi đã cắt nghĩa dài dòng, nhưng có lẽ vẫn chưa nói hết cái kỳ quặc trong thái độ tôi lúc đó. Thực là kỳ quặc lố bịch hết sức. Sáng hôm

ấy, trong nhà vắng vẻ, chỉ có con bé đau nằm ngủ ở một phòng xa, có lẽ tôi càng có dáng bộ kỳ quải lố bịch hơn mọi hôm khác. Có một lúc tôi mở mắt kêu lên trước song cửa như con chim hát giữa trời:

– Mười sáu tuổi! Mười sáu tuổi, em ơi! C... ơi! Tôi yêu ... Tôi yêu C...

Rồi bỗng nhiên tôi nhớ đến một câu hát ân tình ở thôn quê, tôi lên tiếng hát:

Hê hò hê... Xăm xăm tôi bước tới sân lầu

Phá bia Hạng Võ a a qua cầu kiền khôn

Tôi ở xa a a tai tôi nghe thiên hạ nẫu đồn à à

Bên sông con phượng múa á á bên tây con rồng chầu ù u

Bên nam có lão đón trâu ì a

Bên bắc có ông a a Lã Vọng à a ngồi câu thạch bàn à à

Tai tôi nghe trường nội có nàng à a

Tai tôi nghe a a trường nội i a có nàng à à có nàng à à,

Tôi cảm thấy tất cả cải lố bịch dị kỳ của những i a uốn éo quái gở ấy. Nhưng hình như tôi thích thú trong cảm tưởng làm cho mình mỗi lúc mỗi thấm thía cái lố bịch, như một người càng say càng uống thêm rượu đắng. Tôi lấy những phóng túng, kỳ quặc trong giọng ngâm nga làm một lối tự do, càng ngâm cho được phóng túng quái lạ tôi càng thấy mình tự do.

Trong lúc tôi đang say sưa với sự lố bịch của mình thì có một tiếng động nhẹ ở sau lưng. Tôi quay lại. Trời ơi! C.

Tôi giật mình. Thiện ngừng nói. Tôi lo ngại nhìn anh ta, nhưng anh ta tránh mặt không ngó về phía tôi mà lại cúi đầu trông xuống mặt đường cái. Anh ta đang nói mỗi lúc mỗi mau,

đang hăng hái sục sạo tìm lời để phổ biến các trường hợp tâm lý lạ lùng của mình, bằng tặc một cái anh dừng lại như bị nghẹn. Như một người, đi nhanh bị vấp. Tôi không hỏi, ngồi chờ anh ta cất tiếng trở lại:

– Từ buổi sáng đó về sau, không biết bao nhiêu lần tôi nghĩ lại cái cảnh ấy. Mỗi lần nghĩ đến tôi vẫn còn thấy như máu trong người lạnh đi, mồ hôi rướm ra từng lỗ chân lông. Thực là kinh khủng! Cái lúc tôi quay lại trông thấy C. trước cửa phòng, tôi chết điếng vì xấu hổ. Khắp mình như tê liệt, tôi không còn có một cử động nào, đành ngồi đờ người ra, cứng ngắc, ngó vào C. như tê dại.

Trước mặt C. là cái cửa sổ ngó về bên phía vườn cô ta. Gió ngoài vườn thổi vào, rung rinh những sợi tóc hai bên thái dương của C.. Cô ta mặc cái áo lụa trắng, gió nhẹ nhàng ấn vạt ảo vào khoảng giữa hai chân, in nổi cái bụng và hai bắp đùi tròn, rắn chắc khỏe mạnh. Bàn tay của C. có một cử động vu vơ. Tôi chắc C.

cũng có phần lúng túng. Tôi thì lúc đó chỉ có một điều ao ước là mong sao cho C. lui ngay ra khỏi phòng, lui ra cho khuất mắt tôi, mong sao cho đừng bao giờ tôi trông thấy mặt cô ta nữa. Một người con gái khuê các ngày xưa cử chỉ đoan trang, ăn mặc kín đáo, giữ gìn từng khoé mắt bước đi, một hôm trần truồng trong phòng tắm, hoàn toàn tự do nhảy múa nô giỡn với thân hình của mình, bỗng có kẻ xô cửa vào, có lẽ cũng chết điếng đi như thế.

C. đứng im cách tôi không đầy ba thước tây, tôi ngồi trên ghế, cứ thế nhìn nhau. Mỗi một giây đồng hồ qua là tôi một khổ sở thêm. Cặp mắt của C. như thiêu đốt tôi, nhiều ý nghĩ thoáng qua trong trí tôi, lộn xộn. Rồi tôi nghe C. lên tiếng hỏi, tôi lí nhí trả lời. Nhưng ngay sau đó, tôi không còn nhớ chúng tôi đã hỏi và trả lời những gì. C. cười dễ thương, có vẻ khuyến khích, lại hỏi tiếp một câu nữa, hình như lần này C. hỏi rằng bà N.D.Đ. đi chơi hôm nay chừng độ bao giờ thì về đến nhà. Trong lúc đó tôi lại thấy rằng cái cười của C. có ý nghĩa

thương hại, những câu hỏi của C là để cứu vớt tôi, như vậy chứng tỏ C. đã thấu rõ tất cả tình trạng lố bịch của tôi, cho nên tôi càng xấu hổ. Đầu tôi nóng bừng lên, hơi nóng xông lên ngàn ngụt từ từng chân tóc. Sự hiện diện của C. càng kéo dài càng thành ra một cực hình đau đớn cho tôi. Tôi trả lời một câu không có đầu đuôi, và vẫn ngồi ỳ trơ trơ trên ghế. Tôi không còn tâm trí để nhận thấy sự lúng túng khó xử của C, không nghĩ đến chuyện chào hỏi và mời cô ta một lời. Cuối cùng C. cũng đâm bối rối, mặt đỏ ửng lên, chào tôi và quay gót trở ra.

Tiếng guốc của C. ra đến khỏi phòng khách thì nghe nện mạnh một cái. Những bước cuối cùng vang từ ngoài sân vào nghe hấp tấp nhanh dần.

Tôi ngồi lặng người một lúc thật lâu. Rồi tôi nghiến răng lại, hai tay xoắn vào nhau, tức tối, khổ sở. Thế là hết! Không những tôi đã đánh tan hết mọi cảm tưởng tốt đẹp của C. về tôi mà tôi còn để lại trong trí cô ta một hình ảnh khôi

hài, lố bịch. Có lẽ C. sẽ cho tôi là một kẻ ngốc nghếch, một tên mất trí, ngơ ngác, một đứa ngu xuẩn, một thằng cuồng. Không kể đến thái độ quái gở lẩn thẩn của tôi, tôi còn chôn đứng cô ta trước cửa suốt mấy phút, không một lời mời hỏi! Hết! Hoàn toàn hết, không còn một chút hy vọng gì nữa! Bây giờ tôi chỉ còn nên ước ao cho đừng có bao giờ gặp lại cô ta, để nhắc lại trong trí cô ta cái cảnh tượng bi đát ấy.

Chợt tôi giật mình: C. đã về đến bên nhà, có thể từ bên phòng cô ta nhìn thấy tôi qua chiếc cửa sổ mở. Tôi hoảng hốt vội vàng chạy lại nằm vật xuống giường để trốn. Tôi gợi lại để tra vấn từng chi tiết nhỏ trong cái cảnh vừa diễn ra, tôi quằn quại đau khổ, nghi ngờ, đặt ra nhiều giả thiết để dằn vặt mình. Có lúc tôi ngờ rằng C. mới vừa bước vào nhà, có lẽ chưa kịp nghe thấy và chưa hề để ý đến lối hát nghêu ngao kỳ quặc của tôi; như vậy lúc đó nếu tôi chỉ bình tĩnh lên một chút là mọi việc đều tốt đẹp, và bây giờ tôi đã có một người yêu. Biết đâu tôi chẳng còn đang ngồi nói chuyện với

C và đang gọi C. bằng em? Có lúc tôi lại nghĩ rằng C. đã đến từ lâu, đã nghe tôi gọi tên cô ta giữa những câu âu yếm; C. đã chứng kiến hết những lố bịch của tôi, nhưng khống phải cô ta không cảm động. Biết đâu mà tính được tác động của thái độ mình đối với tâm lý kẻ khác? C. đã đứng lại và đã cười, đã cố gắng hỏi tôi hai câu và khuyến khích tôi đến thế! Nếu tôi trấn tĩnh được, tỏ ra bặt thiệp, tìm chuyện nói với cô ta, gây một không khí vui vẻ, nếu tôi nói được những câu truyện duyên dáng thì có lẽ tôi đã xóa mất cái ấn tượng ban đầu, đánh tan trong trí cô ta cái hình ảnh xấu xa kia, có lẽ tôi và cô ta đã thân nhau rồi. Dẫu sao cũng còn nhiều cách cứu vãn tình thế nếu tôi không dại dột vụng về. Tôi đã làm hỏng tất cả! Tôi húc đầu vào những ý nghĩ đen tối ray rứt ấy. Tôi phân vân, nghĩ ngợi, hối hận, hổ thẹn.

Như thế đến hàng giờ, hàng đôi ba giờ. Mãi gần trưa tôi mới bắt đầu thoát dần khỏi tình trạng ấy, để ý đến tiếng một chiếc xe máy dầu vụt qua nhà kêu thực to, rồi xa dần về phía

bãi biển. Tai tôi bắt đầu nghe những tiếng động xung quanh, tiếng xe cộ, tiếng rao hàng. Như một người vừa lặn một hơi dài dưới nước sâu, vừa nổi lên cạn dần dần, và ngoi lên nhìn trời đất cây cỏ.

Đúng mười bảy hôm sau thì gia đình ông N.D.Đ. rời khỏi Nha Trang để về Huế, và tôi về quê.

Thiện ngã ngửa người ra, dựa vào vách, nhìn thẳng vào mặt tôi như vừa khoan khoái hoàn thành một cái gì, và đang chờ đợi ý kiến của tôi. Tôi ngần ngại đưa ra một ý nghĩ:

– Tôi chưa hiểu tâm lý của C.. Cô ta có vẻ tự do bạo dạn quá.

Thiện trả lời:

– Lúc đó tôi cũng không biết gì rõ rệt. Tôi tự hỏi đi hỏi lại, phân vân trong trí không biết bao nhiêu lần, không hiểu C. đến tìm

bà N.D.Đ. hôm ấy là thực tình do má cô ta sai bảo vì một việc cần kíp, hay là do một dụng ý riêng của cô ta, vì tôi. Nhưng dẫu sau này có thể biết thêm tính nết C. không nghiêm trang đứng đắn thì trường hợp chín năm trước cũng có chỗ đáng tha thứ cho cô ta. Trước hết là thái độ kín đáo, thiết tha, vụng trộm mà chân thành của tôi cũng có một sức mạnh tác động riêng. Và mười sáu tuổi sẵn sàng xúc động hồn nhiên của cô ta.

Hai năm sau tôi lại gặp C. Hồi ấy tôi đã vào học ở Sài Gòn, cùng với Kim và ba người bạn nữa, thuê một căn nhà ở Phú Nhuận. Mười một năm nay, từ khi chúng tôi cùng học lớp đệ ngũ trung học cho đến bây giờ tôi và Kim gần như luôn luôn sống chung với nhau, không có lần nào xa nhau đến bốn năm tháng liền. Chúng tôi không bà con gì với nhau, chỉ là người đồng quận. Kim hơn tôi hai tuổi, tính tình gần như trái ngược với tôi. Tôi dè dặt, rụt rè, ít giao du và sống mực thước, thì Kim lại phóng khoáng, bặt thiệp, liều lĩnh, ăn chơi, lúc nào cũng cười

cợt, xem mọi việc trên đời đều dễ dàng không đáng quan tâm. Hiện thời tuy tôi đã có gia đình mà chúng tôi vẫn ở chung với nhau như những kẻ độc thân. Nhà này là do Kim được cấp.

– Kim là anh chủ nhà... À, tôi gặp anh ấy mặc đồ ra đi lúc đã khuya. Bây giờ vẫn chưa chịu về. Đêm nào cũng chơi bời thế à?

Giọng Thiện chậm rãi, buồn rầu:

– Đêm nay không phải Kim đi chơi.

– ?

– Anh ấy đến nhà C.. Chúng ta kể lại từ đầu. Hai năm sau khi ở Nha Trang về, tôi và Kim thuê một căn nhà ở Phú Nhuận, ở chung đi học. Tuy có một xu hướng thầm xui tôi ưa sống bên cạnh Kim nhưng những sở thích, thị hiếu, lối sống của chúng tôi hoàn toàn khác nhau nên ngày ngày Kim tìm theo bạn bè của Kim, tôi cặm cụi riêng với những ham

thích của tôi. Chúng tôi ít khi đi chơi chung với nhau trọn một ngày chủ nhật, không tò mò xen vào những bí mật riêng tư của nhau, mặc nhiên thừa nhận và tôn trọng cá tính độc lập của nhau. Tôi chỉ cần sống cùng một nhà với Kim đi về có nhau, là đủ thấy một cảm tưởng yên ổn vững chãi. Những tâm hồn yếu đuối thường e ngại vu vơ cần một nơi nương ỷ mà cũng không hiểu rõ như thế là để chống cự với cái gì. Còn về phía Kim, tôi không hiểu vì sao Kim mến tôi và cũng thích sống bên cạnh tôi năm này qua năm khác, từ ngày còn đi học cho đến lúc ra đời làm ăn. Một buổi chiều chủ nhật, tôi lật quyển sách, làm rơi một lá thư tình gửi cho Kim. Đó không phải lần đầu tiên tôi bắt gặp thư tình của Kim. Tính Kim lộn xộn bừa bãi, thỉnh thoảng vẫn bị chúng tôi vô tình phát giác một vụ như thế. Thường thường lúc chúng tôi đưa trả lại những lá thư kia, thì Kim cười, đón nhận một cách hờ hững, ít câu, rồi hoặc xé ngay đi; hoặc cho vào túi. Vài hôm sau không ai biết những lá thư ấy đi ngõ nào.

Lần này lá thư tình của Kim làm cho tôi nóng bừng hai bên thái dương, hồi hộp. Vì tên ký bên dưới là C.. Tôi đọc đi đọc lại lá thư mấy lần. Lời lẽ trong thư không phải là lời của một mối tình mới bắt đầu, mà là của một giai đoạn gay cấn, đe dọa tan rã. Tôi nhớ lại lần nào một mối tình của Kim bị tiết lộ, bị chúng tôi phát giác cũng đều là sắp đến hay đã đến hồi kết cục. Có lẽ lúc ấy Kim mới hết giữ gìn, không cần nữa chăng? Hay chỉ là tình cờ? Tôi tần ngần suy nghĩ. Tôi chưa trông thấy chữ C. viết lần nào, tôi cũng không biết họ của C. là họ gì. Trong một tháng rưỡi ở Nha Trang, tôi chỉ nghe bà con ông N.D.Đ. nói đến tên C. độ vài lần. Làm sao biết được C. đây có phải là C. đã ở Nha Trang không? Và đôi ba câu trong lá thư ám ảnh mãi, quay cuồng mãi trong óc tôi: "Em đã quá tin. Để hiểu anh, em đã trả bằng một kinh nghiệm quá đắt. Những giây phút thân mật thiết tha ấy không đáng nhắc lại nữa". Như vậy là thế nào?

Những lời úp mở xa xôi ấy tiết lộ thấp thoáng sự tiếp xúc giữa hai người, nhưng không vén hẳn tấm, màn bí mật. Họ đã yêu nhau, thân nhau đến bậc nào? C. ấy, C. Nha Trang của tôi năm ấy đã "thân mật" với Kim đến chừng nào rồi? Tôi đứng sát bên tình yêu của họ mà không ngờ đến! Tôi bồn chồn, sôi nổi, nóng nảy. Những cảm tình xưa cũ, những hình ảnh cũ vùng sống dậy. Tôi ngồi sững giữa bàn học, trong căn phòng chạng vạng tối, nhớ đến C. Nhớ cánh tay tròn, nhớ hai bờ vai trắng nổi trong đêm tối lúc C. nhìn tôi, nhớ cặp mắt sâu đen mà sắc sảo linh động của C, nhớ đôi vú tròn lẳn rắn chắc, nhớ buổi sáng C. đứng trước cửa phòng, gió lùa vào vạt áo giữa hai bắp đùi khỏe mạnh, C. bối rối đến tìm tôi. Có thực là C. ấy không?

Như điên như cuồng tôi đứng dậy sục sạo tìm khắp sách vở áo quần của Kim mong gặp một cái ảnh của C.. Có lúc tôi nghĩ rằng có lẽ nếu gặp ảnh không chắc lúc này tôi có thể nhìn ra C. một là vì trong hai năm qua C. có thể thay

đổi nét mặt, hai là vì trước kia tôi chỉ trông thấy C thấp thoáng, không kỹ càng. Nhưng tôi vẫn cứ tìm kiếm. Tôi lấy dây thép và cái kềm làm một chìa khóa giả để mở trộm va-li Kim. Tay tôi run rẩy, tôi xấu hổ, lo sợ, nhưng không sao ngừng lại được.

Thiệu ngừng một chút, rồi tiếp:

– Anh không tưởng tượng được tâm trạng tôi lúc ấy. Tôi cũng không thể sống lại tâm trạng ấy hai lần trong đời. Vừa bị nỗi ghen tức thiêu đốt trong lòng, vừa bị mối tình xưa cũ sống dậy rạo rực, vừa hổ thẹn về một hành vi hèn nhất của kẻ đưa tay ra mở trộm va-li của người bạn thân nhất trong đời mình, tôi hồi hộp, luống cuống, là cà lụp cụp, hành động như trong một giấc mơ. Cái khóa bật ra. Tôi giở nắp vali lên, mùi long não xông lên ngào ngạt. Tay tôi sờ soạng hấp tấp, vô ý thức một lúc mà không biết ngừng lại ở chỗ nào. Chú mục nhìn, tôi vẫn không thể phân biệt được rõ ràng cái gì trong va-li, vì ở góc phòng mà tôi đang ngồi bóng tối

đã tràn ngập. Tôi lo lắng sợ hãi, phân vân không biết làm thế nào, có nên bật đèn cho sáng chăng? Tôi không có can đảm diễn cái cảnh vụng trộm này dưới ánh đèn sáng choang. Cuối cùng, tôi đánh liều bưng một chồng sách vở, giấy tờ và sổ con của Kim ra ngoài hiên, đưa ra khoảng ánh sáng của ngọn đèn nhà bên cạnh để xem. Có một xấp thư, nhưng không có nét chữ của C. Tôi lại đem trả vào, và lại bưng ra một chồng khác. Tôi lẩy bẩy lật xổ các quyển sổ tay mỏng: vẫn không có vết tích gì của C.. Tôi bưng một chồng thứ ba, rốt cuộc tìm thấy một hộp thuốc "hépatrol" đựng non hai chục cái ảnh vừa con trai vừa con gái, trong đó có cả nét mặt của C.. Đúng là C. Nha Trang. Tôi không ngờ mình còn nhớ rõ và nhận diện nhanh chóng đến thế.

C. hất mặt nhìn lên trời, cười sung sướng. Vẫn cái trán hơi dồ, đôi mắt sâu và long lanh, ngời lên. Thân hình hơi có bề dày, nặng nề, vòng ngực nở cao hơn năm trước. Tôi nắm chặt tấm ảnh trong tay bàng hoàng. đau đớn.

Rõ ràng là C.. Hàng ngày cô ta truyện trò và ôm ấp Kim, người bạn nằm cùng giường với tôi. Tôi cảm thấy mình ở sát một bên cái sinh hoạt thân mật nhất của cô ta, tưởng chừng như chúng tôi cùng áp mình vào hai phía của một bức tường bằng gương, nhìn thấy nhau mà không thể chạm nhau, không nghe được tiếng kêu gọi nhau. Tôi sửng sốt, xót xa.

Đứng như thế trước hiên khá lâu, chợt tôi sực nghĩ đến chiếc va-li còn bỏ trống của Kim, vội vàng mang giấy tờ đồ đạc của anh ta vào trả lại. Tôi bối rối, nửa muốn giữ chiếc ảnh của C. thêm ít lâu, nửa muốn đóng khóa ngay để thoát khỏi cái hồi hộp lo sợ bị Kim về bắt gặp thình lình. Cuối cùng tối khóa vali lại cho yên tâm, chiếc ảnh vẫn còn cầm trên tay.

Bật đèn lên, tôi vào giường nằm, ép tấm ảnh lên một trang sách hình học, nghĩ ngợi lan man, thỉnh thoảng đưa quyển sách lên nhìn lại nét mặt C.. Tôi hối hận vô cùng về sự nản lòng và vụng về của tôi trong mười bảy ngày

sau cùng ở Nha Trang. Chắc rằng những cử chỉ lố bịch trong buổi sáng mà tôi xem như trời long đất lở ấy đối với C không đến nỗi quan trọng như tôi tưởng. Nếu sau đó tôi lại kiên nhẫn bạo dạn thì tôi có thể thành công. C. ấy đã từng rung động nhiều đêm bên song cửa sổ đối diện với tôi trong thứ bóng tối đồng lõa ở Nha Trang, hai chúng tôi đã chờn vờn toan đưa tay quờ quạng choàng nhau, chỉ một ly sai sảy, mà C. ấy bây giờ gặp Kim. Kim đã gần gũi cô ta đến chừng nào? Dáng người này, thân hình này đã thân mật với Kim đến chừng nào? Môi miệng này đã bao nhiêu lần hôn lên bạn tôi? Và bây giờ, ngay lúc bây giờ đây, có phải Kim đang nắm chặt hai vai, hôn vào đôi mắt sâu đen và long lanh này không? « Quá tin », « Kinh nghiệm quá đắt » là thế nào? C. đã kêu lên, thách đố Kim, hờn dỗi Kim về vài dấu hiệu phản bội, thì chắc là mối tình đã qua cái giai đoạn cuối cùng rồi. Chưa đến đó, Kim chưa có thái độ hờ hững đáng trách.

Tôi phỏng đoán, tưởng tượng những cảnh

lỡ lầm của C., người yêu của tôi! Những cảnh « lỡ lầm » ấy xảy ra sát bên tôi, chao ôi!

Tôi đang quằn quại triền miên trong những cảnh tượng đau đớn thi Kim vừa huýt sáo miệng vừa bước vào. Không có thì giờ trả kịp tấm ảnh vào va-li tôi cho nó vào túi áo của mình.

Kim thản nhiên. Anh ta thay đồ, xỏ chân vào guốc, cầm cái ca bằng nhôm đi xuống bếp, vẻ gần như khoan khoái. Một lát anh ta trở lên, đứng trước gương chải lại mớ tóc vừa nhúng ướt, rồi ngồi vào bàn học. Nguyên nhân của bao nhiêu sấm sét tơi bời trong lòng tôi lại giản dị thản nhiên như vô tình đến thế sao?

Vẫn nằm, tôi lặng lẽ ngắm Kim; mỗi lúc mỗi đau đớn thấy mình rắc rối phức tạp, đầy u ẩn hắc ám, lố bịch và ngạo ngược. Tôi ngắm cái ngực, nở nang của Kim dưới lần áo mai-ô mỏng, hai chân vạm vỡ trèo lên nhau, đôi chân mày rậm, cặp mắt nhanh nhẹn thông minh.

Mỗi một bộ phận cơ thể của Kim gợi cho tôi một cảnh tiếp xúc với C. Mọi việc tưởng như quá gần, quá rõ, tang chứng rành rành, thế mà tuyệt nhiên không để lại một dấu vết. Trên cái ngực khỏe mạnh ấy đã bao nhiêu lần C. nép đầu vào? Không còn gì cả. Chỉ có cái mai-ô trắng tinh. Như một lời chối phắt gọn gàng, đơn giản. Tất cả đều chối phắt, ngậm im, bí mật với tôi. Càng nhìn Kim, từ bắp chân, cổ tay cho đến đôi môi của anh ta, tôi càng uất ức nóng nảy, bồn chồn như thiêu như đốt.

Cuối cùng tôi vùng dậy, mặc đồ ra đi. Có thể nói rằng ngay từ lúc bước chân khỏi nhà tôi đã quyết định đến đâu, tìm kiếm những gì rồi. Tuy thế lúc ngồi vào khoảng ánh sáng giữa phòng trong cái quán ăn chơi ấy tôi cũng bàng hoàng lạ lùng. Suốt dọc đường, tôi bừng lên háo hức. Tôi có cảm tưởng đã áp đến sát bên người C. nhưng một lớp đường ly cách trong veo gạt đón tôi lại. Tôi cần phải trả thù, phải trút sự ứ nghẹn ấy lên bất cứ một tấm thân con gái nào.

Lần đầu tiên tôi tìm đến một chỗ chơi bời. Ngồi xuống ghế, dưới ánh sáng, tôi thấy một cảm giác lành lạnh, chơi vơi. Có lẽ mặt tôi lúc đó tái đi. Nhưng mắt đã vô tình hướng về một người con gái đứng dựa vào cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ! Tôi chỉ thấy đàng lưng, nhưng có cảm tình với vóc người ấy. Lúc người đàn bà chủ quán đến trước mặt, nhoẻn miệng cười, nháy mắt hỏi, tôi im lặng trỏ ngược ngón tay cái về phía cửa sổ, cố lấy một vẻ thành thạo. Người con gái quay lại nhìn vào mặt tôi trước khi bước vào trong phòng. Cô ta không xấu, nhưng lé mất một bên mắt.

Tôi vào phòng thì thấy cô ta đang khom xuống vặn ngọn đèn con ở bên giường. Cô ta quay lại cười. Trong một thoáng, chắc chắn đôi mắt lão luyện của cô ta đã đánh giá được những cử chỉ ngập ngừng ngượng ngập của tôi, nên tiến thẳng đến, kéo tôi ấn ngồi xuống giường rồi thoăn thoát tự cởi áo ra. Làn da trắng lõa lồ làm tôi choáng váng. Lúc ôm choàng quanh người cô ta, bàn tay tôi áp lên bụng nong nóng

của cô ta, tôi thẹn thùng cảm thấy tay tôi lạnh cóng đi vì một xúc động lố bịch.

Đó là lần đầu tiên tôi biết đàn bà.

Lúc tôi trở về nhà, Kim còn đang ngồi trước bàn đọc sách. Những ngày sau đó anh ta vẫn thản nhiên. Tôi không thấy anh ta tìm kiếm cái ảnh, không nghe anh ta đả động, băn khoăn gì về cái ảnh bị mất. Còn tôi, tôi vẫn khổ sở thăm dò trên nếp áo, làn da của Kim, rình rập theo dõi dấu vết của C.. Tôi càng đi sâu vào những hành động vụng trộm lén lút, hèn nhát. Tôi lục trộm túi áo túi quần, va-li, sách vở của Kim để tìm thư C. Tôi mong bắt gặp một lời thú nhận nào rõ rệt hơn về sự gần gũi giữa hai người để được thấy mình đau xót thêm. Nhưng từ đó về sau tôi không còn tìm thấy thư của C. nữa. Và lại làm sao có thể đọc được trên thư của người con gái một lối nói trắng trợn hơn, đủ trắng trợn để thỏa mãn những nghi ngờ của tôi? Tôi quằn quại bên sự thản nhiên của Kim. Và cứ

thế, mỗi lần bị trí tưởng tượng kích thích quá, tôi tìm đến cái quán nước cũ.

Cho đến một hôm chủ nhật khác, vào khoảng hai giờ rưỡi chiều, tôi đang ngủ ở gian phòng phía trong bỗng nghe một giọng nói giận dữ ở phòng ngoài. Tôi giật mình thức dậy, để ý nghe. Một người con gái cãi nhau với Kim. Trời ơi, tôi run lên: C. chỉ còn cách tôi có một bức vách mỏng bằng ván! Tôi không còn nhớ giọng nói của C. hai năm trước, nhưng linh tính báo cho tôi nhất định là C.. Có lẽ hai người gặp nhau đã lâu, họ đã hờn giận trách móc nhau lâu rồi, đến lúc này trong cơn giận kịch liệt Kim quên không để ý đến sự có mặt của tôi trong phòng và C. cũng hết giữ gìn. C. cười gằn, nói:

– Anh không ngờ con Liên lại là bạn của em. Đáng tiếc quá!

Không có tiếng Kim trả lời.

Tôi nhìn qua kẽ vách ván, trông thấy Kim quay mặt ra ngoài đường, im lặng. Còn C. thì ngồi trước bàn học của chúng tôi, cách chỗ tôi nằm nửa thước tây. Một tay cô ta bám vào ghế, một tay để trên bàn. Từ trong phòng mát trông ra khuôn mặt của C. ngoài ánh sáng tôi thấy rõ đến những cái lông nheo, đến tròng mắt ướt long lanh, và đến hai cánh mũi phập phồng theo hơi thở gấp dồn dập. Tôi có cảm tưởng ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng.

Kim đứng dậy, tiến về phía trước cửa, cúi xuống lượm một cuốn số con và xâu chìa khóa bị gạt văng xuống không biết từ lúc nào. Rồi anh ta đi lại đứng bên cạnh C. một lúc lâu. Tôi nghe C. bật ra khóc lên tiếng. áp mặt trên cánh tay trái vẫn để trên bàn. Cách nhau nửa thước, tôi nhìn theo nhịp phập phồng của ngực và bụng C. trong đau khổ hổn hển, tôi nhìn những ngón tay mặt của C. bấu chặt vào thành ghế đến trắng toát ra. Chỉ giang cánh tay ra là tôi có thể sờ mó vào cái thân thể yêu quý đang

thổn thức ấy. Nhưng giữa chúng tôi thực vô cùng cách biệt.

Kim lên tiếng:

– Em nghĩ lại. Khó tính và nghi ngờ như thế... sao em không nghĩ đến những điều kiện của một cảnh sống chung êm thấm đẹp đẽ sau này.

C. càng khóc to:

– Anh có bao giờ nghĩ đến chuyện chung sống với nhau đâu... Anh đừng tiếp tục dối nữa... Tôi biết tôi dại rồi...

C. ấm ức khóc. Kim đứng yên bên cạnh, cho đến khi C. ngửng đầu lên chùi mặt, đứng dậy xách nón bước ra cửa. Tiếng giày Kim bước theo nghe chậm rãi, bình tĩnh, xa dần, mất vào tiếng ồn ào ngoài đường phố.

Còn lại một mình tôi trong nhà. Từng chi

tiết nhỏ trong cảnh vừa qua hồi trở lại trong trí để đay nghiến tôi, cho đến lúc không thể chịu nổi tôi lại đi về cái quán cũ tìm những xúc động khuây khỏa. Tôi không cốt đi tìm tòi những lạc thú mới mà chỉ mong cấp bách giải tỏa những ray rứt ám ảnh khó chịu, nên vô tình mà lần nào tôi cũng gặp lại chỗ cũ. Dần dà hình ảnh người con gái lé mắt dính liền với những cảnh khổ tâm về C., với hình ảnh C. và những nhớ thương đối với C. Hình ảnh người con gái lé mắt len lỏi vào tâm trí tôi do những liên quan với các uẩn khúc trong câu chuyện tâm tình rắc rối về C. và những cảm giác quen thuộc lâu ngày trên da thịt...

Có tiếng một chiếc xe hãm gấp rút lên ở một góc đường quanh. Thiện ngừng nói. Điếu thuốc của anh ta đã vứt lâu rồi, từ nửa câu chuyện, bây giờ anh mới chậm rãi như lơ đãng, cho tay vào túi lấy một điếu khác.

Tôi bàng hoàng khó xử, không ngờ đêm nay Thiện lại bộc lộ đến những chuyện như thế

với mình. Tôi không biết nói gì, hỏi gì, trước sự tin cậy bất thường và đột ngột của Thiện.

Tiếng Thiện bắt đầu nói lại, chậm và buồn:

– Người con gái lé mắt ấy bây giờ là nhà tôi.

Thiện lại ngừng. Tôi bối rối vẫn không biết có nên nói gì chăng. Nhưng anh ta lại tiếp ngay:

– Tôi không có điều gì phàn nàn về việc ấy. Nhưng thỉnh thoảng có dịp ôn lại câu chuyện, nghĩ rằng một cánh cửa sổ mở ra trong đêm khuya ở Nha Trang có thể đưa đến cảnh ngộ của tôi ngày nay, tôi không khỏi lấy làm lạ lùng.

Bây giờ Thiện quay mặt trông về phía tôi, nói:

– Trong câu chuyện tôi vừa kể... chắc anh thấy một tâm lý bệnh hoạn. Vâng, bệnh hoạn lố bịch. Tôi vẫn biết là những xúc động quá

đáng của tôi rất lố bịch. Một câu chuyện như thế không thể xảy đến cho mọi người...

Tôi an ủi:

– Ở mỗi người trình độ xúc cảm mỗi khác nhau. Nhưng tôi chắc trước một người mà mình thành thực yêu tha thiết không ai bình tĩnh được như ý mình mong muốn...

– Tôi lấy làm ân hận mãi rằng mối tình độc nhất trong đời tôi lại chẳng phải bình thưởng... nghĩa là chẳng lành mạnh như của mọi người, tôi không được biết một chuyện ái tình thực sự giống như những chuyện ái tình của mọi người khác...

Tôi bật cười:

– Anh tưởng một sự tiếp xúc tình cảm dễ dàng giản dị chừng nào là thú vị chừng ấy sao? Những người con trai con gái trong xã hội cổ sơ chắc chắn nhìn nhau không biết đến cái run

rẩy của anh, họ gặp gỡ nhau dễ dãi hơn, nhưng ái tình của anh trái lại phong phú hơn biết bao nhiêu. Những kỷ luật buộc ràng của một đời sống xã hội càng ngày càng phức tạp tế nhị, những hình thức lễ giáo, những thủ tục giao tế phiền phức làm cho ta mất thói quen tiếp xúc hồn nhiên. Trước những điều có lẽ khởi sơ, ta xem đơn giản tự nhiên bây giờ ta có thái độ long trọng, rụt rè, ta cảm động sợ hãi. Sự giao tiếp mất đi tính cách đột ngột hồn nhiên, nhưng cuộc sống tăng thêm bao nhiêu là thi vị!

Những ước lệ, trở ngăn của cuộc sống xã hội dồn nên tình cảm tự nhiên của chúng ta thỉnh thoảng quả có tạo nên những trường hợp tâm lý bệnh hoạn. Nhưng tôi nghĩ rằng chính nhờ chúng mà cái liếc mắt của mọi người con gái càng ngày càng kín đáo tình tứ. Những bàn tay run run bấu chặt vào ghế, những cánh cửa sổ lặng lẽ mở lên trong đêm khuya, những chiếc khăn tay mà thiếu nữ ấm ức cắn chặt trong mồm, những đau khổ ấy làm cho cuộc sống phong phú thêm, âm thầm xúc tích thêm

bao nhiêu. Chúng ta nên gọi đó là những đắng cay hấp dẫn của cuộc đời.

Thiện thở ra một hơi dài, nhẹ nhàng. Anh ta lại nhìn lên hàng chữ quảng cáo đỏ xanh tắt sáng, tắt sáng giữa nền trời. Ngọn lửa của điếu thuốc cầm nơi tay anh rung rung.

Tôi hỏi:

– Thế rồi làm sao có cái chết đăng trên mặt báo hôm nay?

Thiện không quay lại:

– Từ ngày có gia đình về sau, tôi chỉ theo dõi cuộc đời của C. từ xa mà thôi. C. có chồng. Ngày cưới của C. do Kim một hôm thuật lại trước mặt tôi. Đến bây giờ tôi cũng không hiểu đó là chuyện ngẫu nhiên hay là vì Kim đã biết tôi đọc trộm thư và lấy cắp ảnh của anh ta. Về

sau vợ chồng C. xích mích, anh chồng đi Cao Miên làm ăn khá lâu không gửi thư về. C. sống chung với một ông phó tỉnh trưởng. Ông này làm ra nhiều tiền, mua nhà và xe hơi, nhưng vì muốn tránh dư luận nên những tài sản ấy đều để C. đứng tên. Cách đây năm tháng ông phó tỉnh trưởng bị truy tố về tội thâm lạm. Trong lúc ông ta bị giam giữ thì người chồng cũ của C. từ nước ngoài trở về. Họ lại sống với nhau, chung hưởng những món tài sản kia. Từ đó đến nay, tôi không rõ họ đối với nhau thế nào, và vì sao mà C. chết.

Cuộc sống ồn ào của thành phố dần dần hồi trở lại. Da trời sáng dần. Thiện đưa tay ra ánh sáng xem đồng hồ: Bốn giờ rưỡi. Anh ta vừa đứng dậy, vừa bảo:

– Chuyến tàu của tôi khởi hành sáu giờ. Khỏi ngủ.

Chúng tôi bước vào trong nhà. Ngọn đèn điện trong phòng ngủ còn để sáng. Kim vẫn chưa về.

VÕ PHIẾN

KHÁI LUẬN VỀ ĐẶC TÍNH CỦA VĂN NGHỆ MIỀN NAM

THÁI BẠCH

ĐẤT nước miền Nam mới thành lập từ hơn ba thế kỷ. Và trong khoảng thời gian hơn ba thế kỷ ấy, đồng bào miền Nam đã phải chịu gần một thế kỷ làm thuộc địa của Pháp. Nhưng đặc biệt về phương diện văn nghệ vẫn luôn luôn phát triển, truyền thống dân tộc trước sau vẫn vững vàng, không bị sụp đổ hay phai lạt đi bởi những biến cố quan trọng của lịch sử, nhất là ở trước một thế lực văn hóa ngoại lai tràn vào như gió bão, không kém mãnh lực của những binh đoàn cơ giới tối tân.

Chính vì thế mà miền Nam luôn luôn quật khởi, tinh thần anh dũng của các vị anh hùng tiền bối lúc nào cũng như hơi men bốc dậy trong các từng lớp của đồng bào ở đây.

Kho tàng văn nghệ của miền Nam tách riêng ra mà nói, lẽ tất nhiên không được đồ sộ như hai miền Trung, Bắc. Nhưng không phải rằng không có những nét sáng chói đã ghi trong lịch sử.

Nếu ở ngoài Bắc trong thời gian qua có những tay kiện tướng trên đàn văn trận bút như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Công Trứ v. v... thì ở miền Nam cũng có những người để đưa lên cùng chiếu như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Hữu Huân, Huỳnh Mẫn Đạt, Sương Nguyệt Anh v. v...

Đó là ta chưa kể đến những hạt ngọc quý thâu lượm trong các miền thôn quê: câu hò,

tiếng hát, ca dao, tục ngữ, hoàn toàn có màu sắc địa phương mà trước đây cũng trên tờ Nguyệt san Sáng Tạo này chúng tôi đã có dịp đem ra trình bày cùng bạn đọc. Nếu ta chịu khó góp lại tất cả những bài ca như cải lương, vọng cổ v. v... ở trong khoảng thời gian qua, thì thấy rằng cái kho tàng văn nghệ miền Nam không phải là ít và kém những món ăn tinh thần địa phương.

Có người quan niệm rằng miền Nam là nơi đất đồng bằng, kề như tất cả đều là những bưng biền ruộng rẫy, không có những cảnh non sông hùng vĩ như Trung, Bắc nên trong văn nghệ ít có những đẹp, những đấu tranh. Nhưng đi sâu vào trong đồng bào, chúng ta hấy khác hẳn. Nếu bảo văn nghệ miền Nam không có những cái đẹp, hỏi sao đã có những câu sau này của một nhà thơ nọ khi quay đầu nhớ lại phong cảnh quê hương mình:

Tù và văng vẳng nhớ quê xưa;

Nhớ đến nhà ta khuất lá dừa.

Nhớ ruộng lúa vàng bông phấp phới,

Nhớ biền bần rạch ngọn đòng đưa.

Thật là một bức tranh trung thực như in lấy cánh đồng ruộng mông mênh bát ngát, những cảnh trí của một thời no ấm và trật tự. Có người quá khắt khe phê bình, sao tác giả với bài thơ này không nói gì đến tình gia đình thôn xóm mà chỉ nhớ đến những của riêng mình thuộc phạm vi vật chất? Song ta nên nhớ đây là một bài tả cảnh, chớ không phải tả tình, mà cũng không phải là tình cảnh tương hợp. Và câu sau này nữa, không biết của ai, nhưng thật là hồn nhiên và lời đẹp đâu có kém gì những "lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu" của cụ Nguyễn Du, tác giả Kim Vân Kiều:

Trăng nằm đây nước trong veo,

Cầm chèo ta đập, mấy chèo trăng tan.

Còn bảo văn nghệ miền Nam không có

đấu tranh thì đâu có những câu mà hiện nay trong những đêm khuya, trên dòng nước bạc Cửu Long giang, hay dưới những tầu dừa xanh che khuất bóng mặt trời, thường vẫn hát:

Vai mang chiếc nóp rách,

Tay xách cỗ quai chèo,

Thương con nhớ vợ,

Giận nghèo anh phải ra đi.

Ra đi vì lẽ gì, phải chăng là vì cảnh non sông đất nước? Ra đi ngoảnh lại thì thương con nhớ vợ, nhưng không ra đi để cứu lấy dân tộc, để lo cho giang sơn thì làm sao mà giải quyết được sự sinh tồn trường cửu với chén cơm manh áo.

Chúng tôi muốn kể lại nữa những bài văn lịch sử của Nguyễn Đình Chiểu, Thủ Khoa Huân, Phan Văn Trị vì đó là những tài liệu cụ thể để dẫn chứng văn nghệ miền Nam là một

thứ văn nghệ đã được một màu sắc địa phương với một tinh thần đứng dậy và đấu tranh không ngừng. Nhưng việc ấy thiết tưởng đối với bây giờ, chúng ta không còn lạ gì nữa, và chính nó cũng đã trở thành một di sản vô cùng quý báu để lại sau này mà trong thời Pháp thuộc, các sĩ tử đã tiếp tục để mong đến hoàn thành sự nghiệp.

Thật thế, nói đến văn nghệ là phải nói đến đặc tính tranh đấu để bảo vệ tinh thần truyền thống, và để tiến, để tìm một lối thoát. Tôi rất tiếc khi nói đến văn nghệ miền Nam, một số người nào đó có bổn phận làm công việc ấy, chỉ kể đến mấy pho tiểu thuyết của một vài cây bút cận kim, với mấy bản xàng xê, năm ba câu vọng cổ mà thôi; bỏ qua đi, hoặc vì sơ xuất hay cố tinh sơ xuất những cuộc vận động và đấu tranh có tính chất thời đại.

Lại xin đơn cử ra đây một việc tranh đấu để đốt quyển Hà Hương Phong Nguyệt.

Quyển sách này là một tập tiểu thuyết hối dâm xuất bản vào khoảng năm 1923 hay 1924, tác giả, ông Lê Hoằng Mưu, một tiểu thuyết gia đã có ngòi bút sâu sắc trên văn đàn lại sẵn có một địa vị vững vàng nên ở miền Nam bấy giờ đồng nghiệp nào dám động đến ông thì không khác nào như vuốt râu cọp vậy. Nhưng xét thấy tác phẩm ấy ra đời rất tai hại cho phong hóa nước ta, nên ông Nguyễn Háo Vĩnh chủ bút tờ Nam Kỳ Kinh Tế đã nổi lên công kích kịch liệt. Luôn ba tháng trường, dưới đề mục "Gỡ mặt nạ Lê Hoằng Mưu, ông Vĩnh đã phơi trần ra ánh sáng những tồi bại của nội dung tác phẩm họ Lê và yêu cầu chính quyền đương thời phải cấm tuyệt vì đó là một món thuốc độc làm tê bại tinh thần của thanh niên nam nữ Việt Nam.

Chánh phủ thuộc địa Pháp ở miền Nam lúc ấy thật ra muốn cho tác phẩm ấy được lưu hành để đầu độc tinh thần dân tộc của đồng bào phải tiêu biến mau đi, vì đó là chính sách cố hữu của chủ nghĩa xâm lược. Nhưng trước những lời lên án gắt gao của ông Vĩnh và

những phản ứng của đồng bào, họ cũng không thể nào bênh vực hay làm ngơ đi cho tác phẩm đồi phong bại tục của Lê Hoằng Mưu, và kết quả trên mười ngàn quyển Hà Hương Phong Nguyệt vừa mới in ra, chưa lưu hành được mấy đã bị tịch thâu và đốt hết để cảnh tỉnh cho những cây bút đang lăm le đi vào con đường của họ Lê, vì đường đó là đường kiếm tiền rất dễ và làm giàu rất mau của những tên văn nô trong thời còn mồ ma chủ nghĩa thực dân Pháp ở đây.

Ông Nguyễn Háo Vĩnh làm việc đó đã can đảm và thành công, đem lại một ảnh hưởng vô cùng tốt đẹp cho tinh thần văn nghệ miền Nam. Nếu trước kia người ta khen ông cử Phan Văn Trị đã dám vạch mặt bọn phản quốc một cách công khai trên đàn văn trận bút, thì sau cũng phải nói tới ông Vĩnh đã tiếp thụ được cái tinh thần bất khuất ấy để phá vỡ kế hoạch ngu dân bằng thi văn của tên bồi bút họ Lê, và ông đã hoàn toàn thắng lợi. Đương thời người ta rất lo cho ông không biết có địch nổi ngòi

bút và miệng lưỡi của nhà văn họ Lê không, nhưng cuối cùng người ta đã hoan nghinh ông như đón đoàn quân bách thắng khải hoàn khi được tin tất cả những quyển Hà Hương Phong Nguyệt đều bị làm mồi cho thần hỏa.

Cuộc bút chiến giữa hai nhà văn Nguyễn, Lê chưa dứt tiếng vang trong dư luận đồng bào, kế đó ít năm sau lại có một cuộc bút chiến khác xảy ra. Khác với mọi cuộc bút chiến trước, cuộc bút chiến này không phải nhằm vào một cá nhân hay một tác phẩm nào mà mục đích chung là nhằm vào việc tìm cho văn nghệ nước nhà một lối thoát và một xu hướng mới tiến bộ. Cuộc bút chiến này chia ra làm hai phe, một phe chủ trương văn nghệ vì văn nghệ, còn một phe chủ trương văn nghệ vì nhân sinh.

Phe trước là nhóm ông Phan Khôi, phe sau là các ông Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh vân vân. Hai phe chống đối hay nói cho đúng hơn là tranh luận, luôn có cả một năm trường mà vấn đề chưa ngã ngũ. Đi đôi với cuộc tranh

luận này, có các cơ quan ngôn luận khác dùng làm diễn đàn cho dân chúng thực sự để nói lên những tiếng nói của người dân thuộc địa.

Các cơ quan ngôn luận ấy viết bằng Việt văn và cả bằng Pháp văn như tờ báo Thần Chung của Ông Diệp Văn Kỳ, tờ An Nam của cụ Phan Văn Trường, tờ Cloche félée của ông Nguyễn An Ninh, tờ Tribune. Indigène của nhóm Nguyễn Phú Khai, v. v... chưa kể đến các nhật báo khác như: Mai, Công Luận, Điện Tín, Saigon, và các tuần báo như Đồng Nai, Khoa học và Phụ Nữ tân văn v. v... Các cơ quan ngôn luận này nói chung về mặt văn nghệ đều có phần rất chú trọng và đặc biệt chủ ý đến công việc nâng đỡ các cây bút tài hoa.

Do đó, văn đàn miền Nam lúc ấy đã thu hút rất nhiều các cây bút ở Trung, Bắc tràn vào như các thi sĩ Tản Đà, Hàn Mặc Tử, các nhà văn như Đào Trinh Nhất và Phan Khôi, Bùi Thế Mỹ v. v...

Khoảng thời gian ấy nhằm vào những năm 1938–1939–1940. Nhưng phong trào bùng lên không mấy chốc, lại bị dập tắt bởi các nhà cai trị người Pháp. Những cái mới, cái tiến bộ của văn nghệ chưa kịp ra đời đã bị chánh quyền bóp chết từ khi còn thai nghiên. Bởi tình trạng đó nên các tiểu thuyết thuộc loại kỳ tình kiếm hiệp và các bản hát bi ai lại được mùa nổi lên, chạy theo đuôi thị hiếu độc giả. Một số các nhà văn tiến bộ phải quay ra biên khảo, như Phan Văn Hùm, Kiều Thanh Quế v. v... song những tác phẩm khi viết thì ở Sài Gòn nhưng xuất bản phải đưa ra Hà Nội như các quyển: Vương Dương Minh, Ngư tiều y thuật vấn đáp, và thi hào Tagore v. v...

Nhà cầm quyền Pháp ở miền Nam khi đó đã tìm đủ mọi mánh khóe để ngu dân, để làm cho bước tiến của văn nghệ phải ngày càng lùi lại, nhất là khi quân đội Nhật tràn vào, họ lại giở trò thêm nữa để bao vây bóp chẹt nguồn sống của văn nghệ dân tộc. Phong trào thể tháo Đông Dương, khẩu hiệu "Gia đình, tổ quốc, cần

lao" của những người Pháp đầu hàng Đức quốc xã mọc lên, là những hình thức tuyên truyền để lái dân tâm Việt Nam theo chiều hướng của chúng.

Trước tình trạng ở dưới hai gọng kìm Nhật, Pháp, văn nghệ miền Nam lúc ấy cơ hồ như không còn thể thống gì nữa. Trên mặt báo chương nếu không "muôn năm Nhật Hoàng" thì trái lại cũng "Pétain vạn tuế". Còn những nhà thơ thì đa số đều bước vào con đường đi tìm những vần điệu bi ai thảm thiết, để giải nỗi lòng mình, các nhà tiểu thuyết thì chỉ còn biết đi tìm những đề tài thuộc về những chuyện yêu đương nam nữ.

Tình trạng này kéo dài cho đến năm 1945, văn nghệ miền Nam mới được vươn lên theo đà sống dậy của toàn dân. Các cơ quan ngôn luận và những cây bút trước đây làm tôi tớ cho thực dân và phát xít phải tự tử hoặc chết đi không trống không kèn để nhường chỗ cho văn nghệ

dân tộc tiến lên thi hành nhiệm vụ trước giai đoạn lịch sử.

Nhưng không bao lâu, vũ lực của người Pháp trở lại, văn nghệ miền Nam lại chia ra làm hai trận tuyến: Một phe chạy theo thuyết "Nam kỳ tự trị" dùng báo chí văn nghệ để cổ súy cho chính sách phân ly Nam, Bắc. Phe này có các báo như Phục Hưng của Hiền Sĩ, Tiếng Gọi của Phạm Văn Điều. Còn một phe khác chống trở lại là các báo Nam Kỳ, Tín Điển và Việt Bút v. v... Hai phe đối lập nhau một thời gian khá lâu có đến hơn hai năm, và kết quả phe chia rẽ Bắc—Nam để làm lợi khí cho thực dân xâm lược phải tự chôn vùi một cách rất vô cùng nhục nhã; hai báo Tiếng Gọi và Phục Hưng trước còn dùng áp lực của Pháp và bù nhìn đem đến từng nhà bắt phải mua, rồi sau cho không, song song với sự giúp đỡ triệt để của các nhà đương cuộc, nhưng rồi rốt cục cũng không thể nào chịu nổi, phải đóng cửa để chết luôn đi theo với bản quốc ca "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi. Khách má hồng nhiều nỗi

chuân truyên" của chánh phủ "Nam kỳ tự ải".

Và từ đó trở đi, văn nghệ miền Nam mới dần dần đi vào mọi mặt thực tế của xã hội, hòa mình với mọi sức sống của toàn dân cả về các bộ môn thi văn, báo chí, âm nhạc, kịch trường và điện ảnh. Qua những khái quát về tinh hình trên đây, ta thấy rằng luôn luôn văn nghệ miền Nam vẫn giữ được tính chất dân tộc và sắc thái địa phương không bị lung lay, sụp đổ bởi những trận cuồng phong, bạo vũ đã xảy ra liên tiếp gần một thế kỷ qua. Một điểm đặc biệt nữa là từ mấy năm nay, những cây bút ở hai miền Trung, Bắc tràn vào đã góp thêm cho văn nghệ miền Nam được khá nhiều công lao, nhất là việc đi sâu vào đời sống địa phương để tìm đề tài hiện hữu và sưu tầm tất cả những gì mà trong tám mươi năm kia phải nằm yên trong xó tối.

Và trước giai đoạn lịch sử này, văn nghệ miền Nam đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc kiến thiết, đấu tranh để

phát triển tinh thần truyền thống bất khuất của dân tộc, để hoàn thành sự nghiệp thống nhất lãnh thổ.

THÁI BẠCH

THẰNG KHỞI

DUY THANH

LŨ trẻ con vừa chạy bu quanh thằng Khởi miệng la inh ỏi:

– A, thằng Khởi, thằng Khởi, thằng Khởi.

Tiếng vỗ tay đập nhịp với chân chạy làm lũ người nhớn quay đầu nhìn lại. Cả cái tỉnh lỵ nhỏ bé nhìn thằng Khởi hiền lành, trùi trụi suốt năm tháng làm cái công việc gánh nước thuê đều đặn. Giời sinh nó ra chỉ để gánh nước. Và có lẽ nó chỉ biết làm có một nghề này với đôi thùng gỗ chạy từ cái giếng phố giữa vào khắp mọi nhà. Một đồng một gánh nước. Người ta

trả nó bằng những đồng tiền đồng xám xịt.

– Chúng mày thấy chưa, xâu tiền của nó đầy một nửa rồi.

– Từ sáng đến giờ được bao nhiêu gánh hở Khởi?

– Tiên sư mày Khởi ạ.

Thằng Khởi không nói gì, vừa đổi vai gánh vừa nhìn lại cười ngây ngô. Xóc tiền đồng buộc quanh bụng nó nhịp đều một âm thanh rèn rẹt. Mồ hôi chảy loang trên thân hình đen trũi của nó nhấp nha nhấp nhoáng. Lũ trẻ đuổi theo một quãng thì chán, dừng lại chửi với:

– Mẹ bố thằng Khởi, mẹ bố mày!

Mấy đứa trẻ đắc chí vì bắt nạt được một người bằng tuổi bố chúng với cái vô tư độc ác của tuổi thơ.

Lũ người nhớn thì hầu như không để ỷ đến sự có mặt của thằng Khởi. Nó sống từ bao giờ ở đất này cũng không mấy ai biết. Người ta chỉ cần đến nó để gánh nước. Và thằng Khởi chỉ là một thằng người tầm thường ngu độn không đáng kể.

Thảng hoặc có một người lạ mặt đến thấy nó mà muốn hỏi chơi về tông tích thì chỉ biết rằng đó là một thắng mất gốc sống nhờ trên đất nước này. Nó dòng dõi dân Hời, không biết vì sao lại lưu lạc đến đây. Cũng bởi nó chẳng làm hại ai nên cũng chẳng mấy ai buồn nhìn nhỏ đến nó. Mặc cha cái thằng Khởi nó sống thế nào thì sống. Mà kể nó sống cũng hồn nhiên, cứ trần trụi một mảnh khố tứ thời, chẳng biết rét mà cũng chẳng biết nóng. Ai chửi bới châm chọc cũng mặc. Nếu nó nhìn ai cũng chỉ đến loe cái miệng ra cười là hết. Sao mà lại có cái thằng ngớ ngẩn đến thế. Hình như nó chỉ biết đến những đồng tiền đồng tích súc trên sợi dây gai đeo quanh mình. Lại có biết tiêu gì đâu cho cam. Cứ ky cóp gánh nước, cần cù như một

con dã tràng rồi tích lũy những đồng tiền cho đầy cái dây. Nếu người ta để ý đến thằng Khởi là khi cái đai bụng ngồn ngộn những đồng tiền. Những đồng tiền do công lao gánh nước của nó. Rồi thế nào cũng có một đêm phố phường lại vang lên tiếng kêu thất thanh:

– Ối giời ơi, tôi mất hết tiền rồi, hết tiền rồi.

Tiếng kêu líu lo của nó làm hàng xóm bật dậy nghe ngóng. Rồi khi biết là thằng Khởi thì chẳng ai lấy làm quan trọng.

– Ối dào, cái thằng dở điên dở dại nó mất trộm đấy mà.

– Cái mả mẹ nó giữ tiền làm gì cơ chứ. Ai lấy đi cũng phải. Nó có biết tiêu pha gì đâu.

Kêu chán thằng Khởi lại nằm xuống ngủ, đầu gối lên chiếc đòn gánh cứng nhắc. Được cái nó cũng hiền, mất thì tiếc của kêu rống lên

một hồi cho váng hàng xóm lên rồi lại thôi. Cái trường hợp đó cứ xảy ra đều đều, dăm tháng một. Khi mà cái giây tiền quanh bụng nó bắt đầu đầy là y như rằng thế nào cũng mất. Chắc nó phải ngủ say đến độ khiêng vứt xuống sông cũng không biết. Người ta cũng chẳng buồn khám phá ai là người đã có ác tâm ăn cắp của nó. Chỉ qua một đêm là sáng hôm sau nó lại cùng cục đi gánh nước. Lại bắt đầu đi kiếm một cái giây buộc vào bụng, lại bắt đầu tích từng đồng một.

Hình bóng đen trụi của nó lại đổ xuống trên con đường đã theo đôi cẳng bước nhanh, và nước giếng lại giỏ giọt từ đáy thùng suốt chặng đường.

– Mẹ cha cái thằng dã tràng se cát.

Hàng phố lại được dịp nhìn mỗi khi nó đi qua để chửi một câu cho sướng miệng và cười với nhau cho đã đời.

Thằng Khởi vẫn sống cuộc đời riêng biệt của nó mà bất cần hết cả. Buổi trưa rồi nó sửa soạn bữa ăn trịnh trọng như một bà nội trợ. Tất cả là một con chuột chết, vài củ khoai lang hoặc cái bắp ngô, Đôi khi thêm một nắm cơm mua ở ngoài chợ.

Chả hiểu mỗi ngày nó nhặt đâu hoặc bắt ở đâu một con chuột. Cũng làm lông moi ruột cẩn thận rồi đem luộc trong cái nồi đất nhỏ. Lúc ăn nó xé ra chấm với muối ớt một cách ngon lành. Ngày nào cũng làm hết hai chú chuột là ít. Bất kể loại gì miễn là khá to. Chuột cống, chuột đồng. Cứ trông nó ăn thì thật ngon lành, hồn nhiên như người nguyên thủy.

Hàng phố cũng có lệ, hễ ai đánh chết được con chuột nào là y ra nhớ đến thằng Khởi. Cứ vứt ra đường là thế nào nó cũng đến nhặt. Nó tìm chuột như một anh nghiện đi kiếm thuốc.

Lò mà lò mò ở những lỗ cống hoặc những đống rác những lúc mọi người yên nghỉ. Điều

lạ nhất là nó cũng khá sạch sẽ. Tuy rằng ngủ thì đầu đường xó chợ, nhưng cũng chịu khó lắm táp luôn. Có lẽ vì nó gánh nước nên cũng thích nước. Mỗi buổi chiều tối, nó tự dành riêng một gánh nước, ra sau phía quán chợ rồi kỳ cọ dội ào ào. Sau đó lại chén một bữa chuột luộc mới dọn dẹp nằm quay ra ngủ.

Thằng Khởi sướng vì nó tầm thường bằng một con vật.

* * *

Tôi để ý đến nó năm tôi 16 tuổi... Tôi thấy nó không phải là người mà lại là người. Cái thế giới ngây ngô bí ẩn trong cái cuộc sống đơn thuần đó có một sự khác thường, khác với cái thế giới mà tôi sống. Tại sao đời nó chẳng ra gì cả mà vẫn có nó? Cái vẻ đẹp man rợ ngu xuẩn ấy mang cho tôi nhiều ý nghĩ dâm dục. Hiện tượng đó phát sinh dần dần với tuổi lớn của tôi. Tôi chắc thằng Khởi chưa hề ngủ với ai bao giờ. Và nguyên ý tưởng đó đã làm tôi ngứa hết

mình mẩy. Cái bản năng tình dục của đứa con gái mới nhớn là tôi bị xáo động mãnh liệt. Nó ấn tượng mỗi đêm nằm không với cái hình ảnh trùi trũi vụng về của nó.

Tôi ôm riết lấy cái gối để mặc sức tưởng tượng. Thằng Khởi, thằng Khởi chạy cuồng lên với chuỗi âm thanh rèn rệt đồng tiền.

Mà tại sao tôi lại thích thú gì nó? Cái thằng ăn chuột chết, ngu ngốc đến đỗi một đứa trẻ con cũng chửi bới được làm sao lại có tác dụng đến cuộc đời tôi? Tôi biết rằng tôi không hề yêu nhưng nó cứ ám ảnh tôi hoài với cái hình thù ngu độn – Tôi muốn ngủ với nó và cầm dao đâm vào họng nó.

* * *

– Gớm cái con bé này làm đỏm thế, cả ngày chỉ gương với lược, lại sắp sửa mà đi lấy chồng thôi.

Chị tôi đặt chân trên ngưỡng cửa vừa cười vừa bảo. Tôi quay lại đay nghiến:

– Còn chị nữa ấy, ai chả biết là chị sắp thành bà Huyện rồi.

Chị tôi nguýt một cái dài, đánh trống lảng:

– À Lan này, chị vừa thấy cậu Thông đi qua lại mấy lần ngang nhà, hồi này cậu cả có vẻ si tệ. Thế đã nói gì với Lan chưa?

– Gớm cái chị này chỉ quái quỷ, người ta mê chị chứ mê gì em mà chỉ vớ vẩn.

– Mê mày ấy chứ, con nhãi, lại còn vờ.

– Không, mê chị ấy chứ.

Hai chị em ôm lấy nhau đấm thùm thụp và cười cung cúc khiến mẹ tôi sốt ruột mắng vọng vào:

– Hai con ranh có khẽ chứ cho thầy mày ngủ. Còn rửng mỡ đú đởn gì thế.

Chúng tôi làm hiệu cho nhau im lặng nhưng vẫn cười rinh rích. Tôi biết là Thông mê tôi. Cái trò ở tỉnh nhỏ, triệu chứng bất thường nhất của anh thanh niên là mê gái, ai cũng biết. Thông làm giáo viên ở lớp tiểu học, hãy còn trẻ, bao giờ cũng ăn mặc diêm dúa, mỗi lần đến trường hay ở trường về đều kiếm cách qua nhà tôi. Sự mê gái của anh hiện hết ở dáng điệu lúng túng khi gặp mặt nhưng anh không dám ngỏ tình vì sự bề thế của gia đình tôi. Chị Liệu vốn nghịch ngợm nên có dịp thường trêu tôi đến đỏ mặt.

– Cái chị này chỉ lọ, ăn thua gì đến chị mà cứ phải châm chọc người ta hoài.

– Lại bênh hở, thế mày lại còn chối bai bải rằng không yêu.

Tôi không đáp, yên lặng cho cái cảm giác tê

mê chuồi vào thân thể. Tôi cảm thấy cũng yêu Thông; con người ít ra cũng vào loại nho nhã hào hoa trong cái tỉnh lỵ bé nhỏ này.

Mà cũng kỳ lạ, tôi yêu Thông nhưng tôi muốn hành dâm với thằng Khởi, thằng ngu xuẩn, thú vật ấy.

Dãy núi tím nhấp nhô đàng xa, và trời mây bàng bạc hun hút. Tôi đứng ra cửa vuốt mái tóc nhìn về xa. Mấy sợi gió tạt vào mặt. Một đàn vạc bay trên trời thành hình chữ V đều đặn. Chị Liệu bảo:

– Buổi chiều đẹp ghê, Lan nhỉ!

Tôi nhìn bóng mặt trời ngả dài trên dẫy phố nhỏ buồn thiu. Tiếng mẹ tôi gọi ở nhà trong:

– Lan đâu rồi. Bảo anh tài đánh xe ra cho me sang cụ Tuần mua họ.

Tôi đáp vâng nhưng còn cố nán lại. Chị

Liệu ở nhà trong bước ra ngoài cửa, nói đùa:

– Liệu mà vào trang điểm đi chứ. – Rồi chỉ ra phía đầu đường nói tiếp: kia kìa Lan thấy chưa, người yêu của mày.

Tôi đập tay vào người Liệu:

– Rõ khỉ cái nhà chị này.

Lúc nhìn ra ngoài thấy thấp thoáng bóng Thông bên kia đường, dáng điệu lúng túng, tôi thấy buồn cười, nghĩ thầm:

– Kể cái anh chàng cũng ngớ ngẩn thế ấy.

* * *

Trằn trọc mãi không ngủ được, tôi nằm im nghe đêm vắng lặng nhoài vào cơ thể. Tiếng chó sủa rời rạc đàng xa. Quạnh quẽ vây lấy căn phòng. Hơi thở đều đều của Liệu từ giường bên cạnh vọng sang. Trong một lúc tôi nghĩ

đến Thông. Rồi đến nó. Nó vẫn ám ảnh như một tội lỗi không gột sạch. Giờ này ắt nó còn ngủ say trong căn lều nhỏ phía chợ với xâu tiền buộc chặt.

Tôi ngồi dậy mở cửa ra sân. Không khí mát từ trên đổ xuống. Những vảy sao mờ tỏ trong không trung, và dục vọng vẫn hừng hực toát lên từ những lỗ chân lông. Tôi muốn nằm với nó để sờ thấy rõ sự ngốc nghếch ngu xuẩn ấy. Để cảm giác rõ hơn sự hiện hữu của thằng Khởi – Thằng người vật.

Tôi cởi áo cánh và nhìn xuống thân thể. Trong đêm da thịt lên một màu trắng sữa. Tôi nghĩ đến màu trắng của da tôi và màu đen của da thằng Khởi. Tại sao tôi lại không đến với nó. Ý tưởng đó dội liên tiếp trong mạch máu. Rồi tôi lẻn ra đường như một con mèo hoang.

Ánh điện vàng yếu rời rạc từ những cột đèn gầy guộc đầu đường dội xuống từng khoảng sáng nham nhở. Hoang vắng ngủ trên những

thành tường nứt nẻ. Tiếng động của chân chạy làm tôi nép mình hồi hộp, nhưng đó chỉ là bầy chuột trong lỗ cống chui ra.

Tôi đến căn lều của thằng Khởi. Nó ngáy ồ ồ. Tay tôi sờ vào người nó và run lên. Tôi nghe tiếng đập của tim tôi và tim nó ùng ục. Sao cái đầu tóc bù xù của nó lại cứng thế. Như những cọng cỏ khô, hôi hôi ngai ngái. Thằng Khởi cựa mình tay chạm vào người tôi. Trong cơn mê nó nằm lấy cánh tay tôi. Bàn tay xù xì và ngắn. Hơi thở nó nồng nồng. Trong đêm tối nó thành một thứ súc vật gần như vô tri giác. Một cục đất nóng nằm trên mặt đất. Còn tôi chỉ là một đứa con gái hư. Sao tôi lại đến với nó làm gì? Tôi giật mạnh tay và chạy ra ngoài. Tiếng thằng Khởi làu bàu. Những đồng tiền trong đai bụng nó kêu canh cách. Mùi rác rưởi trong bãi chợ khăn khẳn xông lên qua những bước tôi đi. Vị thối tha lợm trong cổ như đưa từ tâm tưởng.

* * *

Suốt ngày hôm sau tôi sống trong xúc động bàng hoàng khiến chị Liệu phải kêu lên:

– Con quái này nó làm sao thế nhỉ. Cứ ngơ ngẩn như người mất hồn.

Không trả lời, tôi vào buồng soi hình trong gương – Thấy cảm giác như một đứa con gái nào không phải là tôi. Hững hờ tôi xây lưng lại hình ảnh của chính mình. Qua khung cửa sổ cành lá rung rinh bóng nắng. Ngoài đầu phố tiếng vỗ tay của những đứa trẻ con lại vang lên trong chuỗi âm thanh rèn rẹt đồng tiền.

Tôi lặng lẽ mặc áo ra nhà thờ quỳ trước tượng Đức Mẹ xám hối. Không khí tôn nghiêm ở nhà thờ làm tôi rợn mình. Tôi quỳ ở đấy lâu lắm.

Cứ thế tôi tưởng không thể tái phạm vào tội lỗi nữa. Vậy mà trong một đêm cách đấy chừng một tháng không biết ma dẫn lối quỷ đưa đường ra sao mà tôi lại đến với nó. Lúc ấy

tôi chỉ còn nhớ đến cái thân hình trần trục ngu đần ấy.

Thằng Khởi vẫn ngủ trong lều. Cả một khoảng cánh đồng xa đàng sau nó chìm trong màn đêm lằng lặng – mấy quán chợ cũng gục đầu trên những cọc tre siêu đổ. Đôi môi dầy của thằng Khởi mấp máy và vị nước bọt của nó sền sệt nhạt nhẽo. Tôi lay nó thức dậy. Thằng Khởi chồm lên chắc định là làng nhưng tôi bịt miệng nó lại. Mắt nó mở to có vẻ ngạc nhiên lắm nhưng cũng ngồi im. Nó sờ lại chuỗi tiền đồng của nó quanh bụng rồi đưa tay quờ vào người tôi. Hơi thở của nó và của tôi hừng hực trong đêm tối. Tôi không còn nghĩ gì hết thảy. Giữa lúc ấy thì một cái bóng thứ ba hiện trên vòm sao của trời. Y lom khom đến tự lúc nào và trong lúc vô tình thấy tôi ở trong y lùi lại kêu lên một tiếng khẽ:

– Ai nữa thế này?

Tôi thấy giá lạnh cả mạch máu bên vùng

lên chạy tuốt ra ngoài. Bây giờ tôi mới thấy hết sự xấu hổ nhục nhã. Sao tôi lại đến lều thằng Khởi làm gì? Phải làm sao bây giờ? Sao cái thằng trộm ấy lại chọn đúng cái đêm tôi đến với nó? Y đã nhận ra tôi chưa? Không tôi không thể sống, tôi nhục nhã muốn chết – Không thể sống được, không thể sống được. Tôi là đứa con gái hư, đầy tội lỗi. Bây giờ lại có người biết tôi ngủ với thằng Khởi. Trời ơi không thể được. Tôi chết đây. Tôi nghĩ đến bộ mặt nghiêm khắc của Thầy tôi, đến tăm tiếng của gia đình tôi. Tôi không thể sống vì có người biết tôi đến với nó. Tôi sẽ chết trong đêm nay. Tôi sẽ đâm đầu xuống sông cho nước cuốn đi tội lỗi.

Để ngày mai khỏi phải xám hối ở nhà thờ.

DUY THANH

Chú thích: – Cho tới năm 1945, ở Thanh Hóa vẫn lưu hành những tiền đồng cổ.

SÁNG TÁC NHẠC THIẾU NHI

LÊ CAO PHAN

NHÌN lại quá trình tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi ta nhận thấy ngành nhạc này tiến bộ một cách quá chậm chạp vì nhiều lý do về thời cuộc chung, cũng như về tâm lý, có ảnh hưởng đến việc sáng tác và truyền bá. Vì vậy, điểm qua kho tàng nhạc phẩm thiếu nhi, ta phải nhìn nhận rằng vốn liếng về nhạc cho mầm non đất nước chưa có là bao.

Khi xét đến sự chậm tiến và sự nghèo nàn của nhạc thiếu nhi, tất nhiên ta phải lưu tâm về vấn đề sáng tác là yếu tố chính đã tạo nên tình

trạng ấy.

Dưới đây tôi xin so sánh hai ngành sáng tác nhạc thiếu nhi và nhạc người lớn, tìm hiểu xã hội trẻ em mà tôi đã được chung đụng dưới môi trường cũng như giữa lòng các đoàn thể giáo dục thiếu nhi, và trình bày vài ý kiến thô thiển về vấn đề sáng tác nhạc trẻ em.

SO SÁNH HAI NGÀNH SÁNG TÁC NHẠC THIẾU NHI VÀ NHẠC NGƯỜI LỚN

Trước hết ta cần tìm hiểu vì sao số nhạc sĩ sáng tác thiên về ngành nhạc thiếu nhi từ trước đến nay rất hiếm hoi?

Theo thiển ý tới, động lực chính thúc đẩy một nhạc sĩ sáng tác phục vụ cho thiếu nhi là vấn đề sở thích. Và cảm hứng sáng tác cho thiếu nhi được nảy nở phần lớn là nhờ hoàn cảnh sống làm cho người sáng tác được chung đụng nhiều với thiếu nhi, sống lăn lộn trong

giới thiếu nhi. Do đó, ta không ngạc nhiên khi ta tìm thấy rằng phần nhiều các nhạc sĩ viết loại nhạc này thường là những giáo viên, huynh trưởng các đoàn sói con hướng đạo hoặc các đoàn thể thiếu nhi tôn giáo.

Số người thích sống với thiếu nhi hoặc gặp hoàn cảnh được sống với thiếu nhi và nhờ đó thích sáng tác cho thiếu nhi kể ra cũng không nhiều. Vì vậy, chỉ có những nhạc sĩ ấy, những ai đã trực tiếp nhúng tay vào ngành nhạc trẻ em mới công nhận sự khó khăn của việc sáng tác nhạc thiếu nhi. Ngoài ra, những nhạc sĩ khác chẳng mấy khi lưu ý đến; và có người thường quan niệm như kẻ đứng ngoài nhạc giới rằng đây là "việc trẻ con", tất nhiên là việc chẳng khó khăn gì.

Nếu không chú ý đến xã hội thiếu nhi, một xã hội có nhiều đặc tính tâm lý phức tạp, thì dù ở trong hay ngoài giới sáng tác ca khúc, quan niệm trên của bạn cũng không đáng trách. Vì lúc chỉ nhìn qua một bài hát trẻ em và thấy

cả âm nhạc lẫn lời ca đều đơn giản, ít người suy nghĩ về giá trị của sự đơn giản ấy. Song le, nếu quan tâm xét kỹ, chắc hẳn không ai phủ nhận rằng nhạc trẻ em chẳng những không dễ hơn mà lại còn có phần khó sáng tác hơn nhạc người lớn nữa là khác. Tôi hy vọng đấy là sự nhận xét chung của những ai đã tự mình lãnh trách nhiệm sáng tác và phổ biến loại nhạc này cho trẻ em.

Kinh nghiệm cho hay rằng nhạc thiếu nhi tương đối khó sáng tác hơn nhạc người lớn chính là ở tính cách đơn giản của nó, về phương diện đề tài cũng như về mặt kỹ thuật.

So sánh với thi ca chẳng hạn ta có thể nói rằng bài nhạc cho người lớn là một bài thơ trường thiên, viết theo lối thơ mới, có thể tự do, phóng khoáng; hay một vở kịch dài với nhiều màn nhiều cảnh; trái lại, bài nhạc trẻ em phải là một bài Đường thi, Bát cú hay Tứ tuyệt, hoặc một vở kịch ngắn nhưng có đầu đuôi minh bạch, dệt bằng tình tiết éo le... Một đằng ta có

thể tự do viết dài, dùng chữ, để giải bày tất cả ý tứ, một đằng ta phải lựa chọn ý tứ, gạt bỏ sàng sẩy để xếp gọn lại trong một khuôn khổ nhỏ hẹp, thích hợp cho tuổi thiếu nhi về mọi phương diện. Và khuôn khổ nhỏ hẹp ấy buộc phải trở về cho kỳ được đến sự đơn giản mà ý nhạc vẫn đầy đủ.

VÀI NHẬN XÉT VỀ XÃ HỘI THIẾU NHI

Muốn đạt được mục đích nói trên, tưởng chúng ta cũng nên cúi nhìn xã hội thiếu nhi, quan sát tỉ mỉ xã hội ấy, hoặc nếu có thể, lăn minh vào sống giữa thế giới thiếu nhi. Sau đây là một vài nhận xét của tôi về xã hội "Người tí hon" ấy:

Tuổi hiếu động. Tuổi thiếu nhi thường là tuổi thích ca hát múa may nhất, vì sẵn có một niềm vui hồn nhiên, chân thật. Nhưng nhận xét chung về trẻ em Việt Nam, có thể nói rằng trẻ em ta ít được đầy đủ điều kiện để thỏa chí múa ca, vì những lý do phức tạp như: sức khỏe

không được sung túc, khung cảnh sống không khuyến khích, sự huấn luyện và phổ biến ca nhạc cho thiếu nhi chưa được tổ chức chu đáo, tài liệu chưa được dồi dào...

Tuổi giàu trí tưởng tượng. Trí tưởng tượng của thiếu nhi rất dồi dào, có thể nói là vô biên. Muốn cưỡi ngựa, các em đã có cái tàu cau; muốn rong xe đạp, đã có cái vành rổ, hoặc chiếc vành xe đạp cũ; cái "sống" lá chuối hoặc một cây gậy có khi đã biến thành một khẩu súng để các em vác đi diễn binh khắp nhà và nheo mắt, miệng tì tạch "bắn" mọi người; hai cây que kẹp thành chữ thập có thể là một "em" búp bê để chúng may áo quần giấy mặc vào; một rãnh nước nhỏ chảy dưới mái hiên nhà lúc trời mưa đã biến thành một dòng song lớn đi đến nơi vô định để các em xếp thuyền giấy thả hồn phiêu lưu — Và thiếu nhi còn tưởng tượng lắm chuyện buồn cười nữa...

Tuổi ưa sống gần thiên nhiên. Trời, mây, nước, chim, gió, trăng. sao, hoa, bướm là những

cảnh vật dễ cảm thông với tuổi thiếu nhi hơn cả. Trẻ em là kẻ thù của những gì tối tăm, chật hẹp, tĩnh lặng; hễ có cơ hội là các em nhảy ra ngoài trời chan hòa ánh sáng, tự do vùng vẫy giữa thiên nhiên.

Tuổi kém kiên nhẫn. Thiếu nhi là tuổi kém kiên nhẫn, không có sức chú ý dẻo đai như người lớn; tâm trí dễ bị xao lãng vì sức cố gắng về phương diện này còn kém. Một câu chuyện, một bài ca quá dài, tiết tấu và quãng cách âm thanh khó, lời ca không đơn giản làm cho các em mau chán, nếu ta không biết cách kích thích và tập trung sự chú ý của chúng.

Đành rằng xã hội thiếu nhi có nhiều đặc tính riêng tư, nhưng nếu nhà sáng tác chỉ khu biệt việc tìm đề tài trong lĩnh vực thuần túy thiếu nhi, theo một vài nhận xét như trên, thì đề tài sáng tác sẽ kém phần dồi dào súc tích, có khi sẽ đi quá xa thực tế mà không biết. Vì dù muốn dù không, xã hội thiếu nhi với bao nhiêu đặc tính của nó, vẫn không thể hoàn toàn tách

rời ra ngoài xã hội người lớn. Hằng ngày thiếu nhi vẫn sống chung đụng với người lớn, tất nhiên phải chịu ít nhiều ảnh hưởng của xã hội người lớn chúng ta. Tưởng nhà sáng tác cũng cần lợi dụng ít nhiều đề tài trong cuộc sống vật lộn hằng ngày, trình bày cho hợp với tâm lý thiếu nhi mà giáo dục chúng.

CÔNG TRÌNH SÁNG TÁC MỘT BẢN NHẠC THIẾU NHI

Dựa trên ít nhiều nhận xét như trên chúng ta sẽ tìm thấy những đặc tính mà ngành nhạc thiếu nhi cần phải có, rồi lấy đó làm nguyên tắc và định hướng cho công việc sáng tác một ngành nhạc thường bị lắm người xem khinh và bên ngoài có vẻ đơn giản. Sự sáng tác nhạc thiếu nhi (cũng như nhạc người lớn) gồm có hai phần:

1. Tìm đề tài sáng tác.

2. Trình bày đề tài hay là kỹ thuật sáng tác.

A) Tìm đề tài sáng tác: Thảo luận về sự tìm đề tài, trước hết ta phải nói đến nhà sáng tác với đối tượng sáng tác (trẻ em) và cảm hứng sáng tác; rồi sẽ nói đến sự phát triển tình cảm lý trí và cơ thể của đối tượng:

1. Nhà sáng tác. Như đã trình bày trên kia, một nhạc sĩ sáng tác muốn viết loại nhạc thiếu nhi, trước hết phải có khuynh hướng về ngành ấy, biết tìm lý thú trong việc cung cấp món ăn tinh thần riêng cho trẻ, và phải có nhiều cơ hội (nếu không được thường trực) sống lăn lộn với thiếu nhi để tìm hiểu đời sống về tình cảm cũng như lý trí và vật chất của trẻ. Có sống gần trẻ, hiểu trẻ, sự chọn đề tài mới dễ dàng và nguồn cảm hứng mới chân thành. Muốn nói lên những gì trẻ em nghe, cảm, thấy; nhà sáng tác phải nghe, thấy, cảm ít nhiều như chúng.

Tóm lại, tình cảm của nhà sáng tác phải ăn khớp với tình cảm của trẻ và đấy là điều kiện cốt yếu để sáng tác phẩm của mình "sống" ngay với trẻ, "đi ngay vào hồn trẻ".

2. Sự phát triển tình cảm, lý trí và cơ thể của trẻ em. Một khi nhạc phẩm đi ngay vào hồn trẻ tất nhiên hấp dẫn được trẻ, trẻ sẽ say sưa ca múa, và đấy là chìa khóa của việc giáo dục thiếu nhi về phương diện giác quan, cơ thể và lý trí. Thiếu nhi sẽ có dịp tập cổ gắng và kiên nhẫn trong phạm vi khả năng của chúng, cơ thể sẽ được nở nang nhờ những mối lợi mà ca nhạc đem lại cho sự hô hấp; các em sẽ có "miệng lưỡi" chân tay lanh lẹ nhờ sự ca múa, và sẽ được gián tiếp huấn luyện về đức tính và kiến thức do tính cách giáo dục của lời ca. Kết quả rực rỡ ấy sẽ đạt được hay không là do sự trình bày đề tài (hay là kỹ thuật sáng tác).

B) Trình bày đề tài sáng tác: Một nhạc phẩm thiếu nhi có sống, có hấp dẫn được trẻ hay không, có thể dùng làm lợi khí truyền cảm và giáo dục hay không, kết quả ấy chỉ có thể thu lượm được với điều kiện là tác giả phải tỏ ra giản dị trong cách trình bày hai phần âm nhạc và lời ca:

1. Âm nhạc.- Phần âm nhạc nền:

a) Ngắn, gọn gàng, gồm những câu lặp đi lặp lại, dễ nhớ.

b) Khu biệt vào một âm vực vừa phải, chớ quá cao (đến Mi, là cùng) và chớ thấp lắm (đến Si là nhiều). Nếu hướng đi của âm thanh bắt buộc phải lên đến Fa xuống đến La, Sol thì chỉ nên lướt qua, chớ để ngân dài.

c) Có những quãng âm dễ hát, tránh những quãng âm nghịch tai.

d) Tôn trọng sự cản phương (carrure) và luật cân đối, (symétrie) không có những câu lẻ nhịp và chẵn nhịp xen lẫn nhau làm cho sự lấy hơi của trẻ em không đều.

đ) Có tiết tấu (rythme) đơn giản, tránh những lối nghịch – thì, đảo – thì, những nhịp thiếu ở đầu câu, nhất là đối với nhi đồng.

e) Ít có chuyển cung (modulation) và nếu có thì chuyển âm rất gần.

g) Có ghi chuyển động (mouvement) và tính cách bài hát để sự đàn hát được thống nhất.

h) Cố gắng diễn tả dân tộc tính, tránh những nốt như trung âm và cảm âm hoặc dùng rất khéo léo để duy trì tính cách riêng của nhạc Việt.

2. Lời ca. – Về nhạc trẻ em, theo chúng tôi tưởng, chính phần lời ca là phần khó nhất và là phần quan trọng diễn tả phần nhạc. Nói đến lời ca tất phải bàn về bố cục, cách dùng tiếng trắc, bình, sự ăn ý giữa lời và nhạc cũng như nghệ thuật gieo vần:

a) Bố cục. Một bài nhạc trẻ em là một câu chuyện phần nhiều vui hơn là buồn và lúc nào cũng cần có mục đích giáo dục. Lại là một câu chuyện cần được trình bày cho gọn gàng mà

linh động, dễ hiểu, cụ thể, không vu vơ mơ hồ, dù là một câu chuyện tưởng tượng. Bố cục của lời ca chẳng khác gì của một bài văn thuộc loại đường thi tứ tuyệt hay bát cú. Lời ca phần nhiều làm nhiều đoạn hát giống nhau nhưng đoạn nào phải rành mạch đoạn ấy.

b) Dùng tiếng trắc bình. Về sự gò ép tiếng trắc bình của lời ca cho đi đôi với độ trầm của âm thanh, chắc hẳn ai cũng công nhận rằng đây là một sự khó khăn không nhỏ, vì tiếng Việt ta có năm dấu và rắc rối nhất (trong việc viết lời ca) là hai dấu hỏi ngã.

Đối với nhạc soạn cho người lớn, sự ăn khớp nếu không được hoàn toàn chăng nữa thì cũng không đến nỗi làm một mối khó khăn cho người hát, vì người lớn có thể gượng ép lời ca cao theo âm thanh, nhưng các "ca sĩ tí hon" của chúng ta, nhất là nhi đồng, rất khó buộc chúng hát sai lời nói tự nhiên để theo nét nhạc.

c) Sự ăn khớp giữa lời và nhạc.– Thực hiện

sự đi đôi tuyệt đối giữa ý lời ca và ý nhạc kể ra không phải là việc dễ, song nhà sáng tác cần cố gắng tránh đừng để ý của lời ca phản ý nhạc quá đáng (thí dụ lồng vào một nét nhạc vui tươi những lời ca đượm ý sầu muộn...)

d) Gieo vần. – Đấy là điều kiện cần yếu để giúp cho trẻ em dễ nhớ lời ca vì vận văn lúc nào cũng dễ nhớ hơn tản văn. Song le sự gieo vần trong lời ca của một bản nhạc thường được rộng rãi hơn trong một bài thơ. Rộng rãi ở chỗ ngoài những lối gieo vần giàu hay vần nghèo, vẫn liên kết hay cách trở, ta có thể gieo vần bằng lối đổi thanh (hai tiếng trắc và bằng có thể họa vận nhau, thí dụ: tiên tiến, dế với thề).

Trên đây chỉ là một quan niệm khái quát nhằm mục đích nêu lên công trình sáng tác một bản nhạc nhỏ cho trẻ em.

Lý thuyết không cùng, chỉ có thực hành là quan trọng và khẩn thiết trong giai đoạn

hiện tại. Nêu ra vấn đề sáng tác âm nhạc thiếu nhi, mục đích của kẻ viết bài này không ngoài phương diện thực tiễn nói trên. Tôi hy vọng rằng việc sáng tác âm nhạc thiếu nhi trên đây chẳng những sẽ lưu tâm các nhà giáo dục và các bậc đàn anh trong giới soạn nhạc thiếu nhi, mà còn làm cho tất cả các nhạc sĩ sáng tác chiếu cố đến đàn em, rường cột tương lai của dân tộc, để có hào hứng cung cấp thêm món ăn tinh thần đượm tính cách giáo dục và truyền cảm cho thiếu nhi,

LÊ CAO PHAN

TÔI CÚI ĐẦU ĐI ĐÊM NAY

Vọng gửi Q. T.

Tôi cúi đầu đi đêm nay

Lửa thuốc lập lòe như sao đêm hắt hủi

Nghĩ đến một bài thơ sẽ viết

trên mấy trang giấy ẩm học trò

Nước mắt tắt rồi

không khóc được cho anh

nên muốn trải lòng mình đậm mấy giọng mực xám.

Nhựa đường rạn vỡ

Lầy lụa đêm dày

Chết rồi, anh người thi sĩ hôm nay

chỉ chúng tôi còn lại

Chong mắt nhìn cuộc sống mà cứ dại khờ tưởng lạc bước thiên thai.

Tôi cúi đầu đi đêm nay

như một con lạc đà lênh đênh giữa cát khô nóng cháy.

Đếm thầm những thân cây ôm bóng tối

nhắc đến tên những người còn lại rất lâu.

Cô đơn như những bước chân rơi trong im lặng

là những bài thơ chúng tôi sắp viết mai đây.

Ca ngợi hoa lá, nụ cười, ánh mắt, vòng tay

trong khi ngàn triệu vi trùng thì nhau xé phổi.

Tôi cúi đầu đi đêm nay

Chỉ để nghĩ trọn vẹn đến anh

đến những vần thơ sắp viết về anh

Những vần thơ rất nhọc, rất buồn

Bởi vì anh đã chết

LÔI TAM

ĐÒI SỐNG

Không, hạt lúa không thèm thuồng cuộc sống

Và côn trùng không đòi, muốn sinh thêm

Những hành tinh không đòi đủ ngày đêm

Và vũ trụ không đòi thêm rộng rãi

Nhưng tôi muốn, tôi còn đòi, sống mãi

Tôi đòi yêu, tôi còn muốn được yêu

Các anh ơi không khí phí bao nhiêu

Cho tôi thở, xin cho cùng thở với

Và mặt trời, ôi bảy màu chói lọi

Và chim muông, ôi giọng hót thiên thần

Và lá, hoa, và gió, với mùa xuân...

Tôi thèm sống, trời ơi, tôi muốn sống

Tôi muốn được nghe nữa và nhìn rộng

Đủ bốn chiều. Môi đôi cảm làn da

Tìm đôi yêu và hơi thở giao thoa

Tôi van lạy, xin cho tôi có mặt

Tôi không thuộc một phương trình đơn nhất

Một con số không tên

Và sự tôi còn hay mất

Có giá trị hơn sự mất hay còn một hạt lúa

Bởi tự nó, nó không đòi có nữa

Nó không đòi chọn lựa

Tôi không chối cây nhỏ tự vươn ra ngoài ánh sáng

Và loài vật cần được sống, cần được còn

Và nam châm cần thèm kim khí

Hạt lúa cần nảy mầm, cần hủy thể

Nhưng chúng không biết chúng có mặt

Và không đòi thôi có mặt

Chúng là những hàm số it biến thiên

Và không ngoài địa hạt cần và đủ

Bánh mì, ánh sáng, không khí cho tôi

Thẩy đều cần nhưng không bao giờ đủ

Bởi tôi biết yêu, biết ghét, thèm giận, thèm hơn

Và chính tôi còn biết sự tôi còn

Trả cho tôi quyền sống của con người

Một mảnh sống toàn diện dưới mặt trời

Bởi quyền có mặt đã công nhận từ non hai thế kỷ

Là những quyền được muốn hay không làm, cảm và nghĩ

Tôi đòi một khí hậu thiên nhiên

Để dễ bề trưởng thành hồn nhiên

Và tôi nhất định từ chối

Những công thức, những phương trình giả dối

Tôi đòi có mặt

Tôi đòi được còn. Tôi đòi quyền sống

Và linh hồn tôi đòi giải phóng

THẠCH CHƯƠNG

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

DOÃN QUỐC SỸ

IX

ĐÊM TRĂNG THUYỀN VỀ BẾN CŨ

Yến,

Em chẳng còn là người yêu, em chính là tình yêu, ai mà giận được tình yêu? Dù nay hay mai, dù gần hay xa bao giờ và ở đâu anh vẫn yêu Yến như thuở nào mười sáu tuổi.

Có lẽ rồi ở nơi đây anh sẽ làm quen với một người đàn bà nào, anh sẽ đi chơi với một người đàn bà nào, anh sẽ yêu một người đàn bà nào nhưng chắc chắn là anh gần và yêu người đó qua Yến đấy.

Tại sao hình ảnh Yến tràn ngập trong anh đến thế? Anh cũng chẳng hiểu được nữa. Đành cho là tiền duyên nghiệp chướng chứ sao?

Yêu Yến.

Đó là lá thư duy nhất Thiệu gửi cho Yến khi chàng vừa chân ướt chân ráo tới Paris. Trong lá thư này chàng cũng chẳng đề địa chỉ của mình.

Để làm gì? — Chàng nghĩ — Vô ích! Nhận được thư Yến bây giờ cũng bằng thừa. Định mệnh đã như vậy thuận theo dòng định mệnh có khi lại là vươn lên khỏi định mệnh.

Thiệu đã được giới thiệu với ống giám đốc trường Mỹ Thuật. Chàng đã vào thăm trường ở phố Rue des Saint Pères, và trong khi chờ đợi ngày nhập học chàng đã làm quen được với một số sinh viên đương lục tục tự các nơi thực tập quay về. Tới đây Thiệu mới rõ riêng về hai ngành hội họa và điêu khắc các sinh viên hầu như phải làm việc cả mười hai tháng. Ba tháng

hè họ đi đây đi đó để hoặc dự các buổi diễn thuyết, hoặc vào các viện bảo tàng, hoặc tới các kinh thành có nhiều di tích lịch sử mà nghiên cứu nghệ thuật của người xưa.

Tại Quartier Latin Thiệu cũng như các anh em khác thuê được một căn phòng trên từng thứ bảy. Chàng ăn ở Foyer des Beaux Arts ngay trong trường. Cửa phòng ăn trông ra bờ sông Seine với mấy chiếc cầu cổ kinh: Quai des Ponts neufs. Nhiều khi sau bữa ăn Thiệu tiến tới khoảng đó cúi nhìn dòng sông Seine lặng lờ và thấy hồn mình trôi về dĩ vãng. Cũng may kể từ ngày khai giảng trở đi. Thiệu phải làm việc miên man và chàng muốn làm việc miên man để hồn khỏi bị thâu hút về quá khứ như vậy. Ông giám đốc thoạt có cảm tình với chàng như với một người học trò tốt, rồi không lâu ông quý mến chàng như con.

Chẳng tuần nào là Thiệu không nhận được thư chị Hoa và chẳng lần nào đọc thư chị Hoa xong mà chàng không khỏi mỉm cười vì cuối

bức thư nào chị cũng để ra mấy dòng tái bút và tái bút nào chị cũng nhắc lại điệp khúc muôn thuở, lời tuy có đổi khác nhưng ý đại khái vẫn là: « Cậu nhớ đừng chơi bời cậu nhé, mình đã trưởng thành, giời bắt tội cha mẹ mất sớm... »

Tạo cũng viết thư đều nhưng thưa hơn, thường thì một tháng một lần kèm theo với thư của của các anh em khác. Tới lá thư thứ tư Tạo bảo cho chàng biết cửa hiệu bào chế của Yến không còn ở đường Bonard nữa. Tạo còn ghi thêm rằng đích thân Tạo vào hỏi chủ mới mà chủ mới cũng không biết « bà dược sĩ » dọn đến phố nào hoặc có còn ở Saigon không?

Thiệu rất cảm động về cử chỉ chu đáo của Tạo và buồn thấm thía khi nghĩ đến Yến. Yến dời khỏi đường Bonard Saigon mà sao ở đây hồn chàng có một khoảng trống lớn? Bóng Yến như dời bỏ một dĩ vãng để đi vào một dĩ vãng sâu hơn.

Ba tháng hè cuối niên học Thiệu cùng các

bạn thoạt vào nghiên cứu các trường hội họa trong viện bảo tàng Le Louvre, sau đó đi thăm viện bảo tàng Vienne. Khi trở về chàng có một tập croquis về Vienne: đài kỷ niệm của Mozart, đài kỷ niệm của Strauss, nhà thờ Saint Charles, lâu đài Schonbrunn, cùng những cảnh đẹp trong vùng Praterauen bên bờ sông Danube. Với những tài liệu đó Thiệu làm được mấy bức sơn dầu mà đường nét, màu sắc, đã khiến ông giám đốc phải ngạc nhiên quá đỗi. Ông đem chàng đến giới thiệu với một họa sư Việt ở Pháp đã lâu năm và có tranh ở viện bảo tàng Le Louvre: giáo sư Hoàng Ph. Giáo sư ở một biệt thự khá rộng tại ngoại vi châu thành Paris, ông đã tổ chức nơi này vừa là xưởng vẽ vừa là một phòng triển lãm thường xuyên. Nhờ sự giới thiệu này Thiệu được biết thêm một đồng bào nổi tiếng, đó là một khuyến khích lớn về phương diện tinh thần, thêm nữa giáo sư Hoàng Ph. đã thân ái chỉ dẫn giúp chàng thêm nhiều kinh nghiệm quý báu.

Tuy niên học mới bắt đầu còn xa ngày mãn

khóa mà cả ông giám đốc lẫn giáo sư Hoàng Ph. đều tin tưởng ở tài nghệ sớm vững chãi của Thiệu, cả hai coi Thiệu như một họa sĩ thực thụ đã ra trường. Một số tác phẩm chọn lọc của chàng trưng bày tại phòng triển lãm thường xuyên của giáo sư Hoàng Ph. bán được giá cao đến không bao giờ chàng dám ngờ tới. Thế là tuy vẫn ở trên lầu gác hẹp từng thứ bảy Quartier Latin (không có thang máy) nhưng chàng đã có « đồng ra đồng vào » để đi Opéra mỗi khi có cuộc trình diễn hoặc nhạc kịch của Verdi, Wagner..., hoặc bi kịch, hài kịch cổ điển, hoặc vũ khúc Nga…

Thiệu không chịu bỏ lỡ buổi hòa nhạc lớn nào nhất là những buổi do các nhạc sĩ tên tuổi độc tấu dương cầm hay vĩ cầm ở phòng Pleyel. Mùa hè, nếu có dịp, chàng còn đi về các tỉnh miền Nam từ Lyon đổ xuống để xem diễn kịch giữa trời trên những hý trường La Mã cổ. Nếu vào dịp nghỉ mà không tỉnh nào có kịch chàng vẫn rủ bạn dời khỏi Paris cho hả « nhu cầu chuyển dịch ». Tới tỉnh nhỏ nào đó mỗi

người bỏ ra năm quan thuê ghế ngồi dưới gốc cây, mua chiếc kem xinh glaçon — của một cô đầm, hay một gói lạc của một anh Ả Rập rồi vừa ăn vừa nghe ban nhạc thành phố giúp vui không mất tiền.

Ở Pháp hồi này cũng như ở Hà Nội hồi nào cuộc sống đó chỉ giúp nguồn cảm hứng của chàng thêm phong phú. Có đêm ở ngay Paris sau khi xem đoàn Folies Bergères biểu diễn chương trình mới chàng còn là cà vào Moulin Rouge vui với một số bạn... Lúc ra về Thiệu mỉm cười nghĩ đến chị Hoa. Chị Hoa mà ở đây, lại biết chuyện này, thế nào hôm sau chị chẳng đến tìm chàng từ sớm rồi vừa thấm nước mắt vừa nói:

– Giời bắt tội cha mẹ mất sớm, cậu đã trưởng thành, cậu không tự tu tỉnh, chị chẳng biết làm thế nào...

Dịp hè cuối niên học đó nhà trường dự định cho các sinh viên đã tốt nghiệp đi Flo-

rence nghiên cứu trước một số họa phẩm của Boticelli, Raphaël, tượng Persée của Cellini, tượng David khỏa thân của Michel-Ange để rồi sau đó đến Barcelone nghe một vị họa sư danh tiếng người Tây Ban Nha trình thuyết về « Sự tiến triển của nền mỹ thuật Ý Đại Lợi từ thời Thượng Cổ tới thời Phục Hưng ».

Trong khoảng một tuần lưu trú ở Florence, Thiệu có ghi được một ít croquis rất gợi cảm: căn nhà của Dante, ngôi nhà thờ lớn của tỉnh Florence với chiếc gác chuông cao hơn trăm thước và nhất là con sông Arno uể oải với hai hàng cây chênes cao vút ở hai bên bờ, cành cây mảnh khảnh nhưng lá cây um tùm đổ bóng xuống dòng sông. Về tới Pháp, Thiệu ghi ngay lên khung vải những màu sắc thanh tú của đồng Arno còn ủ tươi mát trong tâm hồn chàng. Thiệu đặt cho họa phẩm sơn dầu này một cái tên nửa như dí dỏm nửa như triết lý: « Tiếng sông im lặng ». Vẽ xong Thiệu mới tự khám phá ra rằng chàng vẫn có cảm tính đặc biệt với những dòng sông và phải chăng vì

chẳng bao giờ cả chàng có thể quên được Yến?

Tất cả các sinh viên mỹ thuật vừa mãn khóa, ngành hội họa cũng như ngành điêu khắc, mỗi người đều mang theo đi Barcelone một tác phẩm của mình để sẽ tổ chức tại đó một cuộc triển lãm bất ngờ theo sáng kiến của ông Giám đốc viện Mỹ Thuật Quốc Gia.

Sau bài thuyết trình rất giá trị, rất tỉ mỉ của vị giáo sư khả kính người Tây Ban Nha về "Sự tiến triển của nền mỹ thuật Ý Đại Lợi từ thời Thượng Cổ tới thời Phục Hưng", ông giám đốc viện Mỹ Thuật Quốc Gia (Pháp) cho đạt giấy mời vị giáo sư cùng một số quan khách có công hoặc có thẩm quyền về mọi ngành văn nghệ tại Barcelone đến Câu Lạc Bộ Pablo dự tiệc trà và tiện thể dự « một cuộc triển lãm bất ngờ ».

« Cuộc triển lãm bất ngờ » đó đã gây được rất nhiều cảm tình trong giới sành nghệ thuật Tây Ban Nha.

Thiệu thấy có một thiếu nữ chắc là thiếu nữ Tây Ban Nha — dừng lại rất lâu trước bức « Tiếng sông im lặng » của chàng. (Tiếng Tây Ban Nha để bên dưới: El ruido silencioso del rio).

Cô gái đi xem một vài bức khác gần đấy rồi lại quay về đứng trước bức họa của chàng như để so sánh hoặc cố khám phá ra một điều gì. Vì đứng cách xa quá, Thiệu không rõ khuôn mặt cô gái ra sao nhưng chỉ nhìn dáng nàng đi Thiệu cũng đoán trước là nàng đẹp. Thiệu thấy nàng nói gì rất lâu với François, anh bạn học về điêu khắc. Bỗng François quay lại ngơ ngác tìm quanh phòng. Thiệu vờ ngẩng nhìn chăm chú một bức tượng... Có tiếng giày bước lại gần, một của đàn ông, một của đàn bà, rồi tiếng François (nói bằng tiếng Pháp):

– Ê này Thiệu, xin giới thiệu một Senorita mến phục tài anh.

Thiệu quay lại cúi chào hôn tay người con

gái và nói một câu Tây Ban Nha xã giao cửa miệng mà chàng đã viết kỹ, học kỹ từ khi còn ở Paris.

– Senorita, qué encuentro más agradable! (Thưa cô, tôi rất hân hạnh được gặp cô!)

Người con gái mỉm cười trả lời bằng tiếng Pháp:

– Hân hạnh được gặp anh.

Mắt Thiệu sáng lên:

– Trời, cô là người Pháp?

Vẫn giữ nụ cười khả ái trên môi, nàng đáp:

– Vâng tôi là người Pháp!

– Nếu thế thì thật hay – Thiệu nói – không gì buồn hơn là đứng bên một người đẹp như cô mà rủi ngôn ngữ bất đồng.

Ba người cùng cười rồi François lảng đi chỗ khác.

Quả Thiệu đoàn đã không sai, người con gái đẹp lắm. Vóc nàng vừa phải, dáng nàng uyển chuyển, tóc nàng đen chứ không hung và đặc biệt cũng cắt ngắn và chải lật không có đường ngôi như Yến. Có lẽ vì tóc nàng giống Yến nên Thiệu thấy thêm mũi nàng cũng dọc dừa giống Yến.

Thấy nàng mỉm cười nhìn lại, Thiệu giật mình sực nhớ mình đã chằm chú nhìn nàng quá lâu. Chàng vội nói:

– Xin cô tha lỗi, thật tình cô có một vẻ đẹp rất gần Á Đông.

– Cảm ơn anh – nàng nói – tên tôi là Suzanne, Suzanne Tennyson!

Thiệu hơi ngẩng mặt, nhìn ra xa:

– A... Suzanne! Phải năm ngoái qua Vienne vào viện bảo tàng tôi có được ngắm bức « Suzanne au bain » (nàng Suzanne tắm) của Tintoret.

Suzanne cười đón lấy câu nói đó:

– Trời, anh quá khen, tôi đâu có sắc đẹp quyển rũ như nàng Suzanne Do Thái.

– Tôi là Thiệu, Trần Quang Thiệu, nhưng cô cứ gọi là Thiệu không thôi cho tiện.

Suzanne chỉ về phía bức tranh:

– Vâng bức tranh của anh đẹp lắm anh, Thiệu ạ.

Hai người tiến dần lại phía đó, trong khi Suzanne nói tiếp:

– Vẻ thơ mộng của khúc sông làm tôi nghĩ đến bức « Les baigneuses » (Những thiếu nữ

tắm) của Corot, nhưng màu sắc của anh có cái gì lạ lắm, lạ đặc biệt, bây giờ thì tôi được biết vì anh là người Á Đông.

Hai người đã đứng trước bức « Tiếng sông im lặng ». Suzanne nghiêng đầu ngắm lại bức tranh. Thiệu nghiêng đầu ngắm lại Suzanne. Tia nhìn của chàng dừng ở mớ tóc, mớ tóc của Yến! – chàng nghĩ thầm. Vừa lúc đó Suzanne quay lại. Hai người yên lặng nhìn nhau. Suzanne mỉm cười nụ cười vừa như gần gũi vừa như xa xôi; khi nụ cười trên môi nàng chìm đi như nắng chiều chìm xuống chân trời thì chính Suzanne cảm thấy đến lượt mình chìm vào để rồi trôi nổi bình bồng trong cái nhìn của Thiệu.

Tiệc trà bắt đầu. Mọi người sang phòng bên – Thiệu và Suzanne Suzanne không rời nhau một bước. Thiệu được biết Suzanne cũng vừa mới sang Barcelone thăm cha mẹ mở cửa hàng bán các dụng cụ về tàu bè ở đây. Suzanne thích cả họa lẫn nhạc, nhưng nàng chuyên về

nhạc. Nàng đã theo xong lớp học tám năm về dương cầm tại âm nhạc viện quốc gia ở Paris và đỗ thứ nhì trong kỳ thi mãn khóa một tháng trước đây.

Khi chia tay Suzanne ngỏ ý sẽ đón Thiệu đến thăm cửa hàng tiện thể giới thiệu với cha mẹ nàng. Thiệu nhận lời. Chiều hôm sau Suzanne tới, như đã hẹn trước. Nàng nói vì thấy Thiệu đã hai năm nay xa gia đình nên muốn mời chàng ở hẳn với gia đình nàng trong một tuần lễ.

– Tôi đã thưa chuyện đó với ba, má – lời Suzanne – các người rất lấy làm hân hạnh lần đầu tiên được tiếp đón một họa sĩ Việt Nam trong nhà.

Thiệu tìm gặp ông giám đốc để xin phép ở lại Barcelone. Ông cười hóm hỉnh:

– Anh có thể ở lại đây suốt đời vì chuyến đi này là chuyến đi cuối cùng của nhà trường.

Anh chỉ cần cho tôi địa chỉ, tới sẽ gửi văn bằng đến cho anh.

Ba, má Suzanne tiếp đón Thiệu niềm nở đến nỗi ngay bữa cơm chiều hôm đó Thiệu ngồi vào bàn ăn mà tưởng như mình đã đến ở gia đình này tự bao lâu rồi. Câu chuyện về nước Việt Nam xưa và nay, về nước Pháp hiện giờ, về văn học giữa Âu Châu với Mỹ Châu, về văn hóa giữa Tây Phương và Đông Phương, nhóm khởi từ lúc bắt đầu ăn, qua lúc dùng đồ nước kéo dài cho mãi tới mười giờ khuya. Khi câu chuyện vừa tạm dứt. Suzanne lên tiếng:

– Xin phép ba, mà con đưa anh bạn đi xem kinh thành Barcelone. – Nên đi chứ – ông bố nói – Barcelone giờ này mới bắt đầu vui.

Bà mẹ ghé tai Thiệu giải thích thêm:

– Ở đây ban đêm dân chúng đổ cả ra đường đi khiêu vũ, đi lượn, một giờ khuya còn đông.

Quả nhiên khi Thiệu cùng Suzanne ra tới đường phố thì người đi tấp nập hơn ban ngày nhiều.

Suốt hai tiếng đồng hồ đi chơi trên các phố đông của Barcelone. Suzanne luôn miệng giải thích:

– Anh thấy không... đàn bà con gái ở đây ăn mặc kín đáo chứ không hở hang như ở mọi nơi. Con trai ở đây, đúng hơn bất cứ người con trai nào ở đâu mà có dòng máu Tây Ban Nha chảy trong huyết quản đều có cái nhìn sắc như vậy. Mấy hôm đầu mới tới đây khi ra phố tôi cứ phải hết sức tránh để khỏi gặp cái nhìn của họ. Sau rồi cũng quen dần.

Anh thấy không... người con trai nào trạc mười tám tuổi trở lên đều để một tí râu mép. Anh chàng vừa đi qua chúng ta đó tuy cao lớn thế mà chưa để râu mép là chưa đầy mười tám tuổi đâu.

Anh thấy không... càng về khuya dân chúng đổ ra đường càng đông. Nếu anh ở khách sạn, anh sẽ thấy chín giờ sáng người ta mới rục rịch ăn điểm tâm; một hai giờ chiều mới bắt đầu ăn trưa; tám, chín giờ tối mới sửa soạn ăn chiều, ăn xong là bắt đầu cuộc đời ngoài phố.

Anh từ Paris tới đây bằng xe hỏa chứ gì? Khi đã qua Toulouse tới biên giới Pháp... Tây ban Nha và nhất là khi xe đã bắt đầu đi sâu vào rặng Pyrénées thì hành khách nào là người Tây Ban Nha có thể nhận ra ngay. Anh có biết nhận ra bằng cách nào không?

Thiệu lắc đầu đáp là « không » vì toa chàng đi là toa dành riêng cho các sinh viên mỹ thuật.

Suzanne bèn giải thích tiếp:

– Mỗi lần còi tàu thét lên, con tàu chuyển bánh tất cả hành khách Tây Ban Nha đều làm dấu cầu nguyện để tránh tai ương. Người Tây Ban Nha ngoan đạo lắm nhé chứ không vô

thần như các con cháu Voltaire đâu...

Anh có thấy không...

Thiệu chú ý cứ mỗi lần Suzanne hỏi một câu như vậy để rồi có dịp giải thích thao thao bất tuyệt, nàng thường bất chợt ngoay người, ngàng nhìn chàng khiến những nếp váy xòe ra, xoay nhịp nhàng thành hình vòng tròn như đường đi của một hành tinh nghệ sĩ. Tiếng đàn lục huyền cầm thoát ra từ đâu đây làm gợn da thịt.

Và rồi cứ mỗi lần nghe Suzanne nói: « Anh có thấy không… » Thiệu tức khắc dừng lại rất kịp thời để tiếp nhận ánh mắt của Suzanne và hình vòng tròn nhịp nhàng của... hành tinh nghệ sĩ vô hình.

Mười hai giờ khuya, đường phố chật ních người. Đợi cho dứt một dịp giải thích « Anh có thấy không... » Thiệu bèn đề nghị với Suzanne trở về.

– Không phải tôi mỏi chân – lời Thiệu phân trần — nhưng tôi vừa nhớ ra rằng tại phòng khách ở nhà có chiếc dương cầm và tự nhiên tôi thấy thèm nghe tiếng đàn của Suzanne vô cùng.

Suzanne có vẻ ưng ý. Nàng nghiêng đầu nhìn Thiệu nửa như tình tứ nửa như muốn xét lại một lần nữa xem lời đó có thực không, rồi nàng gật đầu:

– Thì chúng ta về!

Tới nhà, Thiệu ngồi vào góc phòng chênh chếch với góc có dương cầm. Suzanne giơ tập nhạc khá dầy thấp thoáng có dòng chữ lớn Album... Chopin và nói:

– Nghe Chopin anh Thiệu nhé?

– Được lắm – Thiệu đáp – đêm hôm khuya khoắt nghe Nocturnes của Chopin là phải. Nhưng Suzanne hãy chờ tôi một phút.

Thiệu về phòng mình lấy giấy và bút chì than rồi trở lại.

– Anh định vẽ tôi đánh đàn?- Suzanne hỏi.

Thiệu lắc đầu mỉm cười:

– Không, tôi vẽ tiếng đàn của cô.

Thiệu chỉ kịp thoáng nghe tiếng cười của Suzanne thì sau đó tiếng cười đã chìm nghỉm ngay trong tiếng đàn xô dồn như nước dội vừa bắt đầu. Rồi từng chuỗi âm thanh khi nhanh, khi khoan, khi trong sáng, khí âm thầm, khi nỉ non thanh thót, khi rên xiết nghẹn ngào. Có lúc tiếng đàn như những tiếng nấc thưa dần, yếu dần của một người… không, của một buổi chiều... không, của một vũ trụ đương hấp hối.

Đồng hồ điểm hai tiếng... Suzanne lơ đãng gập tập nhạc quay lại, gương mặt còn ngập trong âm thầm và nụ cười muôn vàn xa xôi. Hai người nhìn nhau giây lâu. Tiếng Suzanne:

– Anh vừa vẽ vừa nghe nhạc có mệt không?

– Tôi muốn – Thiệu đáp đêm nay là đêm đầu tiên ở Bắc Cực để đêm còn kéo dài sáu tháng nữa.

Suzanne bật cười, ánh đèn trong căn phòng như tới lúc đó mới bừng sáng, nàng nói:

– Nào anh cho tôi xem tôi ra sao nào!

Thiệu gập tấm bìa cứng lại, lắc đầu:

– Không được, tôi đã bảo tôi vẽ tiếng đàn chứ có vẽ Suzanne đâu.

– Anh không cho xem, tôi giận.

– Nói đùa vậy chứ tôi định thế này: hôm nay Suzanne chơi Chopin, mai Mozart, mốt Beethoven v.v... Tôi vẽ. Rồi hôm cuối cùng Suzanne sẽ tìm nhận xem Suzanne nào Chopin,

Suzanne nào Mozart, Suzanne nào Beethoven...

Suzanne vỗ tay:

– A, ý kiến anh hay đấy!

Thiệu chỉ lên đồng hồ:

– Thôi khuya rồi chúc Suzanne nhiều mộng đẹp.

– Cám ơn anh - Suzanne đáp — chúc anh ngủ ngon giấc. Mai chín giờ hãy dậy anh nhé. Cho đúng tác phong Barcelone!

Rồi kể từ hôm sau, ban ngày Thiệu cùng Suzanne lần lượt đi xem các nhà thờ, các nhà tu cổ xây từ thế kỷ XIV. Có hôm hai người ra khỏi kinh thành đưa nhau tới miền cửa sông Liobregat xem những vết tích tàn phá còn sót lại sau cuộc nội chiến giữa các chiến sĩ Cộng Hòa với quân đội chính phủ khoảng từ 1937 đến 1939 là năm Barcelone thất thủ vào tay

tướng Franco. Ban đêm hai người dắt nhau gia nhập đám đông hè phố Barcelone và tới đâu họ cũng thấy bị vây bọc bởi tiếng đàn lục huyền cầm gờn gợn, tiếng đàn trong đấy mà đục đấy như lời nhắc nhở quyến rũ của ái tình. Thường thì tới 12 giờ khuya họ đã có mặt trong phòng khách.

Và Suzanne đánh đàn. Và Thiệu vẽ. Cách xưng hô của họ đã thân mật lắm.

Ban ngày, rất nhiều khi chẳng có chuyện gì quan trọng nhưng Thiệu cũng cất tiếng gọi Suzanne:

– Hélo, ma chère Zizi! (Zizi thân mến đâu!)

Để được thấy Suzanne hốt hoảng chạy lại sau khi đã đáp:

– Oui, j'arrive! » (Vâng, em lại đây!)

Đêm cuối cùng của tuần lễ, Suzanne đòi

xem "những nét vẽ tiếng đàn". Hai người đứng gần nhau bên dương cầm. Thiệu đặt từng bản croquis một lên giá đàn trước mặt Suzanne để nàng đoán:

– Dáng mơ màng soải tay xuống cung trầm thế này, đúng là hôm Chopin phải không anh? – Những bông hoa xinh nở trên phím đàn, những con bướm xinh đậu trên mái tóc đúng là hôm Mozart phải không anh? – Ui, sao bức này người đánh đàn lại quay lưng vào đàn? Kỳ quặc hơn nữa sao nàng không ngồi vào ghế? Nàng ngả người thế này thì lẽ ra nàng mất thăng bằng và ngã xuống đất từ lâu rồi.

Suzanne ngẩng lên, hơi thở nàng ấm má Thiệu:

– Ui, sao anh vẽ kỳ quặc vậy?

Thiệu toan âu yếm nâng cằm Suzanne lên nhưng sau lại thôi. Chàng chỉ giải thích giọng vẫn có vẻ đùa nhưng dễ dàng và khúc triết:

– Zizi có thấy không... lúc đó nàng đang chơi bản valse "Le desir" của Beethoven. Chàng họa sĩ nhắm mắt lại nghe tiếng đàn thoạt nhỏ rồi lớn dẫn để sau cùng tới một tiếng kêu thất thanh như người con gái trong đôi tay tình nhân thoạt mơn man rồi điên dại. Chàng họa sĩ đâu có vẽ kỳ quặc, người con gái đâu có mất thăng bằng, nàng nằm trong tay người tình nhân vô hình.

Ối chao, đôi mắt Suzanne sáng lên nồng nàn, nàng hé miệng kêu "Trời ơi" Thiệu chỉ kịp giơ tay ra đón nàng vừa gieo mình tới. Rất nhanh họ đã hôn nhau say sưa và cả hai cùng chịu không biết rằng ai đã định hôn ai trước.

Sau cái hôn dài đầu tiên đó Suzanne úp mặt vào ngực Thiệu nói khẽ:

– Bây giờ người tình của nàng không còn vô hình nữa!

Hôm sau Thiệu chưa về Paris, chàng ở lại

Barcelone. Mười ngày sau chàng làm lễ thành hôn với Suzanne tại nhà thờ lớn nhất đường Cervantes.

Đêm tân hôn, Thiệu và Suzanne ở ngay gian phòng lầu bên trên phòng khách.

– Phải, mớ tóc của Yến! – Vừa lùa tay vào mớ tóc mềm của Suzanne Thiệu vừa tự nhủ thầm như vậy.

Thiệu cúi xuống hôn mái tóc mềm của Nàng, rồi môi vẫn đặt nguyên chỗ đó chúng nói khẽ, nửa như nói với Nàng nửa như tâm sự với năm ngón tay:

– Hồn anh là dòng sông phân ra làm năm nhánh, cả năm nhánh cùng lạc lối mất hút trong một khu rừng tơ liễu mà dáng mềm phủ kín cả vũ trụ.

Suzanne ngửng đầu lên, Thiệu thấy đôi môi của mình bị đôi môi thơm mọng hút lại. Nhớ

đến đôi vai rung động buổi biệt ly đêm nào bất giác Thiệu ôm gọn nàng trong vòng tay như muốn đem hết sức yêu đương tràn đầy trong lòng mà gột rửa một vết thương sầu hận. Tiếng chàng nồng nàn:

– Anh yêu em vô cùng!

Tiếng Suzanne hỏi:

– Anh nói gì?

Thiệu sực nhớ mình đã nói câu trên bằng tiếng Việt, chàng dịch lại sang tiếng Pháp:

– Anh yêu em vô cùng!

Suzanne đã là Yến, Yến đã là Suzanne. Hai người đã đồng hóa vào nhau thành một nên Thiệu cũng chẳng cần tự vấn xem câu đó chàng nói với Suzanne hay với Yến.

Và trong giây phút xúc động nhất của ái ân

Thiệu thấy hồn chàng như cánh buồm no gió của một con thuyền trong một đêm trăng bỗng thấy mình trở về bến cũ.

X

SÔNG ĐÃ RA TỚI BIỂN CÓ CÒN KHÚC QUANH NÀO ĐÂU?

Đã từ một năm nay Thiệu về nước phụ trách tổ chức ngành hội họa cho trường Mỹ Thuật Quốc Gia.

Ngày về nước, ra đón chàng tại trường bay có chị Hoa (chị ghét việc đưa tiễn người đi bao nhiêu, chị lại rất hào hứng trong việc đi đón người về bấy nhiêu), anh Tín, Tạo và một số bạn hữu cũ.

Tạo nắm chặt tay Thiệu nói:

– Về nước dù bận đến đâu cậu cũng phải trông coi tờ báo cho tụi này.

Thiệu vỗ vai Tạo:

– Đó là bổn phận của tôi, cậu khỏi phải nói.

Chị Hoa hỏi:

– Này cậu, thế mợ ấy về sau cậu một tháng thật à?

Chị bỗng che miệng cười:

– Chẳng hiểu sau này chị em gặp nhau, gọi mợ ấy là "mợ" mợ ấy có hiểu không.

Thiệu vui vẻ đáp lời chị:

– Chị đừng lo, nhà em giỏi tiếng Việt lắm rồi, em đã dậy đủ thứ chỉ còn thiếu cách chửi mất gà vì xét ra ở Saigon này chị không nuôi gà.

Chị Hoa cười. Chị nói:

– Vả lại mợ ấy coi cũng hiền, nhất là bức ảnh cậu gửi về tháng trước mợ ấy mặc quốc phục Việt Nam trông Á Đông tệ.

Ngay hôm sau Thiệu cùng chị Hoa, anh Biền sửa soạn chút ít nhà cửa để Suzanne sẽ đến ở ít ngày trước khi chàng tìm được nhà riêng vừa ý.

Sở trường của người Tây phương – Thiệu vẫn nghĩ như vậy — là kỹ thuật, sở trường của người Á Đông là đời sống tâm linh. Đứng từ xa mà nhìn, người Tây phương vô cùng thán phục nếp sống bát ngát như khu rừng già của người Á Đông, nhưng khi tiến lại gần, có những mô đất nhỏ án ngữ tầm mắt, che khuất mất rừng. Chỉ cần một tối thiểu kỷ luật, trật tự, sạch gọn của nếp sống bên ngoài là người Á Đông đã san phẳng những mô đất nhỏ cho người Tây phương tiến vào với rừng. Sự cải thiện hợp lý đó không hề làm giảm uy tín sâu sắc và toàn diện của nếp sống Á Đông trái lại dọn đường cho một niềm cảm thông quý báu. Tây phương

đến sẽ mang theo kỹ thuật, sự dung hòa, sự kết tinh toàn bích giữa Đông với Tây khi đó chỉ còn là vấn đề thời gian.

Một tháng sau Thiệu ra trường bay đón Suzanne. Người đàn bà đó hầu như đã Việt hóa đến mức tối đa của một người Âu có thể Việt hóa. Từ trên máy bay xuống, nàng mặc y phục Việt Nam, nàng cúi chào anh Tín, chị Tín (mới ở Cái Sắn lên hôm trước), anh Biền, chị Hoa và nói bằng tiếng Việt:

– Em cảm ơn các anh các chị đã ra đón em.

Chị Hoa nắm lấy tay Suzanne nói bằng giọng đầy thương mến:

– Trông mợ thật là Việt nam, chị bằng lòng lắm, chị bằng lòng quá!

* * *

Kể từ sau ngày cưới ở Barcelone, Suzanne

đã lẫn vào Yến, Thiệu chỉ biết yêu chân thành và trong thâm tâm Thiệu vẫn yên chí rằng chàng yêu có một người. Tiện đường xe lửa họ đã đi hưởng tuần trăng mật ở Saragosse rồi Madrid. Ở Saragosse họ thuê du thuyền ngược dòng sông Ebre xem chiếc cầu cổ xây từ thế kỷ thứ XV, thăm nhà thờ Notre-Dame del Pilar. Ở Madrid họ xem đấu bò rừng và không quên vào viện bảo tàng Prado nghiên cứu những họa phẩm của Vélasquez, Murillo, Le Titien, Rubens, Van Dyck...

Đôi vợ chồng trẻ về tới Paris được mấy ngày thì xảy có đám cháy lớn ngay gian bên. Thiệu vội vã đưa Suzanne xuống thang chạy thoát ra đường, chỉ mang theo tập croquis trong đó có bức « Suzanne quay lưng vào đàn ngả người trong cánh tay người tình vô hình ». Sở cứu hỏa tới dập kịp đám cháy; khi lên thang trở về phòng, Thiệu giở cho Suzanne trông tờ croquis rồi nói:

– Em xem, anh cầm bằng là cháy hết nhưng

anh không đám để cháy bức này.

Tình yêu đơn giản mà thâm trầm của Thiệu nhiều phen làm Suzanne cảm động. Những lúc đó Suzanne thường nói:

– Em còn hời hợt nhiều, em chưa hiểu được người Á đông lắm.

– Anh giúp em nhé.

Có một ngày chủ nhật hai vợ chồng đưa nhau ra khỏi châu thành Paris vào các đồng cỏ chơi. Hai lần vô tình mở nắp chiếc địa bàn xinh, Thiệu cùng thấy Suzanne có mặt trước hướng kim chỉ nam. Chàng vẫy Suzanne lại rồi nói:

– Anh có chiếc địa bàn thần luôn luôn chỉ cho anh biết hướng tìm người yêu.

Suzanne bá cổ Thiệu kiễng chân hôn lên môi chàng thật dài rồi thời nói:

– Anh yêu của em!

Rồi khi áp má bên ngực chồng. Suzanne còn nói tiếp rất nhỏ:

– Tình yêu của người Á Đông! Tình yêu của người Á Đông!

Bỗng nàng ngẩng lên:

– Anh ạ, để nói về tính tình kín đáo của người Anh, các dân tộc khác ở Âu châu thường bảo: "Mỗi người Anh là một hòn đảo". Với người Á Đông có lẽ nên nói: "Mỗi người là một vũ trụ" có đúng không anh?

Thiệu lùa tay vào mái tóc vợ – mái tóc của Yến, bao giờ chàng cũng nghĩ vậy – và âu yếm đáp:

– Đừng định nghĩa thế nào là người Á đông, hãy sống với người Á Đông!

Sau buổi đi chơi mấy ngày. Thiệu nhận được bức thư của ông Đại sứ Việt Nam cho biết chánh phủ muốn vời chàng về nước để giúp trường mỹ thuật tổ chức ngành hội họa. Chàng nhận lời và lập tức thảo một chương trình học bốn năm, dung hòa chương trình Pháp với khả năng Việt. Vì biết trước hoàn cảnh nước nhà chưa đủ điều kiện thuận tiện để tổ chức cho toàn thể sinh viên đi thăm các viện bảo tàng Âu Á, chàng đề nghị lập thư viện cho ngành hội họa gồm những pho khảo cứu bách khoa lớn về lịch sử hội họa đủ mọi thời, mọi nơi, mọi họa phái với đầy đủ tranh ảnh do các nhà xuất bản danh tiếng: Fernand Nathan, Odé, Skira, Hyperion ấn hành. Khi đã được chính phủ ưng chuẩn, số sách chàng mua đóng chặt mười rương đầy gửi về nước trước. Thiệu dự tính ở lại Pháp thêm sáu tháng, ngày ngày chàng vào viện bảo tàng Le Louvre nghiên cứu một lần nữa các tác phẩm lớn của từng họa phái. Chàng còn giúp tòa đại sứ tổ chức một cuộc triển lãm về mọi ngành mỹ thuật xưa và nay của nước Việt tại hội chợ Paris.

Một buổi tối, Thiệu vừa ngồi xuống ghế bành bên lò sưởi thì Suzanne đến ngồi gọn trên lòng, ôm lấy ngang vai chàng, nói bằng một giọng trọ trẹ:

– Em yêu anh, em về nước Việt Nam với anh chứ gì?

Thiệu trợn tròn mắt, ôm gọn lấy Suzanne:

– Em học tiếng Việt từ bao giờ?

– Được hơn một tháng rồi, về Việt Nam em phải nói tiếng Việt Nam mới được!

Thiệu âu yếm nắm lấy hai cổ tay Suzanne:

– Em học tiếng chưa đủ, em phải học cả nếp cảm nghĩ của người Việt nữa.

Từ đấy Thiệu đích thân dạy Suzanne tiếng Việt, kể cho Suzanne nghe về ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích cùng nếp sống người Việt. Su-

zanne học tấn tới trông thấy, mau hiểu, mau nhớ. Vì nàng thông mình cũng có, nhưng có lẽ vì nàng yêu Thiệu nhiều hơn.

* * *

Điều đáng buồn cho Thiệu là ở Pháp, Yến lẫn với Suzanne nhưng khi Thiệu về tới Saigon, Yến bỗng tách khỏi Suzanne để trở thành hình ảnh độc lập. Thiệu hồi hộp qua đường Bonard nay đã là đường Lê Lợi. Cửa hiệu bào chế không còn, người chủ mới mở tiệm bán vải. Lòng Thiệu tự nhiên hoang vắng như qua chỗ không người. Chẳng hiểu giờ đây Yến ở đâu, ra sao? Cả đêm hôm đó Thiệu không ngủ được. Kỷ niệm chập chờn vây bọc lấy chàng. Thiệu nghĩ đến khúc quanh của dòng sông, cây đa Thạch Sanh, Yến ngã xuống sông, chiếc áo trúc bâu hoen nhựa chuối và hình ảnh Yến chiều ngày mùng một tết năm nào chàng vừa mới tuổi mười sáu... Phải, ngày đó Yến đẹp đến nỗi Thiệu tự nhiên thấy rầu rĩ cả người. Có lẽ vì định mệnh phú cho chàng đôi mắt thấy Yến

đẹp như một vì sao nên chàng chẳng bao giờ nắm được Yến vì – như chàng đã linh cảm – sao với người thường cách biệt.

Rồi những ngày sóng gió ở Huế, rồi ngày tái ngộ ở hiệu bào chế… rồi ngày biệt ly Yến quay đi mà không nói, hai vai rung động như cánh bướm non... Tất cả chỉ là giấc mộng qua rất chóng nhưng với rất nhiều tình tiết và mỗi tình tiết đều ướp đẫm hương yêu ngào ngạt. Suzanne dạy dương cầm tại âm nhạc viện quốc gia và nhận chơi dương cầm vài giờ mỗi tuần tại đài phát thanh. Tiếng Việt giờ đây nàng nói đã sõi lắm. Thiệu thấy tất cả cái hoàn toàn đó chỉ làm nổi bật điểm bất toàn: Làm sao Yến không là vợ chàng?

Suzanne càng Việt hóa, câu hỏi trên càng khẩn cấp. Cho đến một ngày kia — ngày làm lễ kỷ niệm đệ nhất chu niên trường Mỹ Thuật Việt Nam — tình cờ nói chuyện với một sinh viên ngành điêu khắc Thiệu được biết Yến ở Huế. Nàng đã tái giá, chồng nàng hiện là giáo

sư Đại Học ngoài đó, nàng đã có thêm một con và mở hiệu bào chế ở một phố đông trông ra bờ sông Hương.

Như thế chắc là còn lâu lắm Thiệu mới gặp Yến. Dịp đó hoặc chàng ra Huế chơi, hoặc Yến vào Saigon có công việc. Về phần Thiệu, chàng thấy hiện chàng chẳng có chút thì giờ hoặc có cơ hội nào để ra Huế. Hơn nữa chàng cũng không muốn ra Huế vì còn gặp Yến để làm gì?

Về phía Yến, giả sử nàng có việc vào Saigon liệu nàng có biết chàng đã ở Pháp về dạy tại trường Mỹ Thuật? Dù nàng biết thế liệu nàng có biết nơi chàng ở? Tóm lại vào trường hợp hạn hữu lắm lắm đôi bên mới có thể bất chợt gặp nhau ngoài đường phố, mà gặp nhau như thế thì quả cuộc tái ngộ phải do định mệnh run rủi.

Một đêm kia Thiệu mơ thấy gặp Yến trên đường Tự Do. Yến vẫn đẹp "mòn con mắt" như

ngày nào nàng vừa góa chồng và có hai con. Thiệu cười hiền dịu như vẫn cười với Yến từ xưa đến nay, Yến thì cúi đầu nghẹn ngào không nói. Thực ra trong thâm tâm Thiệu thoạt cũng nghẹn ngào nhưng chàng trấn tĩnh được ngay vì chàng tự nhủ:

– Chà việc gì mà phải xao xuyến! Dòng sông định mệnh đến đây sắp đổ ra biển rồi, sông đã mở rộng đôi cánh tay nhỏ bé để ôm lấy Mẹ là biển cả, có còn khúc quành nào đâu?

Ấy tiếng rằng nghĩ thế nhưng lúc bừng tỉnh dậy lòng Thiệu còn thảng thốt. Tiếng Suzanne thở đều đều bên cạnh. Thiệu kéo nàng lại gần lùa bàn tay vào mái tóc thơm mềm rồi lặng lẽ đặt môi lên. Suzanne hơi cựa quậy đưa tay ôm quàng lấy người Thiệu, khẽ rụi đầu vào cằm vào má chàng rồi lại thở đều đều bên tim chàng. Thiệu vẫn đặt môi lên tóc nàng như vậy rất lâu để tiếp tục nghĩ về Yến, rồi tự nhủ:

– Dù mai đây gặp nhau, dù hai, ba mươi năm nữa khi cả hai mái tóc đã pha sương mới gặp nhau, dù ba bốn mươi năm nữa khi cả hai đã đa mồi tóc bạc mới gặp nhau thì phút đầu vẫn chẳng ai tránh được xao xuyến và riêng mình, mình sẽ trấn tĩnh từ phút thứ hai trở đi, vì: "Việc gì mà phải xao xuyến! Dòng sông định mệnh đã đổ ra biển rồi, có còn khúc quành nào đâu!"

Một nghi vấn:

– Ngộ chẳng bao giờ gặp nhau nữa?

– Thì ta vẫn cứ nên rất lạc hậu nhưng cũng rất hợp lý mà tự nhủ rằng: "Kiếp sau em là vợ anh, tình chúng ta chân thành, nhất định kiếp sau em là vợ anh!"

Thiệu dẫn Yến qua vùng khói pháo xanh, gót Yến lướt nhẹ trên xác pháo hồng. Thiệu rót mời Yến uống chén rượu nồng đêm hợp cẩn và pháo tiếp tục nổ làm lung lay các vì sao:

"Kiếp sau em là vợ anh, tình chúng ta chân thành, nhất định kiếp sau em là vợ anh!"

DOÃN QUỐC SỸ

KINH NGHIỆM THI CA

NGUYÊN SA

TRONG những năm tháng gần đây số lượng những người trẻ tuổi đi vào thơ tự do ngày một đông đảo bội phần. Người đời xung quanh hoặc vì óc bảo thủ cố hữu, hoặc vì đố kỵ, hoặc vì tư lợi vẫn tiếp tục đả kích, chế riễu loại thơ mới mẻ này. Sự hò hét i-uông của một số người bất đắc chí nhỏ bé không làm tan biến được lòng yêu thơ tự do chân thành, mối thiện tâm với những công cuộc khai phá của đa số, đông đảo. Những nhà văn, thơ cố cựu, những người đã có một chỗ ngồi vững vàng trên những chiếu hoa văn nghệ cũng lên tiếng xác nhận triển vọng của thơ tự do.

Đinh Hùng, nhà thơ đại biểu của hội Tao Đàn, qua những luồng sóng điện đã bầy tỏ lòng cởi mở, sự hoan hỉ tiếp đón những bài thơ tự do thành công trong những ngày gần đây. Số người đã kích thơ tự do vì thế cũng ngày một ít đi. Trước đây vài năm người ta còn bảo: Thơ tự do không phải là thơ. Và những người làm thơ tự do bị coi như những quái thai văn nghệ. Bây giờ người ta không đả kích thơ tự do nói chung nữa mà xoay ra đả kích một số người tiêu biểu cho thi trào tự do hiện đại. Kế hoạch đó cũng không thể đưa họ đến thành công được.

Những người văn nghệ bất đắc chí vì không thành công trên phạm vi sáng tác bèn mặc áo Ngự Sử thi đàn sẽ chỉ suốt đời làm những lên phản phúc. Họ có thể gây rối ren trong dư luận quần chúng trong một thời gian ngắn nhưng nhất định họ không thể thành công trong việc hủy diệt một tác phẩm hay một loại thơ. Đó chỉ là những việc làm của những người lùn bé nhỏ ngu si đứng dưới chân một trái núi tay cầm lăm le vài viên đá nhỏ mà ném vào trái núi to lớn

kia. Làm sao mà hành động của họ lay chuyển được cuộc đời?

Sự kiện thành công rõ rệt nhất của thơ tự do là trên những tờ báo dán tường của những trường Trung học người ta luôn luôn tìm thấy những bài thơ tự do choán nhiều khuôn giấy trắng. Sự kiện đó làm tôi ngạc nhiên vô cùng. Khi còn đi học, tôi nhận thấy những bài thơ đầu tiên mà những người cùng lớp tuổi với tôi hình thành nên trong những phút say mê của tuổi trẻ luôn luôn là những áng thơ lục bát hay thất ngôn. Tôi còn nhớ khi bắt đầu làm thơ tôi được quen biết một thi sĩ già. Tôi đến đưa người chữa hộ những giòng chữ non nớt. Người anh cả ấy bắt tôi làm mỗi ngày một bài thơ Đường viết vào một cuốn sổ tay và đem lại mỗi lần chấm dứt bảy ngày. Sau một khoảng thời gian sáu tháng tôi mới được phép "luyện" đến loại thơ lục bát.

Cho nên nhìn thấy sự phổ biến mau lẹ trong tâm hồn những người trẻ tuổi ngày nay

loại thơ tự do tôi không giấu được niềm hân hoan sâu đậm. Tuy nhiên hân hoan mà không khỏi e ngại. Sự mừng rỡ xuất hiện trong tâm tưởng tôi đưa đến vội vàng một niềm lo âu vô hạn. Tôi không nghĩ rằng người trẻ tuổi đi vào thơ ngày nay đang làm quen trực tiếp với thơ tự do là sai lầm. Tôi không nghĩ rằng họ cần thiết phải làm thơ đường, lục bát, song thất… rồi mới được làm thơ tự do. Nhưng có một vài sự kiện căn bản mà mọi người đi vào thơ tự do cần phải ý thức được nếu không sự đổ vỡ đang xuất hiện đằng trước mặt.

Thơ tự do, mọi người đều biết, là một lối thơ phá thể. Nó không bị đóng trong một khuôn khổ nào cả. Nó không thể bị một luật tắc nào chi phối cả. Người làm thơ tự do có thể làm một câu thơ rất dài, dài đến năm ba dòng bên cạnh một câu thơ rất ngắn, ngắn độ đôi ba chữ. Đó là điểm đặc biệt mà thơ tự do làm người đọc nhận biết được ngay tức khắc.

Nhưng tại sao lại dài ngắn bất thường như

vậy? Tại sao lại phá thể? Phá để làm gì? Những thể thơ có khuôn thước vì sao mà lại phá bỏ? Vì sao đáng mở tung ra?

Thường lệ một người làm văn nghệ không cần phải giỏi giang, phải hiểu biết thấu đáo về lý thuyết văn nghệ. Khi làm thơ dù có quy luật rõ rệt người thi sĩ không phải so vần, đếm chữ. Cũng vậy, người họa sĩ không cần mở sách để tìm xem pha trộn màu vàng và màu xanh để được màu đen hay xám hay màu lá cây. Lý thuyết văn nghệ tiềm tàng trong tài năng sáng tác như máu chảy trong huyết quản con người. Nhưng lý thuyết đó chỉ là lý thuyết tiềm tàng chứ không phải lý thuyết ý thức. Nếu sáng tác mà chất liệu là những loại văn chương (genres littéraires) có sẵn thì vấn để ý thức thiết tưởng không cần thiết phải đặt ra với người văn nghệ. Nhưng bởi vì họ khước bỏ những loại văn nghệ cũ để đi vào một loại mới thì họ phải biết tại sao lại có sự đổi thay đó. Thay đổi rồi đi đến đâu? Thay đổi những huyết quản mới cho cơ thể thì cần thiết phải biết rõ sự sinh hoạt của

huyết quản cũ ra sao. Nếu không huyết quản mới sẽ chỉ là những ống cao su dẫn nước lã chảy trong một cơ thể không hồn.

* * *

Những câu hỏi tương tự tôi đã tự đặt cho mình khi được đọc những bài thơ tự do đầu tiên xuất hiện vào khoảng thời gian 1945–1948.

Những ngày tháng suy nghĩ đã đưa tôi tới một nhận định: muốn biết tại sao mình lại nên dấn mình vào một khu rừng, một khoảng đất chưa được khai phá thì cần thiết phải biết rõ "lối cỏ mòn" hình dáng ra sao? Phải biết rõ lối đi để lại bởi tiền nhân đó mới trả lời dứt khoát được tại sao tôi không chọn lựa lối đi quen thuộc đó?

Nhận định đó đưa tôi đến vô số câu hỏi. Trước hết tôi nghĩ: tại sao khi đọc một áng thơ cổ điển như Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du, Chinh phụ Ngâm của Đoàn thị

Điểm, Cung oán ngâm khúc của Ôn như Hầu, Thăng Long thành hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan. Mọi người đều đồng ý ở một điểm: đó là những tác phẩm có giá trị? Trong số những người đồng ý với nhau như vậy tất nhiên bao giờ cũng có những tâm hồn yếu bóng vía luôn luôn chuẩn bị hoan hô những thần tượng đã được sùng bái. Nhưng phải nói rằng đa số các nhà thức giả thỏa hiệp với nhau về điểm nhận định kể trên. Sự kiện đó không cho phép ta hoài nghi sự nhận định của số đông. Nhưng nếu có người nêu lên câu hỏi:

– Tại sao biết được rằng những tác phẩm cổ điển đó đáng được kể là có giá trị. Tại sao biết được rằng Đoạn Trường Tân Thanh, Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm, Thăng Long thành hoài cổ là những áng thơ hay?

Thì số người lúng túng khi trả lời không phải là ít. Có người trả lời để không nói gì cả: "không thể giải thích được. Thơ để cảm chớ không phải để hiểu". Người khác muốn xoay

ngược lại vấn đề: "Cái hay ở mỗi bài thơ một khác. Không thể trả lời một cách tổng quát được". Và đa số lên tiếng rằng: "bài thơ này hay vì truyền cảm, bài thơ kia hay vì gợi cảm, hàm xúc một hồn thơ sống động". Nhưng nói đến truyền cảm, gợi cảm tức là ngả về chủ nghĩa ấn tượng. Bài thơ truyền cảm có nghĩa là tôi đã rung cảm khi đọc bài thơ đó. Cảm tưởng rung động xuất phát trong lòng tôi đó là một trường hợp riêng rẽ chủ quan. Giá trị truyền cảm của bài thơ chỉ xảy đến một cách chắc chắn cho trường hợp riêng của tôi. Còn sự rung cảm của người khác ra sao tôi không thể biết được vì tôi không thể lột xác để sống trong cảm tính người khác. Như vậy xác nhận giá trị truyền cảm, gợi cảm cho một áng thơ tôi vẫn chưa vạch rõ được vì sao những tác phẩm cổ điển được chấp nhận bởi số đông qua thời gian.

Và nếu tôi cố gắng biện bạch rằng như vậy tức là những tác phẩm lớn lao đó đã gây được sự rung cảm nơi số đông, chứng cớ là mọi người đều chấp nhận, tôi vẫn còn phải trả lời một câu

hỏi then chốt: tại sao một tác phẩm lại có thể truyền cảm đến một số người đông đảo như thế? Nhịp cầu vô hình nào đã được bắc ngang từ dòng thơ đến tâm hồn người tiếp nhận?

* * *

Tôi phải nói ngay rằng trả lời được một cách trọn vẹn một câu hỏi như vậy là một điều khó khăn vô cùng. Có lẽ ta chỉ rút tỉa được một kinh nghiệm hơn là đem lại một giải đáp.

Kinh nghiệm then chốt đó, theo ý tôi, là sự sáng tạo không ngừng của những tác phẩm cổ điển. Kinh nghiệm kể ra vô số. Nhưng kinh nghiệm then chốt vẫn là sự cố gắng sáng tạo không ngừng.

Nhìn thẳng vào tác phẩm cổ điển ta nhận thấy tức khắc một sự sáng tạo về âm thanh vô cùng rõ rệt. Một người biết qua loa về ngôn ngữ học chẳng hạn nhận thấy ngay rằng tiếng Pháp là một thứ tiếng đa âm và Việt ngữ đơn âm. Vì vậy trong thơ Pháp, âm của hai chữ cuối

câu thơ càng giống nhau thì vần thơ càng được kể là xúc tích. Trái lại âm xa nhau là vần nghèo. Căn cứ vào sự kiện đó nên một số người vội vàng phân biệt vần giàu và vần nghèo (ép) trong thi ca Việt Nam.

Sự thật ngôn ngữ của thi ca bao giờ cũng xuất phát từ ngôn ngữ chung của giống nòi. Ở một thứ tiếng đơn âm khi hai tiếng càng gần nhau, càng giống nhau thì lại càng nghèo vì nó đi gần đến chỗ điệp vận. Thí dụ ở hai câu thơ:

Trăm năm trăm cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Tôi nghĩ rằng chúng không hay về âm điệu mà chỉ có một giá trị tư tưởng. Vần ta bắt với vần là không có gì đặc sắc. Những người mới bắt đầu làm thơ thường hay dùng vẫn ta (hoa, ba, xa v. v...) hay ương (bốn phương, dây cương, con đường....) như vậy. Những câu thơ hay về vần phải kể đến:

Cỏ non xanh rợn chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Hay:

Nao nao dòng nước uốn quanh

Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

ở đây vần trời chuyển sang vài chữ không bắt với một chữ có âm ời nào khác, và vần quanh được hạ xuống ghềnh chứ không bắt với một tiếng có âm anh.

Sự kiện rõ rệt nhất là trong những áng thơ song thất lục bát các tác giả cổ điển sử dụng vần trắc rất xa. Thí dụ:

Trống tràng thành lung lay bóng nguyệt

Khói cam toàn mờ mịt thức mây.

Hay:

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ

Quán thu phong đứng rũ tà huy.

ở đây tiếng nguyệt vần với mịt và độ vần với rũ. Sự bắt vần xa như vậy tôi gọi là sáng tạo ra vần mới bởi vì không ai bắt vần nguyệt, mịt như Đoàn Thị Điểm, không ai bắt vần độ với rũ như Ôn Như Hầu, không ai bắt vần trời và vài, quanh và ghềnh trước Nguyễn Du.

Sáng tạo trong âm thanh không đủ. Còn phải sáng tạo trong tiết điệu. Nhịp điệu trong thơ cổ vốn cố định. Thí dụ lục bát thì được chia cắt:

2 | 4 | 6

2 | 4 | 6 | 8

Nhưng vẫn không ngăn được một Nguyễn Du biến chế:

Khi gió gác, khi trăng sàn

3 | 6

Hay:

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương

3 | 6 | 8

Chính sự sáng tạo về tiết điệu này là sự thành công lớn lao của thể thơ tám chữ. Người ta có thể thay đổi sự "uốn khúc" của một câu thơ lục bát được nhưng không thể làm quá đáng vì sẽ rơi vào chỗ ngang chướng. Vì thế sự "uốn khúc" đổi thay luôn của thơ tám chữ đã đem lại sự thành công cho loại thơ này. Thí dụ:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt.

3 | 5 | 8

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua...

3 | 6 | 8

Và có lẽ sự sáng tạo quan trọng hơn cả trong thi ca bao giờ cũng là sự cố gắng sáng tạo về hình ảnh.

Trong thơ cổ điền cũng như thơ hồi tiền chiến ta tìm thấy cả những hình ảnh đơn giản lẫn những hình ảnh phức tạp.

Hình ảnh đơn giản được tạo thành khi các thi sĩ sử dụng tĩnh tự, động tự hay ví von.

Dùng tĩnh tự chẳng hạn như:

Cỏ non xanh rợn chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Hay:

Bến tầm dương canh khuya đợi khách

Chạnh hơi thu lau lách đìu hiu

Hay:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Đền cũ lâu đài bóng tịch dương

(đối tĩnh tự cùng với đối danh tự)

Sự dùng hình ảnh qua tĩnh tự đó được tăng cường trong thơ mới:

Nai cao lẩn gót trong mù

Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về

Dùng động tự chẳng hạn như dùng động tự trừu tượng chỉ một sự kiện cụ thể hay ngược lại. Thí dụ:

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ

Quán thu phong đứng rũ tà huy.

Những chữ ngồi trơ, đứng rũ có tính cách trừu tượng về phản ảnh một trạng thái tâm hồn. Hay rõ hơn:

Từng nhà mở cửa tương tư nắng.

Động từ tương tư có tính cách trừu tượng (trạng thái tâm hồn) được đem ra dùng để chỉ hành động của vật cụ thể (nhà). (Phần nhiều ở đây người ta thường nói một cách đơn giản là: động từ nhân cách hóa. Nhưng thật ra nói như vậy quá đơn giản.)

Dùng hình ảnh theo lối ví von là một đặc điểm của thơ Việt Nam. Hai chữ Như và Là thường được dùng luôn luôn:

Thân em như tấm lụa đào...

Lòng anh như biển sóng cồn...

Mắt em là một dòng sông...

Từ chỗ sử dụng những hình ảnh đơn giản có tính cách mô tả hoặc ví von các thi sĩ cũng lại cố gắng tiến đến một loại hình ảnh phức tạp hơn. Chính loại hình ảnh phức tạp này mới

là những hình ảnh đặc biệt của thi ca bởi vì những hình ảnh có tính cách mô tả hoặc ví von trong văn xuôi cũng thường thấy xuất hiện. Cơ cấu của hình ảnh phức tạp ra sao? Ta hãy chọn lấy một vài kiểu mẫu để thảo luận. Ở trong ca dao ta đã được đọc:

Thân em như tấm lụa đào!

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai...

Hay trong thơ của một tác giả hiện đại:

Mắt em là một dòng sông

Hồn anh bơi lặng trong dòng mắt em.

Ta tìm thấy ngay một sự kiện đầu tiên là thi sĩ ở đây đã ví một sự kiện có thật và một sự kiện tưởng tượng. Sự kiện có thật là: thân em, mắt em. Sự kiện tưởng tượng là hình ảnh: tấm lụa đào, một dòng sông; Tấm lụa đào và một dòng sông nhất định chỉ là những sự kiện hoàn toàn tưởng tượng bởi vì thân một người con

gái không thể nào là một tấm lụa được và mắt nàng không thể nào là một dòng sông được cả. Nhưng dùng tiếng như và tiếng là vẫn chỉ là một sự ví von đơn giản. Vì một sự kiện có thật với một sự kiện tưởng tượng xong rồi thì lại nhầm ngay sự kiện tưởng tượng kể trên thành một thực tại, nói về sự kiện tưởng tượng đó như nói về một thực tại. Nếu thân người con gái chỉ giống như (nghĩa là không phải) một tấm lụa đào mà thôi thì làm thế nào mà nàng lại có thể phất phơ giữa chợ được? Nếu mắt em chỉ là một dòng sông tưởng tượng thì làm thế nào hồn tôi lại có thể bơi trong mắt em được. Nói về sự hồn bơi trong mắt tức là tác giả đã coi dòng sông (mắt) kia là một thực tại. Ví thực với ảo rồi lại nhầm ảo thành thực tại đó, đặc điểm của hình ảnh thuần túy thi ca. Ta có thể kể ra vô số thí dụ tương tự:

Lòng anh như hoa hướng dương

Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời

(Nguyễn Bính)

hay:

Lòng anh như biển sóng cồn
Chứa muôn sông nước ngàn con sông dài...

(Nguyễn Bính)

* * *

Vậy thì sự truyền cảm của những áng thơ đã được thử thách qua thời gian phần lớn đã nhờ kỹ thuật. Kỹ thuật có thể gọi được là sợi dây truyền cảm bén nhậy bắt từ tác phẩm đến người đọc. Thiếu sợi dây thần bí đó những tình cảm dù chân thực mãnh liệt đến đâu cũng mang vẻ quê kệch, tầm thường. Nhưng tại sao có những bài thơ kỹ thuật khá mà vẫn không thể tránh được tầm thường. Bởi vì kỹ thuật không phải chỉ là tổng hợp của vần, điệu, hình ảnh. Vẫn điệu tề chỉnh, hình ảnh chải chuốt vẫn chưa đủ để truyền cảm. Sự truyền cảm ở đây đến từ chỗ sáng tạo không ngừng trên phạm vi kỹ

thuật: sáng tạo vần, sáng tạo tiết điệu, sáng tạo hình ảnh. Những dẫn chứng kể trên cho ta biết rằng thi ca cổ điển thành công vì đã sáng tạo không ngừng. Và kinh nghiệm ta rút tỉa được là: không có sáng tạo thì sẽ không có tác phẩm thực sự.

Rút được kinh nghiệm đó ta cũng tìm thấy lời giải cho câu hỏi đặt ra lúc ban đầu: Tại sao lại bỏ con đường quen thuộc để đi vào một khu rừng hoang vu? Bởi vì có nhiều điều kiện để tìm ra vần mới, tiết điệu mới, hình ảnh mới. Như vậy không có nghĩa là người ta không thể sáng tạo thật sự với những thể thơ cũ. Tôi chỉ nói rằng: thơ tự do cho ta nhiều phương tiện để thực hiện hơn. Những buổi sáng, khi tâm hồn náo động, khát khao khám phá người ta lao mình vào cánh rừng hoang vu. Nhưng những ngày êm ả người ta vẫn muốn đi về trên con đường quen thuộc.

Nhưng dù đi ở trên con đường nào vẫn cần thiết phải sáng tạo không ngừng, sáng tạo thật sự bởi vì chỉ có sáng tạo mới làm nên được tác phẩm.

NGUYÊN SA

BẢN HÀNH CA SỐ MỘT

Không muốn những phiến thời gian giam giữ đời mình, tôi đi trốn xã hội vào một xó công viên

Mầu xanh ngọn cây màu xanh đỉnh trời ru ngủ hồn tôi

Như một kẻ hoàn toàn vô thức tôi thoát ly tất cả lề luật của cuộc đời, của con người, của tôi

Bắt đầu bằng cuối cùng của chấm dứt, tôi khởi thảo cho tôi, cho một kẻ đam mê suy nghĩ, những nhỏ bé tầm thường

Có gì đâu, lầm lỗi mê sảng đã làm người ta sa ngã. Sự sa ngã như loài bò sát đang qua

Lột xác để mà sống không cùng trong cái chết trùng trùng tiếp nối.

Nhận lấy những quả chín thơm ngon của một giấc mơ yên lành để trở về đói bụng của mộng tàn đêm sáng

Tôi cho tôi, cho những suy nghĩ rung cảm của mình những gì tự nó muốn, nó muốn làm máy bay thong dong trong lòng sống sỏi đá, tôi xin chiều tất cả cúi đầu khuất phục.

Không phải bản năng, không một ngàn lần như thế, những thú dữ rừng khuya mãi mãi tái diễn cho mình những tấn kịch, những tấn kịch hồng hoang lập lại

Từ phút này qua phút khác trong triệu triệu sát na có trùng trùng duyên khởi, một bắt đầu là một cuối cùng

Tình yêu hôm qua và tình yêu hôm nay vẫn một người con gái, nhưng đã xa, xa hơn một chuyến đi qua mấy lần bể cả

Có lúc tôi chợt thấy nếu mình về đồng ruộng ngày mùa, đi chậm rãi trong không khi bát ngát mùi ẩm mốc của thóc lúa rơm thơm nắng nghe tiếng chim gù đời đầy đủ hạnh phúc

Nhưng rồi tôi lại trèo lên một chiếc tàu sắp ra khơi, ưỡn ngực lên đón gió bể nồng mùi mặn chát

Một buổi chiều nhạt nắng lang thang trên thành phố lạ gặp một người con gái, người con gái hết sức tầm thường tôi đã yêu say mê hơn cả tuổi mười bảy

Đừng bắt tôi phải lên tiếng tội nghiệp, những quyển tự vị của trăm nghìn nhà thông thái có nghĩa lý gì đâu. Tôi không còn là cậu học trò dễ tin thuở trước. Tôi đã bị lừa gạt gần hết tuổi hoa niên để mà khờ dại nữa sao?

Những con chim hót hay là những con chim bị nhốt trong lồng đang câm nín, câm nín để hót những tiếng hót không âm thanh khuất phục người giam giữ. Trời xanh, suối mát, rừng cây, bản hợp tấu hùng vĩ phải có đủ, có đủ tự do lựa chọn

Có một lần người yêu – cuộc đời, tôn giáo, lý tưởng, lẽ sống – của tôi khẽ hỏi, làm thế để... để...? Tôi không trả lời và toan hủy hoại thân mình làm minh chứng. Sự thật tôi chưa bất lực. Nhưng nói ra, nói ra chỉ khoảng khắc tôi đã không nghĩ thế

Tôi vẫn sỉ vả lăng mạ chính mình để rồi lại tự bào chữa như trời nắng trời mưa những đổi thay không lề luật

Ngày mai hay chỉ tối hôm nay tôi sẽ bỏ cuộc đời ra đi như tôi vẫn nghĩ đây đâu phải chỗ trú ngụ mãi mãi của mình.

Những ác quỉ những thiên thần nếu thật

có hãy cho nhau bầu bạn

Bằng hữu với cỏ cây với đất bùn với... (xin lỗi) những lì lợm giọng tôi tin tôi vẫn sung sướng và tất cả đều hân hoan.

Những con mắt của thù hận hờn căm hãy nhìn thẳng vào nhau để trao đổi yêu thương như những cặp tình nhân chưa kịp ngỏ lời

Nhân loại đã nghi ngờ đau khổ dằn vặt lẫn nhau nhiều hơn cát ngoài sa mạc, nước bốn biển dâng về hồng thủy ngày mai. Để làm gì? Mê loạn lầm lạc sa đọa không chừng?

Tôi bé nhỏ hơn loài dế trong nội cỏ, hơn rất nhiều, rất nhiều, nhưng tôi cho tôi tự do bé nhỏ

Đầy hồn nhiên thơ ấu thường trực như thế, tôi suy nghĩ, dù cho cuộc đời, cho tôi, cho nhân loại ngày mai

Tôi chậm rãi dành cho mình tất cả khởi đầu từ cuối cùng những lộng lẫy sương mai

Rất đau buồn vì đã đi qua, đi qua như một cuộc hành quân ồ ạt

Lựa chọn, tôi đã không lựa chọn mà làm việc say sưa hơn Lý Bạch uống rượu mê trăng

Hủy diệt hay làm lại lịch sử, tôi thản nhiên ngày thẳng dù hiểm nguy đe dọa cuộc đời

Cuối cùng có gì đâu khởi đầu sắp tới

Nếu phải làm đổi thay xã hội tôi cũng không khước từ. Có thể tôi không làm nổi công việc ấy nhưng nhấp một chút men say... men đổi thay cuộc đời biết đâu lòng chẳng thêm hào hứng và được sống cho mình ít nhiều năm tháng bớt trống trơn. Chỉ có thể thôi. Vâng tất cả.

VƯƠNG TÂN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của:

Mạc Sơn – Nguyễn Trung – Thái Tuấn – Trường Giang – Nguyễn Đăng

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA ĐÔNG NAM Á

của TẠ VĂN NHO Quan Điểm xuất bản

Đặt thành những vấn đề riêng biệt cho Đông Nam Á trong lúc này là một công việc có nhiều khó khăn. Người ta thấy cần đến những suy tưởng của một Bertrand Russell, những cái nhìn thấu đáo của Tibor Mende.

Chắc cũng nghĩ như vậy nên mở đầu cho cuốn sách "Những vấn đề của Đông Nam Á" của mình, Tạ Văn Nho đã minh xác: "Không

có tham vọng đề xướng một giải pháp duy nhất cho toàn thể các nước ở Đông Nam Á. Tạ Văn Nho chỉ muốn nói những tiếng nói của một người dân người dân ở trong cuộc – để trình bày những điều thiết yếu cho vấn đề Cộng cũng như cho công cuộc xây dựng một nước mới độc lập trong vùng Đông Nam Á.

Những vấn đề của Đông Nam Á được Tạ Văn Nho đặt thành trên một bối cảnh lịch sử trong đó Tạ Văn Nho trình bày loài người đang bị quay cuồng trong cái "quá mực độ" của mình, bởi vì đã có sự bất thích ứng của con ngoài đối với những quyền năng ghê gớm mà bỗng nhiên nó nắm giữ được. Đó là một "ngã tư của lịch sử".

Đứng trước ngã tư ấy Tạ Văn Nho đề cập tới số phận của khối người Đông Nam Á hơn 600 triệu, thiếu ăn, thiếu mặc, bệnh tật, thất học... Tạ Văn Nho đi từ một tiền đề: "Các dân tộc Đông Nam Á có nhiều vấn đề giống nhau phải giải quyết, có nhiều mặc cảm tâm lý tương

tự và có nhiều chính trị tương đồng".

Quảng diễn tiền đề này, trước tiên Tạ văn Nho nêu lên vấn đề Nông Dân, được coi như là thực chất của vấn đề xã hội Đông Nam Á. Nông dân là lực lượng sản xuất chính của xã hội ĐNÁ. nhưng nông dân tại miền này sống lặn ngụp trong nghèo đói, bệnh tật. Đã vậy lại còn bị nạn nhân mãn hành hạ. Kỹ thuật canh tác lạc hậu không đủ nuôi sống số miệng ăn ngày một tăng theo tốc độ đáng lo ngại. Vẫn chỉ có một cuộc chạy đua giữa sản xuất canh nông và cái nôi!

Nông dân bất lực trước những vấn đề sinh tử của mình bởi vì là một lực lượng sản xuất mà không có thế lực kinh tế, một địa vị chính trị nào. Cái bất công xã hội này là những động lực thúc đẩy nông dân bước vào cuộc giai cấp đấu tranh chỉ có lợi cho Cộng sản.

Sửa chữa thảm trạng ấy, Tạ Văn Nho tán thành việc "kiểm soát sự sinh sản" đưa tới sự

hạn chế sinh sản. Phải kìm hãm cái nôi nếu không nhân loại Đông Nam Á còn nghèo đói! Mặt khác còn phải cải tiến kỹ thuật canh tác và nhất là phải chuẩn bị ngay việc xây dựng một nền kỹ nghệ xã hội hóa, nói khác đi phải phát động một thứ "đột biến xã hội".

Đó là những nguyên tắc mà chắc chắn không ai phản đối. Nhưng thực hiện bằng phương tiện nào? Về điểm này Tạ Văn Nho rất dứt khoát: Đ.N.Á. cần vốn và kỹ thuật ngoại quốc để phát triển kinh tế. Không nên có một thái độ khắt khe quá đáng của những kẻ chủ trương quốc gia quá khích. Chủ nghĩa Thực dân ở Á Đông đã cáa chung, những hình thức đế quốc kinh tế chủ nghĩa không còn quân đội hậu thuẫn nên ngày càng suy tàn.

Tạ Văn Nho kết thúc vấn đề nông dân của mình bằng một khẳng định: mực sống xã hội và tự do chính trị của Đ.N.Á cũng tùy thuộc một phần lớn ở sự cộng tác hữu hiệu của khoa học và kỹ thuật Tây Phương.

Sẽ không lấy gì làm lạ, nếu Tạ Văn Nho đã phá mặc cảm chư hầu và kết luận: "Vậy còn đợi gì mà không đối đáp lại thiện chí của Tây Phương bằng một thái độ hiểu biết, thiết thực?"

Ngoài vấn đề vật chất trên, Tạ Văn Nho còn bàn luận về một vấn đề tinh thần: sự ám ảnh của Cộng sản đối với đời sống của Đ.N.Á. Sự ám ảnh này thể hiện bằng một sự "sợ hãi", một sự "ghê tởm" và đồng thời sự "luyến mộ" đối với những phương pháp Cộng sản, như đó phương pháp được chứng minh là có hiệu lực. Từ đó nảy ra một nghi vấn: "Phải chăng ngoài chế độ Cộng Sản ra, chỉ có tổ chức độc tài phát xit là lối thoát cho các nước Đông Nam Á?"

Tạ Văn Nho không tin như vậy.

Tạ Văn Nho tin ở sự thất bại của những giải pháp độc tài và sự thành công của dân chủ. Nhưng số phận nền dân chủ ấy lại tuy thuộc một phần thái độ của Mỹ và của dân chúng do thành phần trí thức tiểu tư sản lãnh đạo đòi

hỏi mở rộng dân chủ, hủy bỏ "sự thống trị của một thiểu số bản xứ". Chỉ trích những tật bệnh ấu trĩ của Đ.N.Á, Tạ Văn Nho đề ra sau hết ba nhiệm vụ cho Đ.N.Á:

1. Cải biến những chế độ tập sự độc tài thành những chế độ dân chủ.

2. Cải thiện mực sống của đại chúng bằng một nỗ lực liên tục về kỹ nghệ và canh nông.

3. Ấn định một đường lối đối ngoại thuận lợi cho sự kết hợp khối Đ.N.Á.

Muốn làm trọn ba nhiệm vụ đó còn phải khởi mở một công cuộc xây dựng tích cực tiếp theo những công cuộc chống thực dân, nói một cách khác còn phải làm một cuộc Cách Mạng theo tiêu chuẩn: "Phục hưng tinh thần và tiến bộ về một đời sống văn minh tốt đẹp hơn".

Cuộc cách mạng ấy do tầng lớp tiểu tư sản lãnh đạo sẽ xảy dựng nổi một chế độ xã hội

quân bình và tự do. Đó là kết luận không chờ đợi "Những vấn của Đông Nam Á" thuộc loại những tác phẩm không khơi ra những cuộc thảo luận sôi nổi.

Để phê bình có thể ghi một vài điểm. Nói chung Tạ Văn Nho đã thành công ở "Những vấn Đ.N.Á" hơn ở "Thế giới đi về đâu". Tuy nhiên người đọc có thể không được thỏa mãn vì sự thiếu nhất trí của tác phẩm. Có lúc tác giả khách quan như một nhà khoa học xã hội (social scientist) có lúc lại thiên vị như một nhà tuyên truyền chính trị. Do đó mà có nhiều mâu thuẫn. Nhưng nhược điểm đó không quan trọng lắm. Một điểm người đọc có thể trách Tạ Văn Nho nhiều:

Sự ngộ nhận về cuộc xung đột giữa Đông và Tây. Theo Tạ Văn Nho dân chúng Đông Nam Á, có lẽ vì di hận, có óc bài xích Tây Phương. Lẽ ra nên nói: bài xích thực dân.

Đã vậy, "Những vấn đề Đ.N.Á" lại rất lạc

quan đối với chủ nghĩa đế quốc và cổ súy một sự hợp tác không dè dặt vì theo tác giả của nó "ngày nay khoa học và kỹ thuật đã làm thay đổi nhiều quan niệm cổ điển về chủ quyền quốc gia, về chủ nghĩa quốc gia nhất là trên các phương diện kinh tế và phòng vệ chiến tranh".

Làm cách mạng, nhất là một cuộc cách mạng giải phóng và tiến thăng một dân tộc nhược tiểu không phải là làm một cuộc thí nghiệm. Những lỗi lầm của những lý thuyết gia có thể sẽ vùi dập dân chúng vào thảm họa có khi hàng thế kỷ. Lịch sử đã chứng tỏ như vậy. Cho nên sự thận trọng chỉ có nghĩa là "trách nhiệm" không phải là "bài xích", "mặc cảm" hay "bệnh ấu trĩ".

Mạc Sơn

TRIỂN LÃM HÀ HỒNG LIÊN

Xem cuộc triển lãm Hà Hồng Liên, nhiều người phân vân vì lối vẽ của Cô. Đại để có hai ý kiến: Ý kiến thứ nhất cho rằng nữ họa sĩ có một lối vẽ phóng túng, giản dị; Ý kiến thứ hai, nữ họa sĩ đã vẽ hơi cầu thủ! Chúng ta hãy xét qua kỹ thuật họ Hà để xem ý kiến nào đúng.

Trước hết, ta hãy nói đến bố cục. Hầu hết ở những tác phẩm của Hà Hồng Liên, yếu tố cần thiết cho cái đẹp của bức tranh đã bị quên lãng. Có những mảng màu được đặt một cách vô tâm trên bức tranh. Kết quả là bức tranh bị mất thăng bằng! Hãy nhìn "Chiếc bình xanh" hay "Nghỉ Ngơi" hoặc một số tranh khác thì rõ!

Ở "Chiếc bình xanh" cái màu xanh quá nặng của chiếc bình đáng bị xóa bỏ vì nó làm mất thăng bằng và hòa hợp! Nếu cô dùng chữ ký cùng màu (xanh) đặt bên góc phải phía trên bức tranh có lẽ cũng gỡ lại phần nào.

Ở "Nghỉ ngơi", mảng màu đỏ đặt hẳn về bên trái một cách vô ý thức đã đưa mắt đối tượng ra ngoài bức tranh...

Tuy nhiên cũng có những bố cục khá vững như "Trao Đổi" chẳng hạn, nhưng không đặc sắc lắm.

Màu sắc trên tay nữ họa sĩ nhiều khi hơi sỗ sàng và ít được tìm tòi. Ta thấy phần nhiều là màu nguyên chất; những màu pha trộn thiếu hẳn sinh lực! Như ở "Thơ mộng", diễn tả một thiếu nữ đang mơ mà màu sắc quá già nua! "Cô bán rau" thì quá bệnh hoạn và "Con ếch" không thấy phảng phất cái chất nghệ thuật! Có những bức tranh (Ánh sáng. Trồng cây v. v...) với bút pháp theo phái chấm họa (Pointillisme, một ngành của ấn tượng) cho ta thấy sự sai lầm về cái đẹp của Hà Hồng Liên.

Những tư tưởng phóng khoáng phần nhiều rất hay; song cái phóng túng phải dựa trên nguyên tắc căn bản nếu không thì dễ sinh

ra sự cẩu thả! Những chấm màu của Hà Hồng Liên, ở đây, như cố ý trám cho đầy bức tranh chứ không do một định kiến gì. Lối vẽ bằng nét đen đệm lên một mảng màu, lối đặc biệt của họ Hà, không cho ta thấy cái đẹp! (Những nét vẽ bằng cọ to, quá nặng nề: những mảng màu đi bừa không có sự cân nhắc).

Nếu có vài bức đẹp thì chỉ là sự may rủi! Một anh bạn vừa ở phòng tranh ra, nói với tôi để ám chỉ lối vẽ này:

– Nếu tôi rảnh, tôi sẽ làm một lô tranh như thế này để triển lãm!

Lời nói hơi lố, song không phải hoàn toàn không ý nghĩa!

Ở bức "Ba người nhóm tranh luận", họa sĩ đã đi một cách vô ích những đường lộn xộn trên bức tranh với dụng ý gây một bầu không khí của cuộc tranh luận! Bức này làm ta nghĩ đến một tác phẩm của một danh họa Âu diễn

tả khéo léo cái không khí nhộn nhịp của một phòng đông người: họa sĩ nọ đã chỉ tô những mảng màu sáng trên má của những nhân vật! Cái "thấy" của người nghệ sĩ là ở chỗ đó; họ hơn chúng ta ở chỗ nhìn sự vật bằng cặp mắt thấu triệt tự nhiên, hoặc ở khía cạnh này, hoặc ở khía cạnh khác, rồi phô diễn ra bằng màu sắc, đường nét hầu phá tan cái màn ngăn cách vốn có giữa người thường và sự vật...

Vậy ở "Ba người nhóm tranh luận", nếu Hà Hồng Liên đã "nhìn" thấy cái khía cạnh của đề tài trên, thì với những mảng màu, đường nét được vận dụng khéo léo, bình thản, họa sĩ cũng có thể đạt được, không cần lối phô diễn quá "cụ thể"!

Nổi bật trong tác phẩm Hà Hồng Liên có lẽ là bức "Sau công việc". Mặc đầu kỹ thuật chưa hoàn toàn, song nội dung vẫn được diễn đạt khá đầy đủ do một rung cảm khá chân thành. Ta thấy nữ họa sĩ muốn nói lên cái mệt nhọc của người cần lao sau công việc. Sắc nóng được

dùng ở đề tài này rất hợp; màu sáng trên chiếc nón của nhân vật trong tranh rất ý nhị. Nếu kỹ thuật được khai thác thêm, có lẽ nữ họa sĩ thành công hơn!

Nhìn vào đề tài, ta thấy họ Hà đã sáng tác theo rung cảm của một nội tâm thuần phác; cặp mắt của cô quá tham lam trước nhiều hiện trạng của sự vật. Do đó thiếu sự cân nhắc. Và vì thế Hà Hồng Liên chưa trình bày được quan niệm nghệ thuật của mình.

Qua nhận xét trên, ta thấy ý kiến thứ hai có phần đúng. Nhưng nếu bố cục được chú ý, màu sắc và đường nét được trình bày cẩn thận, ý thức và tìm tòi hơn thì, hợp với tinh thần phóng khoáng với một chân tài được biểu lộ qua một vài tác phẩm của Hà Hồng Liên, sự thành công sẽ đến với cô không khó vậy!

Nguyễn Trung

Sinh viên Mỹ Thuật

XEM TRIỂN LÃM HỘI HỌA PHI LUẬT TÂN

Đã lâu lắm, lần này giới yêu hội họa lại có dịp may mắn để thưởng ngoạn nghệ thuật hội họa nước ngoài.

Phần lớn các tác phẩm đưa ra trưng bày tại Phòng Thông tin đô thành thuộc loại tranh sơn dầu, có xen lẫn một ít tác phẩm về điêu khắc. Ở đây tôi chỉ có ý kiến về các bức tranh sơn dầu.

Cách bày tranh, thận trọng và mỹ thuật. Gần hai chục bức treo trên những tấm bảng đứng rất đẹp và riêng rẽ.

Ở phần kỹ thuật nghề nghiệp: các họa sĩ Phi đã tỏ ra rất nhiều kinh nghiệm. Chất sơn dầu đã được sử dụng một cách lành nghề và tài

tình: chỗ thì trong vắt như ở bức "Space", chỗ thì êm mát bức "Idols in the Third Eye", có chỗ chất sơn dẻo dai quánh đặc như bức "Dambana".

Về lối về, phần lớn thuộc loại trừu tượng: Có loại trừu tượng kỷ hà, trung thành với lý thuyết của Mondrian, không có đường cong, chỉ có liên quan về bề mặt đó là bức "City". Có loại trừu tượng điểm họa theo như Wols không cần chú trọng đến hình thể chỉ cốt tìm cái đẹp ngay trong chất (matières) sơn: bức "Neolithie Figures". Có loại trừu tượng ký hiệu, ảnh hưởng theo lối chữ viết của Trung Hoa và Nhật bản như bức "Pink Saeta". Có loại chỉ riêng tìm kiếm hình thể và nhịp điệu thuần khiết theo lối của Atlan.

Về cách vẽ. Có lối kỹ thuật không dùng đến bút sơn mà chỉ dùng lối bật dây (giống như chiếc dây lấy mực của thợ mộc) như bức "Bộ

mặt hội chợ"; có bức dùng cách đập sơn lên như bức "Carousel". Tất cả các cách vẽ đều được sử dụng, khai thác đầy đủ, kỹ lưỡng. Một số họa phẩm khác không thuộc về lối trừu tượng, có bức "Market Vendors" màu sắc và cách bố trí làm người ta nhớ lại những tranh cổ của các họa sĩ Tây Ban Nha thuộc loại tôn giáo. Bức "Dambana" với những đường nét trang trí nhắc tới những đường viền thêu trên chiếc áo di lê của các chàng "TORÉADOR".

Nhìn chung, tất cả những họa phẩm ấy, tôi nhận thấy các họa sĩ Phi đã có một sự hiểu biết thấu đáo, rộng rãi về nghề nghiệp, và ưu điểm chính cũng là ở vấn đề kỹ thuật. Nhưng thật đáng tiếc tác dụng của những họa phẩm đó đã bị ngừng chặn lại ở biên giới của thị giác, nó không thể đi sâu và xa hơn nữa là gây được cảm xúc tới chính ngay tâm hồn người thưởng ngoạn.

Vì thiếu bản chất, màu sắc riêng biệt nên nó có thể là sản phẩm của bất cứ một xứ sở nào cũng được. Đó là những họa phẩm có giọng nói của thời đại nhưng không nói lên được tư tưởng của thời đại; và đó cũng là những tác phẩm được chế tạo, chứ không phải sáng tạo.

Thái Tuấn

TRIỂN LÃM S. MAGNARD

Hội quán Pháp văn đồng minh 22 Gia Long

Lần thứ hai tại Saigon họa sĩ S. Magnard triển lãm một số họa phẩm đầy đủ hơn với những phong cảnh Paris, Nhật bản, Cambodge và Việt Nam bằng đủ mọi phương tiện hội họa: sơn, dầu, thuốc nước, chì son và thạch bản.

Với 60 tác phẩm mà đa số là thuốc nước, Maguard cho ta thấy tài vẽ rất hoạt của ông bằng

đường nét. Họa sĩ thành công nhất ở những loại tranh vẽ trong thời kỳ tại Paris màu sắc nhịp nhàng, cân đối mà vẫn phóng túng, đấy là ưu điểm của Magnard. Sự kiện này còn biểu hiện trong một số tranh vẽ ở Hồng Kông, Nhật bản, Cambodge và Nha Trang; Về phương diện hình họa Magnard tỏ ra có căn bản vững vàng.

Tuy nhiên trong một vài tranh to vẽ Người bán bóng, Mọi Cao nguyên v. v... họa sĩ chưa được thành công lắm. Người ta thấy tranh có tính chất của loại tranh bích họa.

Dầu sao kỳ triển lãm này, Magnard đã thành công nhiều so với lần trước và với nhiều cuộc triển lãm gần đây. Những tấm thạch bản của ông cũng mang nhiều tính chất địa phương. Nhưng so sánh với các tranh thuốc nước và sơn dầu khác thì chưa bằng trên phương diện nghệ thuật.

Trường Giang

NHẬN ĐỊNH

của NGUYỄN VĂN TRUNG — Nguyễn Du xuất bản.

Gồm những bài đã đăng trên tạp chí Sáng Tạo, Bách khoa, Gió Mới và Thông Cảm (cơ quan của một nhóm sinh viên công giáo) tập sách trình bày một số vấn đề văn chương, giáo dục, triết lý và tôn giáo, theo nhận định riêng của tác giả. Điều này được ghi rõ trong lời mở đầu: Biểu lộ một nỗ lực giải quyết những thắc mắc của một người trong hoàn cảnh riêng biệt của mình. Người đọc đã có một ý niệm rõ rệt về dụng ý của tác giả. Ông không thuyết phục, không đòi hỏi một sự thống nhất quan điểm, cũng không có tham vọng xây dựng một phương pháp nhận định gương mẫu, duy nhất. Trái lại, ông chỉ chủ quan phân tích một số vấn đề trước hết thiết yếu đối với riêng ông và không chờ đợi gì hơn là sự thông cảm, sự

chú ý và những ý kiến chúng ta sẽ phát biểu về những vấn đề đó.

Ý hướng triết học do quan niệm này, được ông giải thích như một hiện tượng gắn liền với đời sống, và sẽ mất hết ý nghĩa khi tách rời khỏi đời sống. Triết lý thể hiện nỗi lo lắng tìm kiếm không ngừng không nghỉ của con người.

Đó là một thái độ đúng. Và tiến bộ nữa. Chính nhờ có thái độ này tác giả đã có được một cái nhìn trong sáng, một lối nhận định linh động, trực tiếp về chân tướng và bản thể sự vật. Không phải do nơi kiến thức sâu rộng, học vấn uyên bác, mà bởi lòng chân thành mà con người tìm thấy sự thực phô diễn dưới muôn vàn hiện tượng khác biệt và giá trị tương đối. Lòng chân thành ở đâu, sự thực và chân lý ở đó. Tác giả đã có được sự chân thành này khiến cho tác dụng của tập sách không nằm trong những ý kiến được nêu ra mà trong cái thái độ của người đã nêu ra những ý kiến đó. Một vài vấn đề khác biệt, lẻ tẻ đề cập tới những lĩnh vực

quá ư rộng lớn, chưa thể xác định được ở đây, một nhà triết học lỗi lạc, nhưng đã giới thiệu được với chúng ta một con người, có một đời sống tinh thần phong phú, một niềm tin mãnh liệt và một căn bản vững vàng.

TRIỂN LÃM TRANH LỤA của NGHI CAO UYÊN tại PHI LUẬT TÂN

Tháng ba vừa rồi một cuộc triển lãm tranh lụa của Nghi Cao Uyên đã được tổ chức tại thủ đô Ma-Ní. Tác phẩm là kết quả sáng tác của họa sĩ trong mấy tháng lưu trú tại đây. Tuy số tranh ít, – cả thảy có 10 bức – nhưng nội dung mới lạ và tính chất độc đáo đã gây được một sự xúc động lớn lao cho lớp người yêu thích hội họa Phi. Và đã đành được sự chủ ý đặc biệt của báo chí. Những bài phê bình tường tận, đầy cảm tưởng tốt đẹp nói tới nhà "họa sĩ trẻ tuổi Việt Nam" đã tìm được một lối đi riêng trong sự dung hòa kỹ thuật Tây phương với nội dung

Đông phương, mang lại cho tranh lụa một đặc tính nghệ thuật rất đáng kể.

Về nước, Nghi Cao Uyên cho biết thêm là sự tiếp xúc với các giới hội họa Phi đã giúp ông thu lượm được nhiều kinh nghiệm hữu ích và kết quả cuộc triển lãm này sẽ giúp ông thực hiện được những cuộc triển lãm khác trong những lần xuất dương sắp tới.

Nguyễn Đăng

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Các bạn yêu nghệ thuật nên tìm đọc

GÁNH XIẾC

Truyện ngắn của Doãn Quốc Sỹ có bán ở các Nhà sách và tại nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng – 38 Phạm Ngũ Lão Saigon – Giá: 40$00

VĂN HÓA NGÀY NAY

Do nhà văn Nhất Linh chủ trương, những tập giai phẩm dưới đầu đề Văn Hóa Ngày Nay, sẽ được phát hành một ngày gần đây. Nội dung Văn Hóa Ngày Nay sẽ gồm có những sáng tác mới nhất của Nhất Linh như trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, ký sự Đời Làm Báo, ký

sự vui Đời Tu Tiên, thiên khảo luận Viết và Đọc Tiểu Thuyết và truyện dịch Đỉnh Gió Hú.

Ngoài ra, Văn Hóa Ngày Nay còn được sự cộng tác của các nhà văn Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Duy Lâm, Trường Hùng, Bảo Son, Nguyễn Thành Vinh v. v..

Văn Hóa Ngày Nay cũng sẽ đang lại những sáng tác chọn lọc trong hai tập báo Phong Hóa và Ngày Nay, với mục đích ghi lại một giai đoạn văn hóa và dùng những sáng tác đó làm tài liệu nghiên cứu.

HỘP THƯ SÁNG TẠO

Của bạn: Duy Nông, Hoàng Yên Trang, Thanh Chy, Hy Mã, Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Danh Quang, Lưu Võ Yên, Nguyễn Trung, Hoàng

Phu, Bùi Tiên, P.V.V. Cẩm Cầm, Phạm Văn Mai, Hòa Nhi, Tu Sỹ, Tùy Vũ, Thiên Giang, Thái Việt Châu.

Đã nhận được thư văn của các bạn. Cảm tạ.

Dương Mạc Phong: Đã nhận được Ngậm Ngùi. Thư lại để là V.T.T.N. Vậy anh hay chị?

Nguyễn Trung: Không tien viet thư. Chừng nào rảnh lại tòa soạn nói chuyện.

Tác giả bài Vương Tơ: Đã chuyển đến Nguyễn Si.

Ô. Nguyễn An: Không đăng hai bài thơ đó.

Ô. Nguyễn Ngọc Châu: Đã nhân được sáng tác. Đang xem. Thân ái.

Thạch Trân: Nhận dược thư. Thân ái.

Trung sỹ Thái Bưởng: Rất tiếc vì tăng trang, tờ báo giấy không thể đăng lề giữa như cũ.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Những tác phẩm sẽ phát hành trong năm nay

NGUYỄN SỸ TẾ

Huyên – Truyện ngắn

Việt Nam văn học tạp luận — Luận thuyết

Hồ Xuân Hương — Khảo luận

MAI THẢO

Cùng đi một đường — Truyện dài

THANH TÂM TUYỀN

Bài ngợi ca tình yêu — Thơ tự do

DOÃN QUỐC SỸ

Trái cây đau khổ — Kịch dài

NGUYÊN SA

Văn chương Việt Nam — Khảo luận

TRẦN LÊ NGUYỄN

Bão thời đại — Kịch dài

Mấy mươi ngõ hẹp — Truyện phim

Nhà in Nguyễn Đình Vượng
38, Phạm Ngũ Lão Saigon